TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 265/2024/HS-ST
Ngày 16-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Lực;

2. Bà Hoàng Lệ Chi.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Việt Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Cao Tấn Ngoan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 16 tháng 9 năm 2024 tại Hội trường A, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 248/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Ngô Văn V, sinh năm 1985 tại tỉnh Nghệ An; thường trú: Số C, đường số A, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Ngô Minh V1, sinh năm 1956 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1962; bị cáo có 03 anh chị ruột, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/02/2021 đến ngày 02/7/2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Quyết định bảo lĩnh; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. Nguyễn Thị Quỳnh N1, sinh năm 1994 tại tỉnh Khánh Hòa; thường trú: Thôn Q, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở: Số C ấp N, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; bị cáo có 02 chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2011; bị cáo có chồng tên là Võ Thành L, sinh năm 1993; có 01 con ruột, sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/02/2021 đến ngày 02/7/2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Quyết định bảo lĩnh; bị cáo tại ngoại;

có mặt.

3. Nguyễn Văn H1, sinh năm 1985 tại tỉnh Hưng Yên; thường trú: Thôn X, xã M, huyên Y, tỉnh Hưng Yên; chỗ ở: Số F, đường N, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1962 và bà Phan Thị N3, sinh năm 1962; bị cáo có 01 em ruột, sinh năm 1987; bị cáo có vợ tên là La Thị L1, sinh năm 1987; có 02 con ruột, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/10/2017, bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữa, phạt bổ sung 5.000.000 đồng về tội "Đánh bạc", theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 279/2017/HSST, chấp hành xong hình phạt ngày 01/9/2018; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/5/2021 đến ngày 02/7/2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Quyết định bảo lĩnh; bị cáo tại ngoại; có mặt.

4. Ngô Gia C, sinh năm 1982 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: Khu D, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: Số A, đường số C, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; giới tính: Nam; con ông Ngô Đình T, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1954; bị cáo có 04 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1975, nhỏ nhất sinh năm 1986; bị cáo có vợ tên là Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1983; có 02 con ruột, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 26/5/2005, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 01 tháng 01 ngày tù về tội "Gây rối trật tự công cộng", theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 820/2005/HSST, chấp hành xong hình phạt ngày 26/5/2005, đóng án phí ngày 06/10/2005; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/5/2021 đến ngày 04/8/2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Quyết định bảo lĩnh; bị cáo tại ngoại; có mặt.

5. Trịnh Ngọc L3, sinh năm 1970 tại tỉnh Thanh Hóa; thường trú: Số G, đường G, tổ B, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; chỗ ở: Nhà không số, tổ A, khu phố P, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Trịnh Văn T1, sinh năm 1930 (đã chết) và bà Trần Thị Đ, sinh năm 1930 (đã chết); bị cáo có 05 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1957, nhỏ nhất sinh năm 1970; bị cáo có vợ tên là Đoàn Thị T2, sinh năm 1982; có 04 con ruột, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

6. Bùi Trí O, sinh năm 1983 tại tỉnh Thanh Hóa; thường trú: Số A đường H, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Bùi Ngọc K, sinh năm 1956 và bà Lê Thị V2, sinh năm 1958; bị cáo có 06 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1993; bị cáo có vợ tên là Ngô Thị Hồng P, sinh năm 1986; có 02 con ruột, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị

bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/3/2021 đến ngày 11/5/2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Quyết định bảo lĩnh; bị cáo tại ngoại; có mặt.

7. Bùi Trí N4, sinh năm 1986 tại tỉnh Thanh Hóa; thường trú: Số B, đường số C, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Bùi Ngọc K, sinh năm 1956 và bà Lê Thị V2, sinh năm 1958; bị cáo có 06 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1993; bị cáo có vợ tên là Đào Thị H3, sinh năm 1986; có 02 con ruột, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/02/2021 đến ngày 28/5/2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Quyết định bảo lĩnh; bị cáo tại ngoại; có mặt.

8. Nguyễn Thị Thu K1, sinh năm 1976 tại tỉnh Quảng Ngãi; thường trú: Số A, đường số E, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông Nguyễn Đình L4, sinh năm 1940 và bà Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1949; bị cáo có 04 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1970, nhỏ nhất sinh năm 1979; bị cáo có chồng tên là Ung Hoàng C1, sinh năm 1971; có 02 con ruột, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2021 đến ngày 05/10/2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Quyết định bảo lĩnh; bị cáo tại ngoại; có mặt.

9. Trần Thị Ngọc D1, sinh năm 1978 tại tỉnh Thừa Thiên – Huế; thường trú: Khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; chỗ ở: Nhà không số, thửa 2191, tờ bản đồ 65, đường Đ, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông Trần Văn T3, sinh năm 1948 và bà Bùi Thị T4, sinh năm 1953; bị cáo có 04 chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1990; bị cáo có chồng tên là Lê T5, sinh năm 1979; có 02 con ruột, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/6/2021 đến ngày 18/8/2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Quyết định bảo lĩnh; bị cáo tại ngoại; có mặt.

10. Vòng Xí L17, sinh năm 1984 tại tỉnh Đồng Nai; thường trú: Số F, khu phố F, ấp B, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: Số C đường D, khu dân cư V, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông Vòng Nịp M1, sinh năm 1965 và bà Yến Mộc G, sinh năm 1965; bị cáo có 07 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1995; bị cáo có chồng tên là Chướng Sĩ K2, sinh năm 1982 (đã ly hôn); có 01 con ruột, sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

11. Phạm Thị H4, sinh năm 1989 tại tỉnh Thanh Hóa; thường trú: Số F, khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông Phạm Văn H5, sinh năm 1938 (đã chết) và bà Trịnh Thị

V3, sinh năm 1947; bị cáo có 05 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1975, nhỏ nhất sinh năm 1989; bị cáo có chồng tên là Nguyễn Nam S, sinh năm 1986; có 02 con ruột, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

12. Lày Sau C2, sinh năm 1987 tại tỉnh Đồng Nai; thường trú: Số D, ấp D, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: Số A K, chung cư B, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông Lày A N5, sinh năm 1960 và bà Lìu Hỷ P1, sinh năm 1970; bị cáo có 01 em ruột, sinh năm 1992, bị cáo chưa có chồng con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

13. Trang Trung H31, sinh năm 1973 tại tỉnh Tiền Giang; thường trú: Số G, đường S, khu phố C, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Trang Trung C3, sinh năm 1947 và bà Võ Thị Tuyết V4, sinh năm 1947; bị cáo có 04 anh em ruột, lớn nhất sinh năm 1970, nhỏ nhất sinh năm 1976, bị cáo vợ tên Đào Thị Cẩm X, sinh năm 1984, có 02 con ruột, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Hữu Á, sinh năm 1996; thường trú: Thôn Q, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

2. Công ty Cổ phần D7, MST 3702417953; địa chỉ trụ sở: Lô A (khu A), đường D, khu công nghiệp R, xã A, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Tan L5.

3. Công ty trách nhiệm hữu hạn M12, MST 3702376055; địa chỉ trụ sở: Lô E (khu B), đường D, khu công nghiệp R, xã A, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Chen Tung C4.

4. Công ty trách nhiệm hữu hạn K8, M13; địa chỉ trụ sở: Lầu G, số F N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Bà Đỗ Thu H6.

5. Công ty Cổ phần Ô - Chi nhánh B10, MST 3600252847-002; địa chỉ trụ sở: Số A Quốc lộ A, khu phố A, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thiện M2.

6. Công ty trách nhiệm hữu hạn F1, MST 0314114086; địa chỉ trụ sở: Số A đường B, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Quang T6.

7. Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ7, MST 0314719229 địa chỉ trụ sở: Số G đường H, ấp F, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Ngọc Đ1.

8. Công ty trách nhiệm hữu hạn T49, MST 0315725137; địa chỉ trụ sở: Số F, ấp D, xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Bà Vương Thị M3.

9. Công ty trách nhiệm hữu hạn K9, M14; địa chỉ trụ sở: Số A H, phường

H, quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Tống Thị C5.

10. Công ty trách nhiệm hữu hạn A5, M15; địa chỉ trụ sở: P, tầng số 8, tòa nhà B, số B đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Joo Jin J.

11. Công ty trách nhiệm hữu hạn K10, MST 3702188397; địa chỉ trụ sở: Số160B, tổ G, ấp T, xã A, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Lương Khải H7.

12. Công ty trách nhiệm hữu hạn M16, MST 3702347142; địa chỉ trụ sở: Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 20, ấp D, xã A, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Minh T7.

13. Công ty trách nhiệm hữu hạn K11; địa chỉ: Lô D-D-CN, khu công nghiệp M, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Lin Sung M4.

14. Công ty Cổ phần T50, MST 0302158498; địa chỉ trụ sở: Số B đường V, Phường G, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Viết H8.

15. Liên Danh VCGP-BESSAC CWI, MST 0314627433; địa chỉ trụ sở: Số A, N, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Francois P2.

16. Công ty trách nhiệm hữu hạn A6 (Việt Nam), M17; địa chỉ trụ sở: Số D đường T, Phường F, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Khánh A.

17. Công ty trách nhiệm hữu hạn T51, M18; địa chỉ trụ sở: Số F N, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Đình B.

18. Công ty trách nhiệm hữu hạn X3, M19; địa chỉ trụ sở: Số A đường D, khu S, khu phố D, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Viết L6.

19. Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV T52, M20; địa chỉ trụ sở: Số A đường số C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Thành N6.

20. Công ty trách nhiệm hữu hạn S8, MST 0305995568, địa chỉ: Số D P, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Lưu Cẩm P3.

21. Công ty Cổ phần T53, M21; địa chỉ: Tầng E, Tòa nhà C đường N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Anh V5.

22. Công ty trách nhiệm hữu hạn M22, MST 0308293292; địa chỉ: Số A T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Ngọc G1.

23. Công ty Cổ phần B11, M23; địa chỉ: Số B, đường Đ, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Ngọc H9.

24. Công ty trách nhiệm hữu hạn S9, MST 3700768480; địa chỉ: Thửa đất

số 420, tờ bản đồ số 11, tổ A, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Bích N7.

25. Công ty trách nhiệm hữu hạn S10, MST 3702551268; địa chỉ: Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 7, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Hồ Văn K3.

26. Công ty trách nhiệm hữu hạn G3, MST: 3702426796; địa chỉ trụ sở: Thửa đất số 209, tờ bản đồ số 08, khu phố P, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thăng N8.

27. Công ty trách nhiệm hữu hạn Y1, MST: 3700483439; địa chỉ: Số C đường Đ, khu công nghiệp V -Singapore, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Mumata O1.

28. Công ty trách nhiệm hữu hạn T54, M24; địa chỉ: Số D đường C, tổ F, khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Quang T8.

29. Công ty Cổ phần T55, MST 303861978; địa chỉ: Số B Đ, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Phi O2.

30. Công ty trách nhiệm hữu hạn S11, MST 3700497262; địa chỉ: Số A đường Đ, khu công nghiệp V - S, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Tsao Yung W.

31. Công ty trách nhiệm hữu hạn I, M25; địa chỉ: Lô D, đường số A, khu công nghiệp Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Byeo Seung A1.

32. Công ty trách nhiệm hữu hạn M26, MST 0315623304; địa chỉ: Tầng F, B N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Hoa H10.

33. Công ty trách nhiệm hữu hạn W2, M27; địa chỉ: Số A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Suen Pei L7.

34. Công ty trách nhiệm hữu hạn S12, MST 0304761912; địa chỉ: Số D ấp D, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Fan Pei F.

35. Công ty trách nhiệm hữu hạn K12, MST 3701979847; địa chỉ: Thửa đất số 157, tờ bản đồ số A3, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Thanh T9.

36. Công ty trách nhiệm hữu hạn N21, MST 3702355601; địa chỉ: Thửa đất số 599, tờ bản đồ số 09, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Minh N9.

37. Công ty trách nhiệm hữu hạn E, MST 3702862175; địa chỉ: Thửa đất 25-26 tờ bản đồ số 81, đường D, khu tái định cư P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Kim .

38. Công ty trách nhiệm hữu hạn T56, MST 3702544599; địa chỉ: Số G, khu phố P, phường H, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị T10.

39. Công ty trách nhiệm hữu hạn H38, MST 0315526607; địa chỉ trụ sở:

Số E, đường số B X, ấp F, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Trang Văn H11.

40. Công ty trách nhiệm hữu hạn T55, MST 0311835259; địa chỉ: Số B đường N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Tếnh Cống C6.

41. Công ty Cổ phần P9, M28; địa chỉ: Số B, Quốc lộ A, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Vũ Thị D2.

42. Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV T57, M29; địa chỉ: Số D, khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Đình S1.

43. Công ty trách nhiệm hữu hạn T58, M30; địa chỉ: Số A Đại lộ B, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Hồ Thanh B1.

44. Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV P10, M31; địa chỉ: Số B, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn D3.

45. Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV T59, M32; địa chỉ: Số D, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Wang W1.

46. Công ty trách nhiệm hữu hạn D8, MST 0311220921; địa chỉ: Số A đường số B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Huy T11.

47. Công ty trách nhiệm hữu hạn H39, MST 3701834087; địa chỉ trụ sở: Thửa đất số 76, tờ bản đồ số 968, K13, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị H12.

48. Công ty trách nhiệm hữu hạn K14, MST 0314750067; địa chỉ: Số D đường số A, KCD C, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Bà Lương Hạ U.

49. Công ty trách nhiệm hữu hạn N22, MST 3702233681; địa chỉ: Số H, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Vũ S2.

50. Công ty trách nhiệm hữu hạn S13, M33; địa chỉ: Thửa đất số 1063, tờ bản đồ số 14, ấp H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Đ2.

51. Công ty trách nhiệm hữu hạn C17, M34; địa chỉ: Số B L, khu phố E, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Trương Thanh P4.

52. Công ty trách nhiệm hữu hạn T60, MST 0310839074; địa chỉ: Số C đường C, khu phố G, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Anh H13.

53. Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV T61, MST 3702599566; địa chỉ: Thửa đất số 397, tờ bản đồ số 13, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Bùi Thanh S3.

54. Công ty trách nhiệm hữu hạn T62, M35; địa chỉ: Số F, Đường số A

(KDC C), Phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Lưu Kim O3.

55. Công ty trách nhiệm hữu hạn T63, MST 0312452033; địa chỉ: Số B N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Huy V6.

56. Công ty trách nhiệm hữu hạn Q7, MST 0310877908; địa chỉ trụ sở: Số E T, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Chí H14.

57. Công ty trách nhiệm hữu hạn A7, MST: 0313138951; địa chỉ: Số H Q, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Minh T12.

58. Công ty trách nhiệm hữu hạn T64, M36; địa chỉ: Số B N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Ngọc T13.

59. Công ty Cổ phần N23, MST: 0311010755; địa chỉ: Số D Hậu Giang, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Khắc Q.

60. Công ty trách nhiệm hữu hạn T65, M37; địa chỉ: Số A N H, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Hồng N10.

61. Công ty Cổ phần C18, MST 0313793533; địa chỉ: Số A N H, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Văn T14.

62. Công ty trách nhiệm hữu hạn T66, M38; địa chỉ: Số B đường N, Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Khắc C7.

63. Công ty trách nhiệm hữu hạn T67, M39; địa chỉ: Số B D, Phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Thanh T15.

64. Công ty trách nhiệm hữu hạn H40, MST 0304954008, địa chỉ: Số B Đường số I, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Thanh P5.

65. Công ty trách nhiệm hữu hạn H41, MST 0303710016; địa chỉ: Số A N, Phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Thu T16.

66. Công ty TNHH S10, MST: 0313744448; địa chỉ trụ sở: Số C đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Đặng Xuân N11.

67. Công ty trách nhiệm hữu hạn S14 PHÁT, MST 0315052876; địa chỉ: Số B T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Vĩnh L8.

68. Công ty trách nhiệm hữu hạn T68, MST 0313389553; địa chỉ: Số B đường B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Minh M5.

69. Công ty Cổ phần G4, MST 0314521959; địa chỉ: Số D đường X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Mai H15.

70. Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV C19 999, MST 0312776937; địa chỉ: Số A ấp A, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Đoàn Văn Q1.

71. Trường THCS N24, MST 0306848559; địa chỉ: Số B N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Bà Đinh Thị Thiên Â.

72. Công ty trách nhiệm hữu hạn T69, M40; địa chỉ: Số E tổ C, khu phố C, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Lâm Quang S4.

73. Công ty trách nhiệm hữu hạn O4, MST 0315883535; địa chỉ: Tầng A, tòa nhà S, B L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Phúc T17.

74. Công ty trách nhiệm hữu hạn X3, MST 3701786411; địa chỉ: Ấp H, xã T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Phan Thị Ánh D4.

75. Công ty Cổ phần T70, M41; địa chỉ: Lô N, đường D, KCN N, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Trang Thị Ngọc Á1.

76. Công ty trách nhiệm hữu hạn P11, MST 0303693787; địa chỉ: Số G, tổ I, ấp T, xã T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Tăng Ngọc B2.

77. Nhà nghỉ K15, M42; địa chỉ: Lô E cư xá T, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Châu Huy B3.

78. Công ty trách nhiệm hữu hạn J2, M43; địa chỉ: Căn hộ L.OT12, L, Vinhome C, G Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Hyun Ju Y.

79. Công ty trách nhiệm hữu hạn T71, MST 3702560135; địa chỉ: Số C, tổ B, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Tiến H16.

80. Công ty trách nhiệm hữu hạn G5, M44; địa chỉ: Số G ĐT G, tổ A, khu phố L, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Trọng N12.

81. Công ty trách nhiệm hữu hạn Q8, MST 3702558601; địa chỉ trụ sở: Thửa đất số 803, tờ bản đồ số 28, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Hương T18.

82. Công ty trách nhiệm hữu hạn C20, MST 3702745954; địa chỉ: Thửa đất số 771, tờ bản đồ số 11, tổ E, khu phố V, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Ngô Văn B4.

83. Công ty trách nhiệm hữu hạn B12, MST 3700754865; địa chỉ: Thửa đất số 283, tờ bản đồ số 20, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thành Ú.

84. Công ty Cổ phần T72, MST 3700530696; địa chỉ: đường Đ, khu phố G, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Trọng H17.

85. Công ty Cổ phần T73, MST 0312844898; địa chỉ: Số E B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Thanh N13.

86. Công ty trách nhiệm hữu hạn B13, MST 0314336258; địa chỉ: Số A đường N, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Bà Dương Nữ Thùy T19.

87. Công ty trách nhiệm hữu hạn D9, M45; địa chỉ: Số E đường T, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Minh T20.

88. Công ty trách nhiệm hữu hạn T74, MST 0304303951; địa chỉ: Số D đường P, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Ngô Văn Mạnh T21.

89. Công ty trách nhiệm hữu hạn H42, M46; địa chỉ: Lầu E, I đường N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Ngủ Huệ H18.

90. Công ty C21, MST 0311907295; địa chỉ: Số D đường X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Lương Duy H19.

91. Công ty trách nhiệm hữu hạn T75, MST 3700762351; địa chỉ: Tổ B, khu phố B, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Chen J1.

92. Công ty trách nhiệm hữu hạn T52, MST 3702772362; địa chỉ: Số H khu C, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thu B5

93. Công ty trách nhiệm hữu hạn T76, MST 0310260819; địa chỉ: Số A C, phường T, quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Đoàn Đức H20.

94. Hợp Tác Xã V12, MST 0314056229; địa chỉ: A C, phường T, quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Đoàn Đức H20.

95. Công ty Cổ phần G6, M20; địa chỉ: số C, cư xá Đ, đường Đ, phường T, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Bà Đỗ Thị T22.

96. Công ty trách nhiệm hữu hạn V13, MST 3702330195; địa chỉ: Lô P, đường N, KCN N, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Phùng Quốc M6.

97. Công ty trách nhiệm hữu hạn P12, MST 3603280063; địa chỉ: Thửa đất số 925, tờ bản đồ số 40, tổ C, khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Lưu Văn P6.

98. Công ty trách nhiệm hữu hạn B14, MST 0316245704; địa chỉ: Số A N, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn H21.

99. Công ty trách nhiệm hữu hạn I1, MST 3700573562; địa chỉ: phường

U, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Imtiaz Mahendi L9.

100. Công ty Cổ phần Đ8, MST 3702412176; địa chỉ: Thửa đất số 73, tờ bản đồ số 38, khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Đình T23.

101. Công ty TNHH MTV D10, M47; địa chỉ: Số C, ĐX06TH, tổ E, ấp T, xã T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Phạm Thị H22.

102. Công ty trách nhiệm hữu hạn T77, MST 3702835319; địa chỉ: Thửa đất số 1066, tờ bản đồ số 44, khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Xiang M7.

103. Công ty trách nhiệm hữu hạn T78, M48; địa chỉ: Số A L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Bà Phạm Hải Huyền T24.

104. Công ty trách nhiệm hữu hạn G7, MST 3702779449; địa chỉ: Thửa đất số 841, tờ bản đồ số 7, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Lý Sùi L10.

105. Công ty trách nhiệm hữu hạn T79, MST 3600878715; địa chỉ: Số D, tổ C, ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đỗ Trung V7.

106. Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ9, MST 3901289865; địa chỉ: tổ E, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Người đại diện hợp pháp: Bà Dư Lệ B6.

107. Công ty trách nhiệm hữu hạn V14, MST 1501047508; địa chỉ: Tổ G, khóm D, phường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Minh T25.

108. Công ty trách nhiệm hữu hạn C22, M49; địa chỉ: Tầng C, số B, ngõ A đường N, phường H, quận T, Thành phố Hà Nội. Người đại diện hợp pháp: Bà Đinh Thị Thu H23.

109. Công ty trách nhiệm hữu hạn C23, MST 0105153412; địa chỉ: Số B, ngõ T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội. Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Tuyết L11.

110. Công ty trách nhiệm hữu hạn T80, MST 3502417787; địa chỉ: Số A T, khu Á, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thành V8.

111. Công ty trách nhiệm hữu hạn C24, MST 3901251551; địa chỉ: Số nhà C, tổ B, ấp C, xã G, huyện T, Tây Ninh. Người đại diện hợp pháp: Ông Wang X1.

112. Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV T81, MST 3001368345; địa chỉ: Số nhà D, ngõ E, đường B, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Anh T26.

113. Công ty trách nhiệm hữu hạn T49, M50; địa chỉ: Số A, tầng A, L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Trung Đ3.

114. Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV S15, M51; địa chỉ: C, KV4,

phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Người đại diện hợp pháp: Ông Ngô Minh H24.

115. Công ty trách nhiệm hữu hạn T82, M52; địa chỉ: Số A, khu dân cư P, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thanh T28.

116. Công ty Cổ phần P13, MST 3600390903; địa chỉ: tỉnh lộ 767, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Việt H25.

117. Công ty trách nhiệm hữu hạn Z, M53; địa chỉ: Lô V, khu công nghiệp H, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Người đại diện hợp pháp: Kuo Teng-N25.

118. Công ty trách nhiệm hữu hạn N26, MST 3603256649; địa chỉ: Lô X-TT ứng dụng công nghệ sinh học Đ10, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hồng Đăng K4.

119. Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV G3, M54; địa chỉ: Tổ C, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Thành Tuấn K5.

120. Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV S16, M55; địa chỉ: Số A, tổ A, ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Người đại diện hợp pháp: Bà Võ Thị T27.

121. Công ty cổ phần S17, M56; địa chỉ: Số B, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Duy C8.

122. Công ty trách nhiệm hữu hạn M57, M58; địa chỉ: Số C, ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre. Người đại diện hợp pháp: Bà Huỳnh Thu H26.

123. Công ty Cổ phần Đ11, MST 1101903909; địa chỉ: T, ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Minh N14.

124. Công ty Cổ phần K16, M59; địa chỉ: Khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Người đại diện hợp pháp: Ông Lin Yuan C9.

125. Công ty trách nhiệm hữu hạn K17, MST 3603698527; địa chỉ: Số I, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Người đại diện hợp pháp: Ông Ngô Hoàng V9.

126. Công ty trách nhiệm hữu hạn G8, MST 3602428616; địa chỉ: đường C, khu công nghiệp N, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Người đại diện hợp pháp: Ông Wen Meng Q2.

127. Ủy ban nhân dân Phường C25, thị xã G, tỉnh Tiền Giang MST 1200335823; địa chỉ: đường N, khu phố D, Phường C, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn Q3.

128. Công ty trách nhiệm hữu hạn P14, M60; địa chỉ: Số G, ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Người đại diện hợp pháp: Ông Mông Văn Â1.

129. Công ty trách nhiệm hữu hạn P15, MST 0106101590; địa chỉ: P tòa nhà E, B T, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội. Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Thanh T28.

130. Công ty trách nhiệm hữu hạn T83, MST 0302249466-001; địa chỉ: Tầng A, số G X, phường T, quận T, Thành phố Hà Nội. Người đại diện hợp pháp: Dallasta Erwan Yann S5.

131. Công ty Cổ phần C26, M61; địa chỉ: Số C đường Â, phường T, quận T, Thành phố Hà Nội. Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Cao C10.

132. Công ty Cổ phần K18, M62; địa chỉ: Số A, hẻm C, tổ H cụm A đường A, phường P, quận T, Thành phố Hà Nội. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thái N15.

133. Ngân hàng Thương mại Cổ phần K19, M63; địa chỉ: Số A đường B, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội. Người đại diện hợp pháp: Ông Hồ Hùng A2.

134. Công ty trách nhiệm hữu hạn C27, MST 0107757265; địa chỉ: Số A, ngõ E, T, phường B, quận H, Thành phố Hà Nội. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh T29.

135. Công ty trách nhiệm hữu hạn C28, M64; địa chỉ: Số G, ngõ G, đường P, phường P, quận B, Thành phố Hà Nội. Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Huy T30.

136. Công ty Cổ phần Đ12, M65; địa chỉ: Số F - Lô E P, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội. Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Văn Q4.

137. Xí nghiệp A8 – Chi nhánh Tổng công ty C29, MST 0100108984-003; địa chỉ: Số A đường N, phường N, quận L, Thành phố Hà Nội. Người đại diện hợp pháp: Ông Vũ Đình N16.

138. Công ty trách nhiệm hữu hạn T84, M66; địa chỉ: Số H, ngõ G đường P, tổ C, phường X, quận N, Thành phố Hà Nội. Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Thu H27.

139. Công ty Cổ phần L19, MST 0104586420; địa chỉ: Số D H, phường T, quận T, Thành phố Hà Nội. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn H28.

140. Công ty trách nhiệm hữu hạn V15, MST 0401984583; địa chỉ: Số D, đường B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Thanh L12.

141. Công ty trách nhiệm hữu hạn D11, MST 0401877581; địa chỉ: Số B, P, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện hợp pháp: Bà Phạm Thị Thanh Q5.

142. Công ty trách nhiệm hữu hạn X4, M67; địa chỉ: Số D Đ, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn H29.

143. Công ty trách nhiệm hữu hạn V16, M68; địa chỉ: Số B T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thu T31.

144. Công ty Cổ phần T85, M69; địa chỉ: Số B Hải Phòng, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Bảo A3.

145. Công ty cổ phần E1, M70; địa chỉ: Tầng I, số A N, phường V, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Người đại diện hợp pháp: Ông Lưu Ngọc Vĩnh .1

146. Công ty trách nhiệm hữu hạn P12, MST 0101795144; địa chỉ: Số A, T, phường V, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Người đại diện hợp pháp: Ông Lô Quốc B7.

147. Công ty trách nhiệm hữu hạn B15, MST 4001087000; địa chỉ: Khối phố L, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam. Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Văn C11.

148. Bưu điện huyện D, MST 4000479220-003; địa chỉ: Quốc lộ A, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam. Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Phú T32.

149. Công ty trách nhiệm hữu hạn S18, MST 4201608324; địa chỉ: Tầng D, khách sạn H43, 38, T, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh B8.

150: Công ty B16, MST 0300446973-004; địa chỉ: Số H đường Q, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Quang C12.

151. Công ty trách nhiệm hữu hạn S19, MST 0700794277; địa chỉ: Lô C, KCN Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Người đại diện hợp pháp: Ông Đan Đình L13.

152. Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV S20, M71; địa chỉ: Phố T, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Đào Văn T33.

153. Công ty trách nhiệm hữu hạn T86, MST 0312937084; địa chỉ: Lô A, khu công nghiệp P, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Người đại diện hợp pháp: Ông Trịnh Hồng P7.

154. Công ty trách nhiệm hữu hạn C30, M72; địa chỉ: Số G C, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh T43.

155. Công ty trách nhiệm hữu hạn H44, M73; địa chỉ: Khu V, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đức T34.

156. Công ty Cổ phần H38, M74; địa chỉ: Số A, phố P, phường P, quận T, thành phố Hà Nội. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn M8.

157. Công ty Cổ phần D12 – Chi nhánh Đ13, MST 3000313576-001; địa chỉ: Số B đường V, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện hợp pháp: Ông Bùi Chí T35.

158. Công ty trách nhiệm hữu hạn H45, M75; địa chỉ: K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hữu S6.

159. Công ty Cổ phần P12, MST 0401559123; địa chỉ: Số H H, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn H29.

160. Công ty trách nhiệm hữu hạn M76, M77; địa chỉ: Số G Cô B, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Minh T36.

161. Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV Đ14, M78; địa chỉ: Số C đường L, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Vòng Nhộc L14.

162. Công ty trách nhiệm hữu hạn L20, MST 3701922576; địa chỉ: Số H khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hùng L15.

163. Công ty trách nhiệm hữu hạn T87, M79; địa chỉ: Số G đường N, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Tấn T37.

164. Công ty trách nhiệm hữu hạn G9, M80; địa chỉ: Số H khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Bích T38.

165. Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV T49, M81; địa chỉ: Số A tổ B

đường L, phường P, thành phố T tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hoàng Hạnh X2.

166. Công ty trách nhiệm hữu hạn T88, M82; địa chỉ: Số B Đại Lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Xuân T39.

167. Công ty trách nhiệm hữu hạn D13, MST 3702023941; địa chỉ: Thửa đất 1073, tờ bản đồ số 36, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Vũ Duy T40.

168. Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV L21, MST 3701799202; địa chỉ: Số C khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Hoàng L16.

169. Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV M83, M84; địa chỉ: Số B đường L, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn N17.

170. Công ty trách nhiệm hữu hạn S21, MST 3603418603; địa chỉ: Số D khu phố L, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Người đại diện hợp pháp: Ông Huang Chin G2.

171. Công ty trách nhiệm hữu hạn T89, MST 3603644056; địa chỉ: Số C ấp L, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Thu T41.

172. Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV Đ15, MST 3702255318; địa chỉ: Thửa đất số 374, tờ bản đồ số 5, tổ C, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Vòng Xí L17.

173. Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV N27, MST 3700660002; địa chỉ: Thửa đất số 1018, tờ bản đồ số 20, tổ D, ấp H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Thành V10.

174. Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV Q9, MST 3702590362; địa chỉ: Thửa đất số 1018, tờ bản đồ số 20, tổ D, ấp H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Đ4.

175. Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV Đ16, MST 3701430479; địa chỉ: Số E đường B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Anh Q6.

176. Công ty trách nhiệm hữu hạn X5, M85; địa chỉ: Số A, đường T, tổ A, khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh S7.

177. Công ty trách nhiệm hữu hạn T90 gỗ Đỗ Thành Đ5, MST 3702479438; địa chỉ: Số C khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Trịnh Thị M9.

178. Công ty trách nhiệm hữu hạn S22; địa chỉ: Số C đường Ống nước thô 2400, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Ngọc D5.

179. Công ty trách nhiệm hữu hạn C31; địa chỉ: Số C Quốc lộ A, khu phố T, phường Đ, thành phố D, Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Ngọc D1.

180. Doanh nghiệp Tư nhân T91; địa chỉ:
Số A đường C, khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Du Mỹ H30.

181. Doanh nghiệp Tư nhân T91; địa chỉ: Số G, Quốc lộ A, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Hoàng Thị Đạm M10.

182. Công ty trách nhiệm hữu hạn V17; địa chỉ: Số G, Đường S, khu phố C, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Trang Trung H31.

183. Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV S22; địa chỉ: Khu phố B, phường P, thành phố B, Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Thanh T28.

184. Công ty trách nhiệm hữu hạn X3, MST: 3702473450; địa chỉ: Số A đường V, khu phố C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Sam Thị Kim N18.

185. Công ty trách nhiệm hữu hạn G10, MST 3702288828; địa chỉ: Số A khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T42.

186. Công ty trách nhiệm hữu hạn, M86; địa chỉ: Số H, tổ G, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Tống Thị N19.

187. Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV P16, MST 3702044740; địa chỉ: Số A khu phố F, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Mai Lương Phi .2

188. Công ty trách nhiệm hữu hạn S23, M87; địa chỉ: Ấp H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Đại H32.

189. Công ty trách nhiệm hữu hạn D14, MST 3702585595; địa chỉ: Số A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Phạm Thị Nho .3

190. Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV P17, M88; địa chỉ: Số D khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Anh T43.

191. Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV G11, MST 3702429162; địa chỉ: Số A khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Phan Thị P8.

192. Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV X3, MST 3702576826; địa chỉ: Số A, tổ I, khu phố P, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn B9.

193. Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV D15, MST 3702444354; địa chỉ: Thửa đất 432, tờ bản đồ số 13, ấp H, xã T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Huỳnh Thanh T44.

194. Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ17, M89; địa chỉ: Số A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Văn Đ6.

195. Công ty trách nhiệm hữu hạn X6, MST 0305197657; địa chỉ: Số B đường S, khu đô thị A, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Hà Phúc T45.

196. Công ty trách nhiệm hữu hạn D16, MST 0312058608; địa chỉ: Số D đường số F, khu phố E, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Lường Văn K6.

197. Công ty trách nhiệm hữu hạn K20, M90; địa chỉ: Khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Wang Jang C13.

198. Công ty trách nhiệm hữu hạn S24-DV-XNK Lợi Hiệp, MST 3700945644; địa chỉ: Số H tổ C, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Vũ Thị Thanh H33.

199. Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV S25, M91; địa chỉ: Số H tổ C, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hùng C14.

200. Công ty trách nhiệm hữu hạn I2, M92; địa chỉ: Số C tổ F khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Thành L18.

201. Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV N28, M93; địa chỉ: Số C, đường N, khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Phó Thín V11.

202. Công ty trách nhiệm hữu hạn N29, M94; địa chỉ: Số F đường T, tổ E, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đức H34.

203. Công ty trách nhiệm hữu hạn I3, MST 3702711514; địa chỉ: Thửa đất số 585, tờ bản đồ số 12 (số nhà I) khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Vũ Thị Thanh H33.

204. Công ty trách nhiệm hữu hạn T92, MST 3702760631; địa chỉ: T đất 983, tờ bản đồ 38, khu phố L, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Ừng Dùi D6.

205. Công ty Cổ phần B17, MST 3700687979; địa chỉ: Số B khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Lưu Đào A4.

206. Công ty trách nhiệm hữu hạn 1, M95; địa chỉ: Số B T, khu phố A, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Thành N20.

207. Công ty trách nhiệm hữu hạn T93, MST 0314868781; địa chỉ: Số F đường Q, khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đình T46.

208. Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV D17, MST 0313977227; địa chỉ: Số H đường số F, khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Bà Dư Lệ B6.

209. Công ty trách nhiệm hữu hạn D18, MST 0314213520; địa chỉ: Số C đường số H, khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đình H35.

210. Công ty trách nhiệm hữu hạn D19, MST 0314038212; địa chỉ: Số C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Cao Văn C15.

211. Công ty Cổ phần T73, MST 0312844898; địa chỉ: Số E B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Thanh N13.

212. Công ty Cổ phần T94, MST 0401322822; địa chỉ: Số A đường T, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Văn C16.

213. Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV V18, M96; địa chỉ: Số H, đường Đ, tổ I, khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Văn T47.

214. Công ty trách nhiệm hữu hạn V19, M97; địa chỉ: Số G Quốc lộ A, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đình T46.

215. Công ty trách nhiệm hữu hạn X7, M98; địa chỉ: Số A đường N, khu dân cư H, khu phố D, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn M11.

216. Công ty trách nhiệm hữu hạn T95, M99; địa chỉ: Số nhà F, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Hoàng K7.

217. Công ty trách nhiệm hữu hạn T96, M100; địa chỉ: Khu D, đường N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hồng H36.

218. Công ty trách nhiệm hữu hạn T97, MST 0312385531; địa chỉ: Số A, tổ A, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hoàng H37.

219. Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ18; địa chỉ: Số B đường B, Phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Người đại diện hợp pháp: Ông Đặng Văn T48.

220. Công ty trách nhiệm hữu hạn V20, MST 0311273465; địa chỉ: Số E P, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Văn H.

221. Công ty trách nhiệm hữu hạn G, MST 3702590362; địa chỉ: Thửa đất số 1018, tờ bản đồ số 20, tổ D, ấp H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Đ.

222. Công ty trách nhiệm hữu hạn N2, MST 3702660002; địa chỉ: Thửa đất số 1018, tờ bản đồ số 20, tổ D, ấp H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Thành V.

223. Công ty trách nhiệm hữu hạn X, MST 0305197657; địa chỉ: Số B đường S, khu đô thị A, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Hà Phúc T.

224. Công ty trách nhiệm hữu hạn N3, M; địa chỉ: Số F đường T, tổ E, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp:

Ông Nguyễn Đức H1.

225. Công ty trách nhiệm hữu hạn T3, MST 3702760631; địa chỉ: Thửa đất số 983, tờ bản đồ số 38, khu phố L, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ứng Nùi D.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/02/2021, Công an thành phố D phối hợp Chi cục thuế thành phố D kiểm tra căn nhà tại số A đường N, khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương do Nguyễn Hữu Á, sinh năm 1996, HKTT: thôn Q, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa thuê. Khi Cơ quan Công an tiến hành kiểm tra hành chính thì Nguyễn Thị Quỳnh N cùng ngụ tại căn nhà trên bỏ chạy lên cầu thang để lên tầng 2 của ngôi nhà. Do thấy có biểu hiện nghi vấn nên lực lượng Công an đuổi theo thì phát hiện trong phòng làm việc của Nguyễn Thị Quỳnh N tại tầng 2 của ngôi nhà có rất nhiều cuốn hoá đơn giá trị gia tăng (GTGT), dấu tròn đỏ của Công ty, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh,...Qua làm việc ban đầu, Nguyễn Thị Quỳnh N khai nhận những đồ vật, tài liệu nêu trên Nguyễn Thị Quỳnh N dùng để xuất hoá đơn GTGT cho khách hàng và những Công ty trên không có hoạt động kinh doanh, mua bán hàng hoá. Tiến hành khám xét khẩn cấp phòng làm việc của Nguyễn Thị Quỳnh N, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ các vật chứng có liên quan đến việc "Mua bán trái phép hóa đơn". Đồng thời, yêu cầu Nguyễn Thị Quỳnh N đến Công an thành phố D để làm việc. Tại Công an thành phố D, Nguyễn Thị Quỳnh N đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Qua điều tra xác định, các bị cáo phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn" cụ thể như sau:

a. Bị cáo Ngô Văn V1:

Do không có việc làm ổn định và nhận thấy việc "Mua bán trái phép hoá đơn giá trị gia tăng" (gọi tắt là GTGT) sẽ dễ dàng kiếm được tiền nên Ngô Văn V1 đã thành lập Công ty để "Mua bán trái phép hoá đơn GTGT". Khoảng đầu năm 2016, thông qua những dịch vụ mua bán hồ sơ doanh nghiệp, Viết mua được hồ sơ pháp lý của Công ty TNHH T4, mã số doanh nghiệp C2. Để che giấu hành vi vi phạm đối với Cơ quan chức năng, V1 đã tìm mua 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Thạch Văn V2, quê: Nghệ An. Tiếp tục thông qua dịch vụ, V1 đã thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật của Công ty thành tên của Thạch Văn V2 và theo thông tin của Thạch Văn V2 trên chứng minh nhân dân. Cùng thời gian này, thông qua mối quan hệ xã hội thì Nguyễn Thị Quỳnh N và Ngô Văn V1 quen biết nhau. Do biết Nguyễn Thị Quỳnh N có học chuyên môn về lĩnh vực tài chính kế toán nên đến đầu năm 2017, Ngô Văn V1 thuê Nguyễn Thị Quỳnh N làm kế toán cho những Công ty của V1 lập ra, nhiệm vụ của Nguyễn Thị Quỳnh N là báo cáo thuế, báo cáo tài chính, xuất hoá đơn GTGT. Nguyễn Thị Quỳnh N biết những Công ty của Ngô Văn V1 không

có hoạt động kinh doanh sản xuất hàng hoá, không có hoạt động buôn bán hàng hoá mà chỉ mua bán trái phép hoá đơn giá trị gia tăng. Tuy nhiên, do không có việc làm nên N vẫn tiếp tục làm thuê cho V1. Đến giữa năm 2017, thông qua mối quan hệ ngoài xã hội thì V1 gặp Bùi Trí N1 và cả hai đã cùng nhau bàn bạc "Mua bán trái phép hoá đơn". Nhiệm vụ của Ngô Văn V1 là chịu trách nhiệm về phần thủ tục pháp lý, thủ tục khai báo thuế của Công ty; còn nhiệm vụ của Bùi Trí N1 là tìm kiếm khách hàng có nhu cầu mua hoá đơn GTGT. Tất cả những Công ty do Ngô Văn V1 thành lập ra thì hồ sơ, tài liệu (chứng minh nhân dân của người đại diện theo pháp luật, giấy phép kinh doanh, mộc dấu, chữ ký số,...) liên quan đến thủ tục pháp lý đều do Nguyễn Thị Quỳnh N giữ.

Về hình thức thanh toán tiền phí hoá đơn GTGT như sau: Sau khi xuất hoá đơn GTGT xong thì Nguyễn Thị Quỳnh N sẽ thuê xe grab công nghệ đến giao hoá đơn cho khách hàng hoặc giao cho những người liên hệ Nguyễn Thị Quỳnh N để mua hoá đơn. Sau khi nhận hoá đơn, khách hàng sẽ chuyển tiền giá trị hoá đơn GTGT vào tài khoản của những Công ty mà Nguyễn Thị Quỳnh N dùng để xuất hoá đơn hoặc những đối tượng có liên quan sẽ tự dùng tiền chuyển vào tài khoản của những Công ty trên rồi Ngô Văn V1 sẽ nhờ một người tên Nguyễn Trường V3 (không rõ nhân thân, lai lịch) đi đến các Ngân hàng rút tiền. Sau này, Nguyễn Trường V3 nghỉ làm, Ngô Văn V1 thuê người đi rút tiền là Đỗ Thành D1 (em rể của Ngô Văn V1). Thủ tục, giấy tờ để rút tiền tại các Ngân hàng do Ngô Văn V1 ký tên, thỉnh thoảng Nguyễn Thị Quỳnh N ký tên một vài giấy tờ (không nhớ bao nhiêu).

Đối với Đỗ Thành D1, sinh năm 1985; thường trú: Số E khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, khai nhận: Ngô Văn V1 thuê D1 làm nhiệm vụ đến gặp Nguyễn Thị Quỳnh N nhận giấy rút tiền, sau đó đi đến các Ngân hàng H9, V4, S trên địa bàn thành phố D, tỉnh Bình Dương để rút tiền cho Ngô Văn V1 và đưa cho Ngô Văn V1. Qua làm việc xác định, Đỗ Thành D1 chỉ làm thuê cho Ngô Văn V1 và không biết việc Ngô Văn V1 "Mua bán trái phép hoá đơn".

Từ năm 2017 đến năm 2020, do muốn thành lập thêm nhiều Công ty để "Mua bán trái phép hoá đơn GTGT" nên Ngô Văn V1 đã tìm mua chứng minh nhân dân ở những tiệm cầm đồ, sau đó, liên hệ và thuê một người phụ nữ tên H2 (không rõ nhân thân, lai lịch) để làm thủ tục pháp lý đăng ký hoạt động kinh doanh Công ty. Bằng thủ đoạn nêu trên, Ngô Văn V1 đã thuê người phụ nữ tên H2 thành lập tổng cộng 25 Công ty (có 02 Công ty trùng mã số thuế 0314397726 là Công ty TNHH T5, địa chỉ: Số A đường C, phường B, Quận B (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH T5, địa chỉ: Số F đường P, phường T, Quận B (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh, đây là 01 Công ty do đổi tên, người đại diện và địa chỉ kinh doanh, do đó, Công ty T6 chỉ còn 24 Công ty) và những Công ty này đều lấy địa chỉ hoạt động kinh doanh ở thành phố T (trước đây là Quận B, Quận I, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn T7, địa chỉ: Số D đường H, khu phố H, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn T8, địa chỉ: Số C L L, khu phố A, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn T9, địa chỉ: Số A đường H, khu phố G, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn T10, địa chỉ: Số E đường số A, khu phố B, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn T11, địa chỉ: Số A đường D, khu phố G, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn T10, địa chỉ: Số D đường K, khu phố B, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn T12, địa chỉ: Số A đường D, khu phố G, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn T5, địa chỉ: Số A đường C, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn T13, địa chỉ: Số A đường H, khu phố G, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn T10, địa chỉ: Số D đường K, khu phố F, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn T14, địa chỉ: Số D đường K, khu phố B, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn T15, địa chỉ: Số A đường H, khu phố G, phường H, T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn T16, địa chỉ: Số A đường H, khu phố G, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn T17, địa chỉ: Số E đường K, khu phố H, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn T18, địa chỉ: Số A đường T, khu phố G, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn T19, địa chỉ: Số H T, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn T20, địa chỉ: Số A đường D, khu phố G, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn T21, địa chỉ: Số E đường K, khu phố H, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn T10, địa chỉ: Số A đường H, khu phố G, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn T10, địa chỉ: Số H T, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn T4, địa chỉ: Số C đường L, khu phố E, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn T10, địa chỉ: Số B đường số D, khu phố B, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn T10, địa chỉ: Số I đường T, khu phố G, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn T22, địa chỉ: Số C đường số D, khu phố H, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn T5, địa chỉ: Số F P, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tiến hành xác minh tại Công an phường nơi những Công ty nêu trên đặt trụ sở hoạt động kinh doanh xác định tất cả đều không có văn phòng Công ty, không có bảng hiệu và không có hoạt động kinh doanh sản xuất.

Tiến hành xác minh chủ hộ gia đình nơi Ngô Văn V1 lấy địa chỉ thành lập Công ty thì đều xác nhận không có đăng ký hoạt động kinh doanh, không biết Ngô Văn V1 là ai và xác định từ trước đến nay không cho ai thuê, mướn để làm trụ sở hoạt động kinh doanh.

Tiến hành xác minh những người đứng tên trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của số Công ty nêu trên xác định họ không thành lập Công ty, không hoạt động kinh doanh. Đa số đều cầm cố chứng minh nhân dân tại các tiệm cầm đồ rồi bỏ hoặc bị mất chứng minh nhân dân.

Với vai trò là chủ mưu, cầm đầu thì Ngô Văn V1 trực tiếp trả lương cho Nguyễn Thị Quỳnh N và hưởng lợi tiền phí bán hoá đơn theo tỷ lệ phần trăm đã thoả thuận từ trước của các bị cáo gồm: Bùi Trí N1, Bùi Trí O, Ngô Gia C, Nguyễn Thị Thu K, Nguyễn Văn H3, Trịnh Ngọc L.

Căn cứ lời khai của Ngô Văn V1 và những tổ chức, cá nhân có liên quan. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã xác định như sau:

- Đối với Lương Văn H4, sinh năm 1980: thường trú: Số B đường B, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, khai nhận: Khoảng tháng 4/2020, Ngô Văn V1 có thành lập cho Lương Văn H4 một Công ty tên Hữu Tâm K1 (không nhớ rõ thông tin) để buôn bán hoá đơn GTGT. Sau khi thành lập Công ty này, Lương Văn H4 thuê một người tên H5 (không rõ nhân thân, lai lịch) để làm kế toán và xuất hoá đơn GTGT cho khách hàng khi có yêu cầu của của Lương Văn H4 và H4 đã đưa toàn bộ hồ sơ thủ lục pháp lý, con dấu của Công ty cho H5. Đối với khách hàng của Lương Văn H4 thì H4 sẽ lấy tiền phí bán hoá đơn GTGT là 3% trên tổng số tiền của hoá đơn GTGT. Sau khi làm việc thì H4 không biết hiện tại H5 đang ở đâu và khai nhận cũng chưa bán hoá đơn GTGT cho ai. Qua khám xét khẩn cấp nơi ở của Lương Văn H4 thì không thu giữ được tài liệu, đồ vật gì liên quan đến việc "Mua bán trái phép hoá đơn" nên không đủ căn cứ để xử lý.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N: Sau khi xuất hoá đơn GTGT xong thì bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N sẽ thuê xe G1 công nghệ đến giao hoá đơn cho khách hàng hoặc giao cho những người liên hệ bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N để mua hoá đơn. Sau khi nhận hoá đơn, khách hàng sẽ chuyển tiền giá trị hoá đơn GTGT vào tài khoản của những Công ty mà Nguyễn Thị Quỳnh N dùng để xuất hoá đơn hoặc những đối tượng có liên quan sẽ tự dùng tiền chuyển vào tài khoản của những Công ty trên rồi Ngô Văn V1 sẽ nhờ người đàn ông tên Nguyễn Trường V3 (không rõ nhân thân, lai lịch) đi đến các Ngân hàng rút tiền, sau đó, Nguyễn Trường V3 nghỉ làm, Ngô Văn V1 thuê người đi rút tiền là Đỗ Thành D1 (em rể của Ngô Văn V1). Thủ tục, giấy tờ để rút tiền tại các Ngân hàng do

Ngô Văn V1 ký tên, Nguyễn Thị Quỳnh N ký tên nhưng ít lần (không nhớ lần). Trong trường hợp này, Đỗ Thành D1 và Nguyễn Trường V3 chỉ là người làm thuê cho Ngô Văn V1 và Đỗ Thành D1 không biết việc "Mua bán trái phép hoá đơn" mà Ngô Văn V1 cùng những bị cáo khác thực hiện.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D có văn bản gửi Sở Kê hoạch và đầu từ Thành phố Hồ Chí Minh về việc yêu cầu cung cấp hồ sơ của những Công ty mà Ngô Văn V1 lập ra để bán hoá đơn GTGT. Kết quả và hồ sơ trả lời nhận thấy những Công ty mà Ngô Văn V1 thuê người khác lập ra là đầy đủ hồ sơ thủ tục, pháp lý và đúng quy trình. Đối với việc in hoá đơn GTGT để sử dụng và đặt mộc dấu thì trong thời điểm này doanh nghiệp tự in hoá đơn GTGT và tự đặt mộc dấu, sau đó, chỉ cần thông báo với Cơ quan chức năng chứ không bắt buộc doanh nghiệp phải đến Cơ quan chức năng in hoá đơn GTGT và đặt mộc dấu.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ những hoá đơn GTGT từ những Công ty, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc với những Công ty, doanh nghiệp, cá nhân đã mua hoá đơn GTGT thì có sự không thống nhất về số lượng hoá đơn GTGT. Bởi vì, có những hoá đơn GTGT bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N xuất ra bị sai nội dung nên phía những công ty, doanh nghiệp, cá nhân đã trả lại và không sử dụng nên số lượng hoá đơn GTGT mà nhóm bị cáo bán ra nhiều hơn so với số lượng hoá đơn GTGT thu giữ của những Công ty, doanh nghiệp, cá nhân đã mua. Do đó, đối với số hoá đơn GTGT bị sai, bị hư không thể tính vào số lượng hoá đơn GTGT đã bán.

Sau khi làm việc, xác định hành vi phạm tội và số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo, như sau:

Qua quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định số tiền bị cáo Ngô Văn V1 thu lợi bất chính từ việc mua bán hoá đơn GTGT là 5.310.109.761 đồng. Trong đó, thu lợi từ việc mua bán hoá đơn GTGT với cácbị cáo Bùi Trí N1, Bùi Trí O, Ngô Gia C, Trịnh Ngọc L, Nguyễn Thị Thu K số tiền 4.617.259.930 đồng.

- T1 lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hoá đơn GTGT với bị cáo Bùi Trí N1 số tiền 1.488.861.023 đồng.

- T1 lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hoá đơn GTGT với bị cáo Bùi Trí O số tiền 1.003.270.736 đồng.

- T1 lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hoá đơn GTGT với bị cáo Ngô Gia C số tiền 405.491.886 đồng.

- T1 lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hoá đơn GTGT với bị cáo Trịnh Ngọc L số tiền 631.724.306 đồng.

- T1 lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hoá đơn GTGT với bị cáo Nguyễn Văn H3 số tiền 647.965.778 đồng.

- T1 lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hoá đơn GTGT với bị cáo Nguyễn Thị Thu K số tiền 439.946.201 đồng.

Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D còn thu giữ 2276 hoá đơn GTGT có tổng giá trị hàng hoá số tiền 138.569.966.321 đồng,

nhưng không xác định được ai là người đã bán hoặc cung cấp cho 159 Công ty. Đối với số hoá đơn này, bị cáo Ngô Văn V1 thừa nhận có bán ra cho khách hàng với tiền phí là 0.5% trên tổng giá trị hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định: Bị cáo Ngô Văn V1 đã hưởng lợi được 692.849.831 đồng. Cụ thể:

a1. Công ty Cổ phần D3, MST 3702417953; địa chỉ: Lô A (khu A), đường D, KCN R, xã A, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã làm việc với đại diện Công ty Cổ phần D3 và xác định nội dung như sau: Trong năm 2020, Công ty Cổ phần D3 có mua một số pallet cũ đã qua sử dụng và có bảo dưỡng máy móc của Công ty được các cơ sở trên xuất 02 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T10, MST: 0315600917, địa chỉ: Số B, đường số D, khu phố B, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần D3, người trực tiếp giao dịch với đơn vị cung ứng palet và bảo dưỡng máy là một kế toán dịch vụ của Công ty nhưng hiện kế toán này đã nghỉ việc, Công ty không quản lý hồ sơ cá nhân của kế toán dịch vụ nên không rõ nhân thân, lai lịch của kế toán này, tổng giá trị tiền hàng hóa trên 02 hóa đơn GTGT là 670.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D ra văn bản phối hợp cùng Cục thuế tỉnh B, xác định hành vi vi phạm của Công ty Cổ phần D3.

a2. Công ty TNHH M1, MST 3702376055; địa chỉ: Lô E (khu B), đường D, KCN R, xã A, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã làm việc với đại diện Công ty TNHH M1 và xác định nội dung như sau: Trong năm 2019 công ty TNHH M1 cần mua một số máy móc để phục vụ sản xuất, ông Trần Quốc T2, sinh năm 1980, thường trú: phường P, thành phố B, tỉnh Bình Dương là xưởng trưởng của Công ty có lên mạng tìm mua máy móc về cho Công ty, quá trình tìm kiếm thì ông T2 tìm được một nơi có bán máy móc Công ty cần nên đã liên hệ thì được người tên H6 (không rõ nhân thân, lai lịch) nói đến khu vực cầu vượt A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh gặp và dẫn T2 đi xem máy móc. Khi đến nơi, T2 được H6 dẫn đến cửa hàng (T2 không nhớ rõ địa chỉ) xem và đặt mua 03 máy cho Công ty. Khi máy được H6 chuyển đến Công ty giao và kèm theo 03 tờ hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T10, MST: 0315600917, địa chỉ: Số B, đường số D, khu phố B, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xuất cho Công ty TNHH M1, tiến hành thống kê giá trị của 03 (ba) tờ hóa đơn GTGT xác định tổng giá trị tiền hàng hóa là 385.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D ra văn bản phối hợp cùng Cục thuế tỉnh B xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH M1.

a3. Công ty TNHH K2, M2; địa chỉ: Lầu G, số F N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã làm việc với đại diện Công ty TNHH K2 và xác định nội dung như sau: Trong năm 2019-2020, Công ty TNHH K2 có mua hàng hóa (sơn) từ người tên P (không rõ nhân thân, lai lịch). Sau khi thỏa thuận về giá cả, thống nhất giá cả thì bên P sẽ cho xe giao hàng đến kho của Công ty TNHH K2 kèm theo hóa đơn GTGT, Công ty sẽ

kiểm tra về chất lượng, hóa đơn GTGT đầy đủ Công ty sẽ thanh toán tiền hàng cho xe chở hàng đến. Khi Công ty TNHH K2 có khách đặt hàng thì số hàng hóa (sơn) sẽ được Công ty vận chuyển đến cho khách, quá trình vận chuyển thì công ty thuê xe ngoài, bên vận chuyển hàng đã xuất hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH K2 để thanh toán tiền phí vận chuyển. Trong số 34 hóa đơn GTGT mà Cơ quan Công an thu giữ xuất cho Công ty TNHH K2 thì đại diện Công ty trình bày là do P và bên vận chuyển hàng hóa xuất cho Công ty nhưng hiện Công ty TNHH K2 không xác định được nhân thân, lai lịch của P, cũng như bên vận chuyển nào đã cung cấp hóa đơn cho Công ty TNHH K2 vì Công ty thường xuyên thay đổi đơn vị vận chuyển. Tiến hành thống kê giá trị của 10 tờ hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T9; 09 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T8; 15 hóa đơn của Công ty TNHH T10 đã xuất cho Công ty TNHH K2 có tổng giá trị tiền hàng hóa là 461.102.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế Q1, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH K2.

a4. Chi nhánh B – Công ty Cổ phần Ô, MST 3600252847-002; địa chỉ: Số A Q, khu phố A, phường H, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã làm việc với đại diện Chi nhánh B – Công ty Cổ phần Ô và xác định nội dung, như sau: Trong giai đoạn cuối năm 2019 đến năm 2020, Chi nhánh B – Công ty Cổ phần Ô có tổ chức các sự kiện lái thử xe phục vụ khách hàng xem xe và cảm nhận, thời gian tổ chức sự kiện có mời các đối tác nên Công ty có yêu cầu nhân viên sắp xếp mua sắm thức ăn nhẹ, trang trí, âm thanh,… cho buổi sự kiện, các nhân viên sẽ ứng tiền trước để thực hiện, sau khi kết thúc sự kiện các nhân viên sẽ làm một đề xuất thanh toán tiền tổ chức sự kiện, khi đề xuất thanh toán thì cần các hóa đơn GTGT. Do lượng nhân viên tại Công ty có nhiều biến động cộng với việc làm đề xuất chung để thanh toán nên cũng không rõ cụ thể nhân viên nào đã mua từng món hàng hóa cho buổi sự kiện, đại diện Chi nhánh B – Công ty Cổ phần Ô đã giao nộp 34 hóa đơn trên tổng số 36 hóa đơn GTGT mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D phát hiện thu giữ (gồm 04 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T9; 17 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T8; 02 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T10; 11 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T15), có 02 hóa đơn GTGT (gồm GTGT 01 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T9; 01 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T15) đại diện Chi nhánh xác định không tìm thấy. Tiến hành thống kê 36 hóa đơn GTGT nêu trên có tổng giá trị hàng hóa là 92.140.636 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Chi nhánh B – Công ty Cổ phần Ô.

a5. Công ty TNHH F, M3; địa chỉ: Số A đường B, phường P, Quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã làm việc

với đại diện Công ty TNHH F và xác định nội dung như sau: Trong năm 2020 Công ty có bị hư hỏng xe nâng, do đó bộ phận bảo trì của Công ty có mang xe nâng ra ngoài để tìm thợ máy sửa chữa, sau khi sửa chữa xong thì sẽ mang các tờ hóa đơn GTGT về giao cho bộ phận kế toán thanh toán lại chi phí. Kế toán kiểm tra lại nếu hóa đơn giấy tờ đầy đủ hợp lệ sẽ thanh toán lại cho nhân viên bảo trì. Hiện trong Công ty có nhiều nhân viên bảo trì nên không rõ ai là người trực tiếp mang đến để thanh toán và việc nhân viên bảo trì mang đi đâu sửa chữa cũng không rõ, trong số 06 hóa đơn GTGT Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D phát hiện thì đại diện Công ty TNHH F đã tìm và giao nộp cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D được 04 hóa đơn giá trị gia tăng (gồm 03 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T10; 01 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T23), có 02 hóa đơn GTGT đại diện Công ty TNHH F xác định không tìm thấy. Tiến hành thống kê 04 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T10; 02 tờ hóa đơn của Công ty TNHH T23 đã xuất cho Công ty TNHH F có tổng giá trị hàng hoá là 68.740.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của công ty TNHH F.

a6. Công ty TNHH Đ1, M4; địa chỉ: 7 đường H, ấp F, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã làm việc với đại diện Công ty TNHH Đ1 và xác định nội dung như sau: Trong năm 2019, Công ty TNHH Đ1 có mua một số hàng hóa để phục vụ sản xuất, nhưng khi mua hàng hóa thì bên cung ứng không có hóa đơn GTGT, Công ty muốn hợp thức hóa số hàng hóa đầu vào nên có liên hệ với người tên Q (không rõ lai lịch) để mua 13 hóa đơn GTGT (gồm 07 tờ hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T8; 06 tờ hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T15) để hợp thức hóa hóa đơn đầu vào của số hàng hóa nêu trên. Tiến hành thống kê 13 tờ hoá đơn GTGT nêu trên có tổng giá trị hàng hoá 238.400.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH Đ1.

a7. Công ty TNHH T22, MST 0315725137; địa chỉ: Số F ấp D, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã làm việc với đại diện Công ty TNHH T22 và xác định nội dung như sau: Năm 2020, Công ty cần mua một số hàng hóa điện tử để phục vụ sản xuất nên đại diện Công ty TNHH T22 có đến khu vực chợ N4, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh mua hàng hóa tại một cửa hàng tại chợ (không nhớ rõ địa chỉ và tên cửa hàng), sau khi mua hàng thì Công ty có yêu cầu phải xuất hóa đơn GTGT, nên cửa hàng đã giao cho Công ty TNHH T22 Thịnh 01 tờ hóa đơn GTGT số 0000173 của Công ty TNHH T23, riêng hóa đơn GTGT số 0000348 của Công ty TNHH T23 thì đại diện Công ty xác định không tìm thấy. Tiến hành thống kê giá trị của 02 tờ hóa đơn GTGT nêu trên xác định tổng giá trị hàng hoá là 13.500.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH T22.

a8. Công ty TNHH K3, M5; địa chỉ: Số A H, phường H, quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 189 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH K3 vào năm 2019 với tổng giá trị hàng hoá của 189 tờ hóa đơn GTGT là 2.842.926.750 đồng.

Tuy nhiên, tiến hành xác minh tại địa chỉ số A H, phường H, quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh không có Công ty TNHH K3 hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH K3.

a9. Công ty TNHH A, M6; địa chỉ: phòng số A, tầng số 8, tòa nhà B, số B đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã làm việc với đại diện Công ty TNHH A và xác định nội dung như sau: Từ năm 2019 đến năm 2021, Công ty TNHH A không có đủ giá trị hàng hóa đầu vào để phục vụ việc khai báo thuế nên Công ty đã đồng ý mua hóa đơn GTGT để hợp thức hóa giá trị đầu vào, thời điểm trên Công ty có liên hệ với người tên D2 (không rõ nhân thân, lai lịch) để mua các hóa đơn GTGT với mức phí trả cho mỗi tờ hóa đơn GTGT là 10% trên tổng số tiền hàng hóa. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ tổng cộng 143 tờ hoá đơn GTGT (gồm 60 tờ hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T9; 13 tờ hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T8; 16 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T16; 54 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T10) xuất cho Công ty TNHH A. Tiến hành thống kê giá trị của 143 tờ hóa đơn GTGT nêu trên xác định tổng giá trị hàng hoá 2.061.777.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D ra văn bản phối hợp cùng Cục thuế tỉnh B để xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH A.

a10. Công ty TNHH K4, M7; địa chỉ: Số A, tổ G, ấp T, xã A, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 11 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH K4 vào năm 2016-2017, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hoá của 11 tờ hóa đơn GTGT là 1.077.603.642 đồng.

Tuy nhiên, tiến hành xác minh tại địa chỉ số A, tổ G, ấp T, xã A, thành phố B, tỉnh Bình Dương không có Công ty TNHH K4 hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố B, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH K4.

a11. Công ty TNHH M8, MST 3702347142; địa chỉ: Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 20, ấp D, xã A, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 12 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH M8 vào năm 2019-2020,

tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 12 tờ hóa đơn trên là: 185.000.000 đồng.

Tuy nhiên, tiến hành xác minh tại địa chỉ thửa đất số 92, tờ bản đồ số 20, ấp D, xã A, thành phố B, tỉnh Bình Dương không có Công ty TNHH M8 hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố B, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH M8.

a12. Công ty TNHH K5; địa chỉ: Lô D-D-CN, KCN M, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 10 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH K5 vào năm 2017, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 10 tờ hóa đơn trên là 152.808.400 đồng.

Tiến hành xác minh, Công ty TNHH K5 hiện đang hoạt động kinh doanh tại địa chỉ Lô D-D-CN, KCN M, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố B, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH K5, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Bình Dương tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH K5.

a13. Công ty cổ phần T24, MST 0302158498; địa chỉ: Số B V, Phường G, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 07 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty cổ phần T24 vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 07 tờ hóa đơn trên là 17.955.000 đồng.

Tiến hành xác minh, Công ty cổ phần T24 hiện đang hoạt động kinh doanh tại địa chỉ số B V, Phường G, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế Q2, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty cổ phần T24, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q3, Thành phố Hồ Chí Minh, tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty cổ phần T24.

a14. Liên Danh VCGP-BESSAC CWI, MST 0314627433; đỉa chỉ: Số A, Nguyễn Văn H7, phường T, Quận B (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 02 hóa đơn GTGT có liên quan Liên Danh VCGP-BESSAC CWI vào năm 2019, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 02 tờ hóa đơn trên là 75.000.000 đồng.

Tiến hành xác minh,Liên Danh VCGP-BESSAC CWI hiện đang hoạt động kinh doanh tại địa chỉ số A, N, phường T, Quận B (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi

phạm của Liên Danh VCGP-BESSAC CWI, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, làm việc với Liên Danh VCGP-BESSAC CWI.

a15. Công ty TNHH C3 (Việt Nam), M9; địa chỉ: Số D T, Phường F, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 20 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH C3 (Việt Nam) vào năm 2018-2019, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 20 tờ hóa đơn trên là 277.624.091 đồng.

Tuy nhiên, tiến hành xác minh tại địa chỉ số D T, Phường F, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh không có Công ty TNHH C3 (Việt Nam) hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế Q2, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH C3 (Việt Nam).

a16. Công ty TNHH T25; địa chỉ: Số F N, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 05 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH T25 vào năm 2021, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 05 tờ hóa đơn trên là 54.360.000 đồng.

Tiến hành xác minh, Công ty TNHH T25 hiện đang treo biển hiệu tại địa chỉ số F N, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế Q2, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH T25, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q3, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH T25.

a17. Công ty TNHH X1, MST 0315265472; địa chỉ: Số A đường D, khu S, khu phố D, phường T, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã làm việc với đại diện Công ty TNHH X1 và xác định nội dung như sau: Trong năm 2020, Công ty TNHH X1 và TM Liên Minh P1 có nhu cầu mua hàng hóa là máy móc, hàng hóa phục vụ sản xuất, qua quan hệ xã hội công ty Công ty TNHH X1 có giao dịch thỏa thuận mua hàng hóa từ một thành niên tên C1 (không rõ nhân thân, lai lịch), khi giao hàng cho Công ty TNHH X1 thì có kèm theo 04 tờ hóa đơn GTGT (gồm 02 tờ hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T22; 01 tờ hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T10; 01 tờ hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T15) xuất cho Công ty TNHH X1. Tiến hành thống kê 04 tờ hóa đơn GTGT nêu trên có tổng giá trị hàng hóa 945.903.292 đồng, tổng tiền hàng hóa và tiền thuế giá trị gia tăng 1.040.493.621 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH X1.

a18. Công ty TNHH MTV T26, MST 0310347587; địa chỉ: Số A đường

số C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 13 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH MTV T26 vào năm 2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 13 tờ hóa đơn trên là 972.945.650 đồng.

Tiến hành xác minh,Công ty TNHH MTV T26 hiện đang hoạt động kinh doanh tại địa chỉ số A đường số C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của cho Công ty TNHH MTV T26, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, làm việc với cho Công ty TNHH MTV T26.

a19. Công ty TNHH S1, M10; địa chỉ: Số D P, phường P, quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 06 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH S1 vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 06 tờ hóa đơn trên là 108.000.000 đồng.

Tiến hành xác minh,Công ty TNHH S1 hiện đang hoạt động kinh doanh tại địa chỉ số D P, phường P, quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của cho Công ty TNHH S1, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, làm việc với cho Công ty TNHH S1.

a20. Công ty Cổ Phần T27, M11; địa chỉ: Tầng E, Tòa nhà C N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã làm việc với đại diện Công ty Cổ Phần T27 và xác định nội dung như sau: Công ty Cổ Phần T27 kinh doanh dịch vụ vận tải, các phương tiện vận tải giao cho các tài xế để quản lý hoạt động nên khi lái xe ra ngoài thì có đổ xăng dầu, phí đường bộ thường các tài xế sẽ ứng trước tiền và mang các hóa đơn GTGT về để quyết toán lại từ Công ty, do số lượng tài xế đông, đồng thời ảnh hưởng từ dịch bệnh nên số lượng xe và tài xe có biến động, Công ty không nhớ rõ ai đã mang các hóa đơn GTGT về. Hiện đại diện Công ty Cổ Phần T27 đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D tờ hóa đơn GTGT (gồm 08 hóa đơn GTGT của công ty TNHH T15; 08 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T10) có tổng giá trị tiền hàng hóa 272.733.690 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, xác định hành vi vi phạm của Công ty Cổ Phần T27.

a21. Công ty TNHH M12, MST 0308293292; địa chỉ: Số A T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã làm việc với đại diện Công ty TNHH M12 và xác định nội dung như sau: Công ty TNHH

M12, các phương tiện vận tải giao cho các tài xế sử dụng và quản lý phương tiện vận tải nên khi lái xe ra ngoài thì tài xế có đổ xăng dầu và đem các hóa đơn GTGT về để quyết toán lại từ Công ty, tài xế của Công ty làm thời vụ hiện đã nghĩ việc hết (do làm thời vụ nên không có hồ sơ lưu trữ tại Công ty). Hiện đại diện Công ty TNHH M12 đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D 09 hóa đơn GTGT (gồm 08 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T10; 01 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T10) xuất cho Công ty TNHH M12 trong năm 2020 có tổng giá trị tiền hàng hóa 129.162.090 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế Q4, Thành phố Hồ Chí Minh, xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH M12.

a22. Công ty Cổ phần B1, M13; địa chỉ: Số B, đường Đ, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã làm việc với đại diện Công ty Cổ phần B1 và xác định nội dung như sau: Công ty Cổ phần B1 hoạt động lĩnh vực xây dựng nên thường nhận các hóa đơn GTGT từ các Công ty nhận giao phán công trình nộp về Công ty Cổ phần B1 để quyết toán chi phí thi công, vào năm 2019, Công ty Cổ phần B1 có nhận từ một cá nhân tên Nguyễn Vũ L1 (hiện đã nghĩ việc, Công ty không quản lý hồ sơ cá nhân) 05 tờ hóa đơn GTGT (gồm 03 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T8; 02 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T9) với tổng giá trị tiền hàng hóa 25.638.000 đồng, tổng giá trị tiền thuế GTGT (10%) 2.563.800 đồng, tổng giá trị tiền hàng hóa và tiền thuế GTGT 28.201.800 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương, xác định hành vi vi phạm của Công ty Cổ phần B1.

a23. Công ty TNHH S2, MST 3700768480; địa chỉ: Thửa đất số 420, tờ bản đồ số 11, tổ A, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã làm việc với đại diện Công ty TNHH S2 và xác định nội dung như sau: Từ năm 2019 đến năm 2020, do Công ty có nhu cầu mua vật tư như tem dán, decal,…để phục vụ sản xuất, thời điểm này có một người Phương (không rõ lai lịch) đến chào hàng bán hàng với giá cả cạnh tranh, xuất được các hóa đơn GTGT hợp lệ nên Công ty đồng ý mua hàng hóa từ P. Khi Công ty cần hàng hóa thì sẽ lập bảng kê hàng hóa gửi cho P, sau đó sẽ được P giao hàng hóa kèm theo hóa đơn GTGT cho Công ty. Đại diện Công ty đã giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D 08 tờ hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T10 xuất cho Công ty TNHH S2, với tổng giá trị tiền hàng hóa các hóa đơn là 85.668.600 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế huyện B, tỉnh Bình Dương, xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH S2.

a24. Công ty TNHH S3, MST 3702551268; địa chỉ: Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 7, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã làm việc

với đại diện Công ty TNHH S3 và xác định nội dung như sau: Trong năm 2019, do Công ty TNHH S3 có nhu cầu mua một số mặt hàng hóa để sản xuất thì có người phụ nữ (không rõ nhân thân, lai lịch) đến chào hàng bán hàng với giá cả cạnh tranh, xuất được các hóa đơn GTGT hợp lệ nên Công ty TNHH S3 đồng ý mua hàng hóa. Khi người phụ nữ này giao hàng cho Công ty TNHH S3 thì kèm theo 01 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T10, MST: 0315600917, địa chỉ: Số B đường số D, khu phố B, phường H, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh với tổng giá trị tiền hàng hóa 220.454.400 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH S3.

a25. Công ty TNHH G2, MST 3702426796; địa chỉ: Thửa đất số 209, tờ bản đồ số 08, khu phố P, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã làm việc với đại diện Công ty TNHH G2 và xác định nội dung như sau: Vào năm 2017, do Công ty TNHH G2 mở rộng sản xuất và có tìm mua một số máy móc cần thiết để phục vụ sản xuất, công ty có tìm mua máy móc thì có người đến chào bán máy móc xuất được các hóa đơn GTGT hợp lệ nên Công ty đồng ý mua. Khi giao hàng cho Công ty thì bên bán hàng có giao 03 tờ hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T14 cho Công ty, nhưng từ năm 2017 cho đến nay nên không nhớ rõ ai đã đến chào bán số máy móc trên cho Công ty. Tiến hành thống kê 03 tờ hóa đơn GTGT nêu trên có tổng giá trị tiền hàng hóa 1.538.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH G2.

a26. Công ty TNHH Y, M14; địa chỉ: số C Đại lộ Đ, KCN V-Singapore, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã làm việc với đại diện Công ty TNHH Y và xác định nội dung như sau: Trong năm 2019, Công ty có mua một số hàng hóa từ người tên H8 (không rõ lai lịch) và khi giao hàng cho Công ty thì có kèm theo hàng hóa là các hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T10. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ 12 hóa đơn GTGT của công ty TNHH T10 xuất cho Công ty TNHH Y, tuy nhiên đại diện công ty xác định chỉ tìm thấy và giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D 10 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T10. Tiến hành thống kê 12 tờ hóa đơn GTGT nêu trên thì tổng giá trị hàng hóa là 142.240.050 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH Y.

a27. Công ty TNHH T28, M15; địa chỉ: Số D đường C, tổ F, khu phố A, phường T, Quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 77 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH T28 vào năm 2017-2020,

4.443.604.400đồng.

Tiến hành xác minh, Công ty cổ phần T29 hiện đang hoạt động kinh doanh tại địa chỉ số B Đ, phường P, Quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty cổ phần T29, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty cổ phần T29.

a29. Công ty TNHH S4, MST 3700497262; địa chỉ: Số A Đại lộ Đ, KCN V - S, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã làm việc với đại diện Công ty TNHH S4 và xác định nội dung như sau: Từ năm 2019 đến năm 2020, Công ty TNHH S4 có mua hàng hóa là tấm lót carton của một người tên V3 (không rõ nhân thân, lai lịch), khi giao hàng cho Công ty, V3 giao kèm theo các hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T30 cho Công ty TNHH S4, hiện đại diện Công ty đã giao nộp cho Cơ tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 77 tờ hóa đơn trên là 152.808.400 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH T28, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH T28.

a28. Công ty cổ phần T29, MST 303861978; địa chỉ: Số B Đ, phường P, Quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 59 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty cổ phần T29 vào năm 2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 59 tờ hóa đơn trên quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D 13 hoá đơn GTGT có tổng giá trị hàng hoá là 130.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH S4.

a30. Công ty TNHH I, M16; địa chỉ: Lô D, đường số A, KCN Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 05 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH I: Vào năm 2016, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 05 tờ hóa đơn trên là 71.775.000 đồng.

Tiến hành xác minh, Công ty TNHH I hiện đang hoạt động kinh doanh tại địa chỉ Lô D, đường số A, KCN Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH I, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty

TNHH I.

a31. Công ty TNHH M17, MST 0315623304; địa chỉ: Tầng F, B N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 28 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH M17 vào năm 2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 28 tờ hóa đơn trên là 465.945.000 đồng.

Tiến hành xác minh, Công ty TNHH M17 hiện đang hoạt động kinh doanh tại địa chỉ tầng F, B N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế Q1, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH M17, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q5, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH M17.

a32. Công ty TNHH W, M18; địa chỉ: Số A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 07 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH W vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 07 tờ hóa đơn trên là 81.014.000 đồng.

Tiến hành xác minh, Công ty TNHH W hiện đang hoạt động kinh doanh tại địa chỉ số A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế huyện C, thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH W, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH W1

a33. Công ty TNHH S5, MST 0304761912; địa chỉ: Số D ấp D xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 30 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH S5: Vào năm 2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 30 tờ hóa đơn trên là 317.222.000 đồng.

Tuy nhiên, xác minh tại địa chỉ D ấp D xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh hiện không có Công ty TNHH S5 hiện đang hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH S5.

a34. Công ty TNHH K6, MST 3701979847; địa chỉ: Thửa đất số 157, tờ bản đồ số A3, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 41 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH K6: Vào năm

2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 41 tờ hóa đơn trên là 13.307.408.248 đồng.

Tuy nhiên, xác minh tại địa chỉ thửa đất số 157, tờ bản đồ số A3, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương hiện không có Công ty TNHH K6 hiện đang hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH K6.

a35. Công ty TNHH N5, MST 3702355601; địa chỉ: Thửa đất số 599, tờ bản đồ số 09, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 14 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH N5: Vào năm 2017-2018, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 14 tờ hóa đơn trên là 1.491.851.125đồng. Tuy nhiên, xác minh tại địa chỉ thửa đất số 599, tờ bản đồ số 09, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình D, hiện không có Công ty TNHH N hiện đang hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH N.

a36. Công ty TNHH E, MST 3702862175; địa chỉ: Thửa đất 25-26 tờ bản đồ số 81, đường D, khu tái định cư P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 25 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH E: Vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 25 tờ hóa đơn trên là 4.801.294.668 đồng.

Tiến hành xác minh, Công ty TNHH E hiện đang hoạt động kinh doanh tại địa chỉ thửa đất 25-26 tờ bản đồ số 81, đường D, khu tái định cư P, thành phố T, tỉnh Bình Dương

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH E, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH E.

a37. Công ty TNHH T, MST 3702544599; địa chỉ: Số G, khu phố P, phường H, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 45 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH T vào năm 2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 45 tờ hóa đơn trên là 1.026.738.000 đồng.

Tuy nhiên, xác minh tại địa chỉ số G, khu phố P, phường H, thành phố B, tỉnh Bình Dương hiện không có Công ty TNHH T hiện đang hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố B, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH T.

a38. Công ty TNHH H1; địa chỉ: E, đường số B X, ấp F, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 25 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH H1 vào năm 2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 45 tờ hóa đơn trên là 644.601.000 đồng.

Tiến hành xác minh, Công ty TNHH H1 hiện đang hoạt động kinh doanh tại địa chỉ số E, đường số B X, ấp F, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH H1, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH H1.

a39. Công ty TNHH T1, MST 0311835259; địa chỉ: Số B N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 37 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH T1 vào năm 2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 37 tờ hóa đơn trên là 1.031.962.546 đồng.

Tuy nhiên, xác minh tại địa chỉ số B N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện không có Công ty TNHH T1 đang hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế Q, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH T1.

a.40 Công ty Cổ phần P, M; địa chỉ: Số B, Quốc lộ A, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 36 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty Cổ phần P vào năm 2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 36 tờ hóa đơn trên là 2.495.671.000 đồng.

Tuy nhiên, xác minh tại địa chỉ số B, Quốc lộ A, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương hiện không có Công ty Cổ phần P hiện đang hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty Cổ phần P.

a41. Công ty TNHH MTV T2, M1; địa chỉ: Số D, khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 07 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH MTV T2 vào năm 2016-2017, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 07 tờ hóa đơn trên là 480.085.000 đồng.

Tuy nhiên, xác minh tại địa chỉ số D, khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, hiện không có Công ty TNHH MTV T2 đang hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH MTV T2.

a42. Công ty TNHH T3, M2; địa chỉ: Số A Đại lộ B, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 06 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH T3 vào năm 2016, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 06 tờ hóa đơn trên là 1.081.414.500 đồng.

Tuy nhiên, tiến hành xác minh tại địa chỉ số A Đại lộ B, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, hiện Công ty TNHH T3 không còn hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH T3.

a43. Công ty TNHH MTV P1, MST 3701675101; địa chỉ: Số B, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH MTV P1: Vào năm 2016, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 435.422.875 đồng.

Tiến hành xác minh, Công ty TNHH MTV P1 hiện đang hoạt động kinh doanh địa chỉ số B, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH MTV P1.

a44. Công ty TNHH MTV T4, M3; địa chỉ: Số D, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 04 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH MTV T4 vào năm 2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 04 tờ hóa đơn trên là 321.439.600 đồng.

Tiến hành xác minh, Công ty TNHH MTV T4 hiện đang hoạt động kinh doanh địa chỉ số D, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương, xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH MTV T4, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH MTV T4.

a45. Công ty TNHH D1, MST 0311220921; địa chỉ: Số A đường số B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 16 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH D1 vào năm 2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 16 tờ hóa đơn trên là 259.560.000 đồng.

Tuy nhiên, tiến hành xác minh tại địa chỉ số A đường số B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh không có Công ty TNHH D1.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế Q1, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH D1.

a46. Công ty TNHH H2, M4; địa chỉ: Thửa đất số 76, tờ bản đồ số 968, KDC V, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 12 hóa đơn GTGT có liên quan cho Công ty TNHH H2 vào năm 2016, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 12 tờ hóa đơn trên là 1.148.070.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH H2, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương, tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH H2.

a47. Công ty TNHH K, MST 0314750067; địa chỉ: Số D đường số A, KCD C, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 11 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH K vào năm 2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 11 tờ hóa đơn trên là 189.460.000 đồng.

Tuy nhiên, tiến hành xác minh tại địa chỉ D đường số A, KCD C, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh hiện không có Công ty TNHH K hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế Q1, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH K.

a48. Công ty TNHH N1, M5; địa chỉ: Số H, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 09 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH N1 vào năm 2017-2018, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 09 tờ hóa đơn trên là 4.373.618.660 đồng.

Tuy nhiên, tiến hành xác minh tại địa chỉ số H, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương hiện không có Công ty TNHH N1 hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương, xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH N1.

a49. Công ty TNHH S, MST 3702718911; địa chỉ: Số thửa đất số 1063, tờ bản đồ số 14, ấp H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 08 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH S vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 08 tờ hóa đơn trên là 4.373.618.660 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương, xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH S, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra

Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH S.

a50. Công ty TNHH C, M6; địa chỉ: số B L, khu phố E, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 41 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH C vào năm 2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 41 tờ hóa đơn trên là 1.006.409.000 đồng.

Tiến hành xác minh, Công ty TNHH C hiện đang hoạt động kinh doanh tại địa chỉ số B L, khu phố E, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH C, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B, thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH C.

a51. Công ty TNHH T5, M7; địa chỉ: Số C đường C, khu phố G, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 53 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH T5 vào năm 2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 53 tờ hóa đơn trên là 2.089.961.150 đồng.

Tuy nhiên, tiến hành xác minh tại địa chỉ số C đường C, khu phố G, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh hiện không có Công ty TNHH T5 hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH T5, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH T5.

a52. Công ty TNHH MTV T6, MST 3702599566; địa chỉ: Thửa đất số 397, tờ bản đồ số 13, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH MTV T6 vào năm 2017, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 106.800.000 đồng.

Tuy nhiên, tiến hành xác minh tại địa chỉ thửa đất số 397, tờ bản đồ số 13, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, hiện không có Công ty TNHH MTV T6 hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương, xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH MTV T6.

a53. Công ty TNHH T7, M8; địa chỉ: Số F, Đường số A (KDC C), Phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 22 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH T7 vào năm 2019-2020,

tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 22 tờ hóa đơn trên là 2.591.390.500 đồng.

Tiến hành xác minh tại địa chỉ số F Đường số A (KDC C), Phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh hiện có Công ty TNHH T7 đang hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH T7, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH T7.

a54. Công ty TNHH T8, MST 0312452033; địa chỉ: Số B N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 08 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH T8 vào năm 2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 08 tờ hóa đơn trên là 77.500.000 đồng.

Tuy nhiên, tiến hành xác minh tại địa chỉ số B N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh hiện không có Công ty TNHH T8 hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH T8.

a55. Công ty TNHH Q2, M9; địa chỉ: Số E T, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 17 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH Q2 vào năm 2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 17 tờ hóa đơn trên là 521.804.000 đồng.

Tuy nhiên, tiến hành xác minh tại địa chỉ số E T, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện không có Công ty TNHH Q2 hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH Q2.

a56. Công ty TNHH A, MST 0313138951; địa chỉ: Số H Q, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 05 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH A vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 05 tờ hóa đơn trên là 86.961.818 đồng.

Tuy nhiên, tiến hành xác minh tại địa chỉ số H Q, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện không có Công ty TNHH A hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH A.

a57. Công ty TNHH T9, MST 0314014807; địa chỉ: Số B N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 27 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH T10 vào năm 2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 28 tờ hóa đơn trên là 1.269.488.528 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH T10, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH T10.

a58. Công ty CP N2, MST 0311010755; địa chỉ: Số D Hậu Giang, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 28 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty CP N2 vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 28 tờ hóa đơn trên là 354.163.568 đồng.

Tuy nhiên, tiến hành xác minh tại địa chỉ số D Hậu Giang, phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện không có Công ty CP N2 và XÂY DỰNG ACC-BVA hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty CP N2.

a59. Công ty TNHH T10 ĐA KẾT NỐI, M10; địa chỉ: Số A N H, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 23 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH T10 vào năm 2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 23 tờ hóa đơn trên là 361.600.000 đồng.

Tuy nhiên, tiến hành xác minh tại địa chỉ số A N H, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh hiện không có Công ty TNHH T10 hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH T10.

a60. Công ty CP C1, MST 0313793533; địa chỉ: Số A N H, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 12 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty CP C1 vào năm 2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 12 tờ hóa đơn trên là 159.900.000 đồng.

Tuy nhiên, tiến hành xác minh tại địa chỉ số A N H, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện không có Công ty CP C1 hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty CP C1.

a61. Công ty TNHH T11, MST 0302645011, địa chỉ: Số B đường N, Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 10 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH T11 vào năm 2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 10 tờ hóa đơn trên là 1.038.845.000 đồng.

Tuy nhiên, tiến hành xác minh tại địa chỉ số B đường N, Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện không có Công ty TNHH T11 hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH T11.

a62. Công ty TNHH T12, M11; địa chỉ: Số B D, Phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 39 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH T12 vào năm 2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 39 tờ hóa đơn trên là 689.640.000 đồng.

Tuy nhiên, tiến hành xác minh tại địa chỉ số B D, Phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện không có Công ty TNHH T12 hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế Q3, Thành phố Hồ Chí Minh, xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH T12.

a63. Công ty TNHH H3 ĐAN, MST: 0304954008; địa chỉ: Số B đường số I, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 26 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH H4 vào năm 2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 26 tờ hóa đơn trên là 360.295.453 đồng.

Tuy nhiên, tiến hành xác minh tại địa chỉ số B đường số I, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện tại có treo biển hiệu Công ty TNHH H4.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH H4, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH H4.

a64. Công ty TNHH H5, MST 0303710016; địa chỉ: A N, Phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 24 hóa đơn GTGT có liên quan cho Công ty TNHH H5 vào năm 2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 24 tờ hóa đơn trên là 366.912.000 đồng.

Tuy nhiên, tiến hành xác minh tại địa chỉ số A N, Phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh không có Công ty TNHH H5 hiện đang hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế Q3, thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH H5.

a65. Công ty TNHH X1, M12; địa chỉ: Số C đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 13 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH X1 vào năm 2019, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 13 tờ hóa đơn trên là 612.370.752 đồng.

Tiến hành xác minh tại địa chỉ số C đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện có Công ty TNHH X1 đang hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế Q3, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH X1, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q4, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH X1.

a66. Công ty TNHH T10 PHÁT, MST 0315052876; địa chỉ: Số B T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 05 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH T10 PHÁT vào năm 2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 05 tờ hóa đơn trên là 26.700.000 đồng.

Tuy nhiên, tiến hành xác minh tại địa chỉ số B T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện không có Công ty TNHH T10 đang hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH T10.

a67. Công ty TNHH T13, MST 0313389553; địa chỉ: Số B, B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 19 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH T13 vào năm 2019, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 19 tờ hóa đơn trên là 753.700.000 đồng.

Tiến hành xác minh tại địa chỉ số B, B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh hiện tại có Công ty TNHH T13 đang hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH T13, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH T13.

a68. Công ty Cổ phần G, MST 0314521959; địa chỉ: Số D X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 02 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty G vào năm 2019, tiến hành thống

kê tổng giá trị hàng hóa 02 tờ hóa đơn trên có tổng giá trị hàng hóa là 6.110.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty Cổ phần G, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty Cổ phần G.

a69. Công ty TNHH MTV C2, MST 0312776937; địa chỉ: Số A ấp A, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 05 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH MTV C2 vào năm 2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 05 tờ hóa đơn trên là 1.227.018.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH MTV C2, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH MTV C2.

a70. Trường THCS N3, MST 0306848559; địa chỉ: Số B N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Trường THCS N3 vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 10.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Trường THCS N3, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, làm việc với Trường THCS N3.

a71. Công ty TNHH T14, M13; địa chỉ: Số E tổ C, khu phố C, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 03 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH T14 vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 03 tờ hóa đơn trên là 659.245.500 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH T14, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH T14.

a72. Công ty TNHH O; địa chỉ: Tầng A, tòa nhà S, B L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH O vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 5.100.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế Q5, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH O, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q6, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH O.

a73. Công ty TNHH X1; địa chỉ: ấp H, xã T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 31 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH X1 vào năm 2017-2018, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 31 tờ hóa đơn trên là 7.988.229.192 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH X1, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH X1.

a74. Công ty Cổ phần T15, M14; địa chỉ: Lô N, đường D, KCN N, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 04 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty Cổ phần T15 vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 04 tờ hóa đơn trên là 46.874.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty Cổ phần T15, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty Cổ phần T15.

a75. Công ty TNHH P2, M15; địa chỉ: số S, tổ I, ấp T, xã T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 03 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH P2 vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 03 tờ hóa đơn trên là 37.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thị xã T, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH P2, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH P2.

a76. Nhà nghỉ K1, M16; địa chỉ: Lô E cư xá T, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 03 hóa đơn GTGT có liên quan Nhà nghỉ khách sạn K1 vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 03 tờ hóa đơn trên là 17.272.727 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Nhà nghỉ K1, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công

an quận B, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, làm việc với Nhà nghỉ K1.

a77. Công ty TNHH J, M17; địa chỉ: Căn hộ L.OT12, L, Vinhome C, G Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 02 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH J vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 02 tờ hóa đơn trên là 2.100.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH J, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH J.

a78. Công ty TNHH T16, MST 3702560135; địa chỉ: Số C, tổ B, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH T16 vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 565.400.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH T16, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH T16.

a79. Công ty TNHH G1, M18; địa chỉ: Số G ĐT G, tổ A, khu phố L, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH G1 vào năm 2019, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 677.904.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH G1, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH G1.

a80. Công ty TNHH Q7, MST 3702558601; địa chỉ: Thửa đất số 803, tờ bản đồ số 28, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 08 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH Q7 vào năm 2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 08 tờ hóa đơn trên là 100.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH Q7, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH Q7.

a81. Công ty TNHH C3, MST 3702745954; địa chỉ: Thửa đất số 771, tờ bản đồ số 11, tổ E, khu phố V, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 02 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH C3 vào năm 2019, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 02 tờ hóa đơn trên là 300.800.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH C3, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương tiếp tục xác minh, làm việc Công ty TNHH C3.

a82. Công ty TNHH B, MST 3700754865; địa chỉ: thửa đất số 283, tờ bản đồ số 20, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 05 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH B vào năm 2017, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 05 tờ hóa đơn trên là 1.491.909.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH B, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương tiếp tục xác minh, làm việc Công ty TNHH B.

a83. Công ty Cổ phần T17, MST 3700530696; địa chỉ: đường Đ, khu phố G, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 08 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty Cổ phần T17 vào năm 2018, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 08 tờ hóa đơn trên là 110.367.645 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty Cổ phần T17, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương tiếp tục xác minh, làm việc Công ty Cổ phần T17.

a84. Công ty Cổ phần T18, MST 0312844898; địa chỉ: Số E B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 60 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty Cổ phần T18 vào năm 2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 60 tờ hóa đơn trên là 1.815.328.862 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty Cổ phần T18, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, làm việc Công ty T18.

a85. Công ty TNHH B1, MST 0314336258; địa chỉ: Số A N, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 31 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH B1 vào năm 2019-2020,

tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 31 tờ hóa đơn trên là 1.073.627.800 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận T, thành phố Hồ Chí Minh, xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH B1, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, tiếp tục xác minh, làm việc Công ty TNHH B1.

a86. Công ty TNHH D2, M19; địa chỉ: Số E đường T, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 17 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH D2 vào năm 2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 17 tờ hóa đơn trên là 244.790.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế Q8, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH D2, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q9, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, làm việc Công ty TNHH D2.

a87. Công ty TNHH T19, MST 0304303951; địa chỉ: Số D Phó C, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 23 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH T19 vào năm 2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 23 tờ hóa đơn trên là 6.363.880.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế Q8, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH T19, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q9, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, làm việc Công ty TNHH T19.

a88. Công ty TNHH H6, MST 0312973893; địa chỉ: Lầu E, số I N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 07 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH H6 vào năm 2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 07 tờ hóa đơn trên là 105.850.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế Q8, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH H6, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q9, Thành phố Hồ Chí Minh, tiếp tục xác minh, làm việc Công ty TNHH H6.

A89. Công ty Cổ phần D3, MST 0311907295; địa chỉ: Số D X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 14 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty Cổ phần D3 vào năm 2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 14 tờ hóa đơn trên là 123.535.455 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty Cổ phần D3, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, làm việc Công ty Cổ phần D3.

a90. Công ty TNHH T20, M20; địa chỉ: Tổ B, khu phố B, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 02 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH T20 vào năm 2019, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 02 tờ hóa đơn trên là 11.818.182 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương, xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH T20, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương, tiếp tục xác minh, làm việc Công ty TNHH T20.

a91. Công ty TNHH T21, M21; địa chỉ: Số H khu C, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 09 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH T21 vào năm 2019, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 09 tờ hóa đơn trên là 136.389.300đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương, xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH T21, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương tiếp tục xác minh, làm việc Công ty TNHH T21.

A92. Công ty TNHH T22, MST 0310260819; địa chỉ: Số A C, phường T, quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH T22 vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 95.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH T22, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, làm việc Công ty TNHH T22.

a93. Hợp Tác Xã V, MST 0314056229; địa chỉ: Số A C, phường T, quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01hóa đơn GTGT có liên quan Hợp Tác Xã Vận Tải và D Thiên Thanh H vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 538.950.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Hợp Tác X Vận Tải và Du Lịch Thiên Thanh H, cũng như ủy thác điều tra

cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, làm việc Hợp Tác Xã V H.

a94. Công ty cổ phần G2, M22; địa chỉ: Số C, cư xá Đ, đường Đ, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 09 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty cổ phần G2 vào năm 2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 256.900.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty cổ phần G2, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, làm việc Công ty cổ phần G2.

a95. Công ty TNHH V1, MST 3702330195; địa chỉ: Lô P, đường N, KCN N, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 21 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH V1 vào năm 2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 21 tờ hóa đơn trên là 10.695.825.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH V1, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương tiếp tục xác minh, làm việc Công ty TNHH V1.

a96. Công ty TNHH P3, MST 3603280063; địa chỉ: Thửa đất số 925, tờ bản đồ số 40, tổ C, khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 02 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH P3 vào năm 2018-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 21 tờ hóa đơn trên là 474.403.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH P3, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương tiếp tục xác minh, làm việc Công ty TNHH P3.

a97. Công ty TNHH B2, MST 0316245704; địa chỉ: Số A N, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 03 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH B2, vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 03 tờ hóa đơn trên là 43.700.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH B2, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, làm việc Công ty TNHH B2.

a98. Công ty TNHH I, MST 3700573562; địa chỉ: phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 05 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH I vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 05 tờ hóa đơn trên là 208.168.400 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH I1, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương tiếp tục xác minh, làm việc Công ty TNHH I1.

a99. Công ty Cổ phần Đ, MST: 3702412176; địa chỉ: Thửa đất số 73, tờ bản đồ số 38, khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty Cổ phần Đ vào năm 2019, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 62.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty Cổ phần Đ, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương tiếp tục xác minh, làm việc Công ty Cổ phần Đ.

a100. Công ty TNHH MTV D4, M23; địa chỉ: Số C, ĐX06TH, tổ E, ấp T, xã T, thành phố T, tỉnh Bình Dương

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 06 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH MTV D4 vào năm 2017, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 06 tờ hóa đơn trên là 2.164.637.120đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH MTV D4, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương tiếp tục xác minh, làm việc Công ty TNHH MTV D4.

a101. Công ty TNHH T23, MST 3702835319; địa chỉ: Thửa đất số 1066, tờ bản đồ số 44, khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 04 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH T23 vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 04 tờ hóa đơn trên là 835.913.853 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH T23, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương tiếp tục xác minh, làm việc Công ty TNHH T23.

a102. Công ty TNHH T24, MST 0315927422; địa chỉ: Số A L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 22 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH T25 vào năm 2019-2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 22 tờ hóa đơn trên là 782.127.273 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH T5, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh, làm việc Công ty TNHH T5.

a103. Công ty TNHH G, MST 3702779449; địa chỉ: Thửa đất số 841, tờ bản đồ số 7, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 18 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH G vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 18 tờ hóa đơn trên là 3.657.019.226 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH G, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương tiếp tục xác minh, làm việc Công ty TNHH G.

a104. Công ty TNHH T6, MST 3600878715; địa chỉ: Số D, tổ C, ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH T6 vào năm 2019, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 24.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế huyện L, tỉnh Đồng Nai, xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH T6, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L, tỉnh Đồng Nai tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH T6.

a105. Công ty TNHH Đ, M1; địa chỉ: Tổ E, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 04 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH Đ vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 04 tờ hóa đơn trên là 69.500.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, Tây Ninh xác minh, làm việc với Công ty TNHH Đ, tuy nhiên kết quả xác minh xác định Công ty TNHH Đ không có hoạt động kinh doanh tại địa chỉ tổ E, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D cũng đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế huyện T, tỉnh Tây Ninh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH Đ.

a106. Công ty TNHH V1, MST 1501047508; địa chỉ: Tổ G, khóm D, phường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 02 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH V1 vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 02 tờ hóa đơn trên là 1.953.800.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B, tỉnh Vĩnh Long xác minh, làm việc với Công ty TNHH V1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B, tỉnh Vĩnh Long làm việc với đại diện Công ty TNHH V1 (hiện đã đổi tên công ty là Công ty TNHH Đ1) trình bày thực tế có mua hàng hóa từ Công ty TNHH T7 và Công ty TNHH T8 với hình thức mua hàng qua điện thoại, 02 hóa đơn GTGT nêu trên là do bên Công ty TNHH T7 và Công ty TNHH T9 cho công ty TNHH V1 khi giao hàng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D cũng đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thị xã B, tỉnh Vĩnh Long xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH V1.

a107. Công ty TNHH C, M2; địa chỉ: Tầng C, số B, ngõ A đường N, phường H, quận T, Thành phố Hà Nội.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH C vào năm 2019, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 3.400.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Thành phố Hà Nội xác minh, làm việc với Công ty TNHH C, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, thành phố Hà Nội làm việc với đại diện Công ty TNHH C trình bày thực tế có mua hàng hóa qua mạng xã hội, khi bên bán hàng giao hàng thì có giao hóa đơn từ Công ty TNHH T9 cho công ty TNHH C.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D cũng đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận T, Thành phố Hà Nội xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH C.

a108. Công ty TNHH C1, MST 0105153412; địa chỉ: Số B, ngõ T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH C1 vào năm 2019, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 6.500.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H, Thành phố Hà Nội xác minh, làm việc với Công ty TNHH C1, thì xác định tại địa chỉ Số B, ngõ T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội hiện không có Công ty TNHH C1 hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D cũng đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận H, Thành phố Hà Nội xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH C1.

a109. Công ty TNHH T10, MST 3502417787; địa chỉ: Số A T, khu Á, phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH T10 vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 4.677.600 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xác minh, làm việc với Công ty TNHH T10, đại diện công ty đã kiểm tra và xác định không tìm thấy hóa đơn giá trị mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D cũng đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH T10.

a110. Công ty TNHH C2, MST 3901251551; địa chỉ: Số nhà C, tổ B, ấp C, xã G, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH C2 vào năm 2018, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 1.599.540.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế huyện T, tỉnh Tây Ninh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH C2, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Tây Ninh tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH C2.

a111. Công ty TNHH MTV T11, MST 3001368345, địa chỉ: Số nhà D, ngõ E, đường B, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 07 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH MTV T11 vào năm 2019, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 07 tờ hóa đơn trên là 69.500.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH MTV T11, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH MTV T11.

a112. Công ty TNHH T12; địa chỉ: Số A, tầng A, đường L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 09 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH T12 vào năm 2019 đến năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 09 tờ hóa đơn trên là 4.559.070.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận N, thành phố Cần Thơ xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH T12, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận N, thành phố Cần Thơ tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH T12.

a113. Công ty TNHH MTV S, MST 1801410176; địa chỉ: C, KV4, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH MTV S Ngô Gia vào năm 2018, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 792.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận N, thành phố Cần Thơ xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH MTV S, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận N, thành phố Cần Thơ tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH MTV S

a114. Công ty TNHH T13, MST 1802157619; địa chỉ: A, khu dân cư P, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 05 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH T13 vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 05 tờ hóa đơn trên là 3.265.550.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận C, thành phố Cần Thơ xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH T13, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận C, thành phố Cần Thơ tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH T14

a115. Công ty Cổ phần P1, MST 3600390903; địa chỉ: Tỉnh lộ 767, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 03 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty Cổ phần P1 vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 03 tờ hóa đơn trên là 45.900.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế huyện T, tỉnh Đồng Nai xác định hành vi vi phạm của Công ty Cổ phần P1, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Đồng Nai tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty Cổ phần P1.

a116. Công ty TNHH Z, M3; địa chỉ: Lô V, KCN H, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 48 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH Z vào năm 2019 đến năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 48 tờ hóa đơn trên là 648.950.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế huyện T, tỉnh Đồng Nai xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH Z, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Đồng Nai tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH Z.

a117. Công ty TNHH N3, MST 3603256649; địa chỉ: Lô X-TT ứng dụng công nghệ sinh học Đ2, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH N3 Trí N vào năm 2019, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 27.043.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế huyện C, tỉnh Đồng Nai xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH N3, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Đồng Nai tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH N3 Trí N.

a118. Công ty TNHH MTV P2, M4; địa chỉ: Tổ C, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH MTV P2 vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 161.917.500 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế huyện L, tỉnh Đồng Nai, xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH MTV P2, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L, tỉnh Đồng Nai tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH MTV P2.

a119. Công ty TNHH MTV S1 Nguyễn, MST 3603284332, địa chỉ: Số A, tổ A, ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 04 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH MTV S1 vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 04 tờ hóa đơn trên là 963.976.095 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế huyện L, tỉnh Đồng Nai, xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH MTV S1, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L, Đồng Nai tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH MTV S1.

a120. Công ty cổ phần S2, MST 1700440449; địa chỉ: Số B, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty cổ phần S2 vào năm 2017, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 77.727.274 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế huyện H, tỉnh Kiên Giang xác định hành vi vi phạm của Công ty cổ phần S2, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh Kiên Giang tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty cổ phần S2.

a121. Công ty TNHH M5, M6; địa chỉ: Số C, ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH M5 vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 74.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế huyện C, tỉnh Bến Tre xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH M5, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bến Tre tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH M5.

a122. Công ty Cổ phần Đ3, MST 1101903909; địa chỉ: T, ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty Cổ phần Đ3 vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 100.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế huyện Đ, tỉnh Long An xác định hành vi vi phạm của Công ty Cổ phần Đ3, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Long An tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty Cổ phần Đ3.

a123. Công ty cổ phần K1, M7; địa chỉ: Khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty cổ phần K1 vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 9.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xác định hành vi vi phạm của Công ty cổ phần K1, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty cổ phần K1.

a124. Công ty TNHH K2, MST 3603698527; địa chỉ: Số I, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH K2 vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 736.364 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế huyện T, tỉnh Đồng Nai xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH K2, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Đồng Nai tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH K2.

a125. Công ty TNHH G1, M8; địa chỉ: đường C, KCN N, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan cho Công ty TNHH G1 vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 143.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế huyện N, tỉnh Đồng Nai xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH G1, cũng như ủy thác điều tra choCơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Đồng Nai tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH G1.

a126. Ủy ban nhân dân Phường C3, thị xã G, tỉnh Tiền Giang MST 1200335823; địa chỉ: đường N, khu phố D, Phường C, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Ủy ban nhân dân Phường C3, thị xã G, tỉnh Tiền Giang vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 30.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thị xã G, tỉnh Tiền Giang xác định hành vi vi phạm của Ủy ban nhân dân Phường C3, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã G, tỉnh Tiền Giang tiếp tục xác minh, làm việc với Ủy ban nhân dân Phường C3, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

a127. Công ty TNHH P3, M9; địa chỉ: Số G, ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 24 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH P3 vào năm 2019 đến năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 24 tờ hóa đơn trên là 411.520.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế huyện G, tỉnh Tây Ninh xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH P3, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Tây Ninh tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH P4

a128. Công ty TNHH P5, MST 0106101590; địa chỉ: P tòa nhà E, B T, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH P5 vào năm 2019, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 6.800.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận C, thành phố Hà Nội Tàu xác minh, làm việc với Công ty TNHH P5, tuy nhiên, tại địa chỉ P tòa nhà E, B T, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội không có Công ty TNHH P5 hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D cũng đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận C, Thành phố Hà Nội xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH P5.

a129. Công ty TNHH T15, MST 0302249466-001; địa chỉ: Tầng A, số G X, phường T, quận T, Thành phố Hà Nội.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH T15 vào năm 2019, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 350.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Thành phố Hà Nội xác minh, làm việc với Công ty TNHH T15, đại diện Công ty xác định vào năm 2019, Công ty có mua chân đàn Guita nên có lên mạng xã hội Facebook đặt mua 01 chân đàn Guita với giá 385.000 đồng, bên bán hàng đã gửi giao hàng và giao hóa đơn của Công ty TNHH T7 cho Công ty.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D cũng đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận T, Thành phố Hà Nội xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH T15.

a.130. Công ty cổ phần C4, M10; địa chỉ: Số C đường Â, phường T, quận T, Thành phố Hà Nội.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty cổ phần C4 vào năm 2019, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 10.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Thành phố Hà Nội xác minh, làm việc với Công ty cổ phần C4, đại diện công ty xác định vào năm 2019, công ty có mua một dàn âm thanh Focusrite Clarett 2Pre USB tại một cửa hàng trên đường N, thành phố Hà Nội (không nhớ tên, địa chỉ cửa hàng) bên bán hàng đã gửi giao hàng và giao hóa đơn của Công ty TNHH T7 cho Công ty.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D cũng đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận T, Thành phố Hà Nội xác định hành vi vi phạm của Công ty cổ phần C4.

a131. Công ty cổ phần K3, M11; địa chỉ: Số A, hẻm C, tổ H cụm A đường A, phường P, quận T, Thành phố Hà Nội.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty cổ phần K3 vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 3.400.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Thành phố Hà Nội xác minh, làm việc với Công ty cổ phần K3, tuy nhiên, kết quả xác minh xác định tại địa chỉ số A, hẻm C, tổ H cụm A đường A, phường P, quận T, Thành phố Hà Nội không có Công ty cổ phần K3 hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D cũng đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận T, Thành phố Hà Nội xác định hành vi vi phạm của Công ty cổ phần K3.

a132. Ngân hàng TMCP K4, MST 010020800; địa chỉ: Số A Bà T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 02 hóa đơn GTGT có liên quan Ngân hàng TMCP K4 vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 02 tờ hóa đơn trên là 15.029.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H, Thành phố Hà Nội xác minh, làm việc với Ngân hàng TMCP K4, kết quả xác minh, Ngân hàng TMCP K4 xác định không sử dụng 02 hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH P4

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D cũng đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận H, Thành phố Hà Nội xác định hành vi vi phạm của Ngân hàng TMCP K4.

a133. Công ty TNHH C5, MST 0107757265; địa chỉ: Số A, ngõ E, T, phường B, quận H, Thành phố Hà Nội.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH C5 vào năm 2019, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 10.640.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận H, Thành phố Hà Nội xác định hành vi vi phạm của

Công ty TNHH C5, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H, Thành phố Hà Nội tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH C5.

a134. Công ty TNHH C6, M12; địa chỉ: Số G ngõ G, đường P, phường P, quận B, Thành phố Hà Nội.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH C6 vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 3.600.000 đồng..

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận B, Thành phố Hà Nội xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH C6, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B, Thành phố Hà Nội tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH C6.

a135. Công ty Cổ phần Đ4, M13; địa chỉ: Số F - Lô E P, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 05 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty Cổ phần Đ4 vào năm 2019, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 05 tờ hóa đơn trên là 83.050.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận N, Thành phố Hà Nội xác minh, làm việc với Công ty Cổ phần Đ4, tuy nhiên kết quả xác minh xác định tại địa chỉ số F - Lô E, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội không có Công ty Cổ phần Đ4 hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D cũng đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận N, Thành phố Hà Nội xác định hành vi vi phạm của Công ty Cổ phần Đ4.

a136. Xí nghiệp A – Chi nhánh Tổng công ty C7, MST 0100108984-003; địa chỉ: Số A đường N, phường N, quận L, Thành phố Hà Nội.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Xí nghiệp A – Chi nhánh Tổng công ty C7 vào năm 2021, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 10.190.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận L, Thành phố Hà Nội xác định hành vi vi phạm của Xí nghiệp A – Chi nhánh Tổng công ty C7, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận L, Thành phố Hà Nội tiếp tục xác minh, làm việc với Xí nghiệp A – Chi nhánh Tổng công ty C7.

a137. Công ty TNHH D; địa chỉ: Số H, ngõ G đường P, tổ C, phường X, quận N, Thành phố Hà Nội.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH D vào năm 2019, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 1.323.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận N, thành phố Hà Nội xác minh, làm

việc với Công ty TNHH D, tuy nhiên, kết quả xác minh xác định tại địa chỉ số H, ngõ G đường P, tổ C, phường X, quận N, Thành phố Hà Nội không có Công ty TNHH D hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D cũng đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận N, Thành phố Hà Nội xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH D.

a138. Công ty Cổ phần L, MST 0104586420; địa chỉ: Số D H, phường T, quận T, Thành phố Hà Nội.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 03 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty Cổ phần L vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 03 tờ hóa đơn trên là 76.260.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận T, Thành phố Hà Nội xác định hành vi vi phạm của Công ty Cổ phần L, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Thành phố Hà Nội tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty Cổ phần L.

a139. Công ty TNHH V2, MST 0401984583; địa chỉ: Số D, đường B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 03 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH V2 vào năm2019 đến năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 03 tờ hóa đơn trên là 118.832.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận C, thành phố Đà Nẵng xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH V2, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận C, thành phố Đà Nẵng tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH V2.

a140. Công ty TNHH D1, M14; địa chỉ: Số B, P, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 03 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH D1 vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 03 tờ hóa đơn trên là 47.700.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận C, thành phố Đà Nẵng xác minh, làm việc với Công ty TNHH D1, tuy nhiên, kết quả xác minh xác định tại địa chỉ số B, P, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng không có Công ty TNHH D1 hoạt động kinh doanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D cũng đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận C, thành phố Đà Nẵng, xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH D1.

a141. Công ty TNHH X, M15; địa chỉ: Số D Đ, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 10 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH X vào năm 2019, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 10 tờ hóa đơn trên là 146.810.415 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận T, thành phố Đà Nẵng xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH X, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, thành phố Đà Nẵng tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH X.

a142. Công ty TNHH V3, M16; địa chỉ: Số B T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 02 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH V3 vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 02 tờ hóa đơn trên là 304.475.000 đồng..

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận C, thành phố Đà Nẵng xác minh, làm việc với Công ty TNHH V3, kết quả xác minh, đại diện Công ty TNHH V3 xác định không giao dịch kinh doanh với Công ty TNHH T8; Công ty TNHH T7 và không nhận được hóa đơn GTGT từ hai công ty trên.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D cũng đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận C, thành phố Đà Nẵng xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH V3.

a143. Công ty Cổ phần T16, M17; địa chỉ: Số B Hải Phòng, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 12 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty cổ phần T16 vào năm 2019, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 12 tờ hóa đơn trên là 79.975.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, thành phố Đà Nẵng xác minh, làm việc với Công ty Cổ phần T16, kết quả xác minh, đại diện Công ty Cổ phần T16 xác định trong khoảng thời gian năm 2019, nhân viên Công ty là ông Lê Quang T, sinh năm 1984; thường trú: Số K L, phường T, Quận T, thành phố Đà Nẵng đi công tác tại thành phố Hồ Chí Minh thường đi tiếp khách tại các nhà hàng ăn uống, các hóa đơn được xuất từ hai Công ty TNHH T7 và Công ty TNHH T17 xuất cho Công ty Cổ phần T16 là do các nhà hàng, quán ăn cung cấp cho anh Lê Quang T mang về quyết toán.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D cũng đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận T, thành phố Đà Nẵng xác định hành vi vi phạm của Công ty Cổ phần T16.

a144. Công ty cổ phần E, M18; địa chỉ: Tầng I, số A N, phường V, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty cổ phần E vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 2.700.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Đ, Thành phố Hà Nội xác minh, làm việc với Công ty cổ phần E, kết quả xác minh, đại diện Công ty cổ phần E, xác định: Trong khoảng thời gian năm 2020, Công ty có mua hàng hóa qua mạng là Micro thu âm qua mạng xã hội (không nhớ được đơn vị bán hàng), khi nhận hàng thì Công ty cũng nhận được hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T7 xuất cho công ty cổ phần E.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D cũng đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận Đ, Thành phố Hà Nội xác định hành vi vi phạm của Công ty cổ phần E.

a145. Công ty TNHH P6, MST 0101795144; địa chỉ: Số A, T, phường V, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 06 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH P6 vào năm 2019, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 06 tờ hóa đơn trên là 1.057.085.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Đ, Thành phố Hà Nội xác minh, làm việc với Công ty TNHH P6, kết quả xác minh, đại diện công ty TNHH P6 xác định trong khoảng thời gian năm 2019, có một thanh niên đến công ty xưng là nhân viên của Công ty TNHH T17 để chào bán hàng hóa liên quan lĩnh vực in ấn của Công ty, do giá cả và chất lượng phù hợp với yêu cầu nên Công ty TNHH P6 đã đồng ý mua hàng hóa và khi nhận hàng hóa thì được thanh niên kia giao cho các tờ hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T17 nêu trên.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D cũng đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận Đ, Thành phố Hà Nội xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH P6.

a146. Công ty TNHH B, MST 4001087000; địa chỉ: Khối phố L, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 02 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH B vào năm 2019, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 02 tờ hóa đơn trên là 27.910.500 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D, tỉnh Quảng Nam xác minh, làm việc với Công ty TNHH B, kết quả xác minh: Đại diện Công ty TNHH B, xác định không giao dịch kinh doanh, cũng không nhận hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T7.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế huyện D, tỉnh Quảng Nam xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH B.

a147. Bưu điện huyện D, MST 4000479220-003; địa chỉ: Quốc lộ A, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 02 hóa đơn GTGT có liên quan Bưu điện huyện D vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 02 tờ hóa đơn trên là 21.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế huyện D, tỉnh Quảng Nam xác định hành vi vi phạm của Bưu điện huyện D, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D, tỉnh Quảng Nam tiếp tục xác minh, làm việc với Bưu điện huyện D.

a148. Công ty TNHH S3, MST 4201608324; địa chỉ: Tầng D, khách sạn H1, 38, T, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 02 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH S3 vào năm 2019, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 02 tờ hóa đơn trên là 7.500.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N, tỉnh Khánh Hòa xác minh, làm việc với Công ty TNHH S3, kết quả xác minh: Đại diện Công ty TNHH S3 trình bày trong năm 2019, nhân viên của Công ty (hiện đã nghĩ việc) có mua một bộ điều khiển ánh sáng LED qua mạng xã hội, khi nhận hàng, bên cung ứng hàng hóa đã cung cấp 01 hóa đơn Công ty TNHH T17 xuất nhưng Công ty TNHH S3 không đồng ý, nên bên cung ứng đã cung cấp lại 01 hóa đơn GTGT công ty TNHH T9 cho Công ty TNHH S3 (hiện đại diện công ty không nhớ được bên cung ứng hàng hóa).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D cũng đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố N, tỉnh Khánh Hòa xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH S3.

a149: Công ty B1, MST: 0300446973-004; địa chỉ: Số H, Q, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty B1 vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 2.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N, tỉnh Khánh Hòa xác minh, làm việc với Công ty B1, kết quả xác minh, đại diện Công ty B1 xác định không giao dịch kinh doanh, nhận hóa đơn từ Công ty TNHH P4

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D cũng đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố N, tỉnh Khánh Hòa xác định hành vi vi phạm của Công ty B1.

a150. Công ty TNHH S4, MST 0700794277, địa chỉ: Lô C, KCN Đ, xã Đ, huyện K, Thành phố Hà Nội.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 05 hóa đơn GTGT có liên quan cho Công ty TNHH S4 vào năm 2019, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 05 tờ hóa đơn trên là 77.837.892 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, Thành phố Hà Nội xác minh, làm việc với Công ty TNHH S4, kết quả xác minh, đại diện Công ty TNHH S4 xác định không giao dịch kinh doanh, cũng không biết tại sao Công ty TNHH T7 xuất hóa đơn cho Công ty TNHH S4.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D cũng đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế huyện K, Thành phố Hà Nội xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH S4.

a151. Công ty TNHH MTV S5, M19; địa chỉ: Phố T, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 02 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH MTV S5 vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 02 tờ hóa đơn trên là 36.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Hải Dương xác minh, làm việc với Công ty TNHH MTV S5, kết quả xác minh: Đại diện Công ty TNHH MTV S5 xác định vào năm 2020, đại diện Công ty có mua hàng hóa là vải than hoạt tính từ một người xưng là đại diện Công ty TNHH T17 thông qua mạng xã hội và điện thoại, khi nhận hàng thì Công ty nhận được 02 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T17, đại diện Công ty không xác định được người xưng là đại diện Công ty TNHH T17.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D cũng đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế huyện T, Hải Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH MTV S5.

a152. Công ty TNHH T18, M20; địa chỉ: Lô A, khu công nghiệp P, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 02 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH T18 vào năm 2019, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 02 tờ hóa đơn trên là 186.469.567 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố Q, tỉnh Bình Định xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH T18, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q, tỉnh Bình Định tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH T18.

a153. Công ty TNHH C8, M21; địa chỉ: G C, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 74 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH C9 T1 vào năm 2019 đến năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 74 tờ hóa đơn trên là 1.260.120.644 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận C, thành phố Đà Nẵng xác minh, làm việc với Công ty TNHH C8, kết quả xác minh, đại diện Công ty TNHH C8 xác định vào năm 2019-2020, Công ty có giao phân công trình cho ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1981, ngụ tại xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, các hóa đơn trên là do ông Nguyễn Văn H mua vật tư, nhận hóa đơn và giao về cho Công ty TNHH C8, nhưng hiện Công ty TNHH C9 T1 không còn hợp tác cùng ông Nguyễn Văn H, cũng không rõ anh H đang ngụ tại đâu.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam tiếp tục xác minh, làm việc với ông Nguyễn Văn H, đồng thời ra văn bản phối hợp cùng Chi Cục thuế quận C, thành phố Đà Nẵng xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH MTV S5.

a154. Công ty TNHH H2, M22, địa chỉ: khu V, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH H2 vào năm 2019, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 154.946.052 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố Q, Bình Định xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH H2, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q, Bình Định tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH H2.

a155. Công ty Cổ phần Đ5, M23; địa chỉ: Số A, phố P, phường P, quận T, Thành phố Hà Nội.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 01 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty Cổ phần Đ5 vào năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 01 tờ hóa đơn trên là 131.748.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận T, thành phố Hà Nội xác định hành vi vi phạm của Công ty Cổ phần Đ5, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, thành phố Hà Nội tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty cổ phần Đ5.

a156. Công ty Cổ phần D2 – Chi nhánh Đ6, MST 3000313576-001; địa chỉ: Số B đường V, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 11 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty Cổ phần D2 – Chi nhánh Đ6 vào năm 2019, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 11 tờ hóa đơn trên là 226.044.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận N, thành phố Đà Nẵng xác định hành vi vi phạm của Công ty cổ phần D2 – Chi nhánh Đ6, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận N, thành phố Đà Nẵng tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty Cổ phần D2 – Chi nhánh Đ6.

a157. Công ty TNHH H3, MST: 4000387643; địa chỉ: K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 16 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty TNHH H3 vào năm 2019 đến năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 16 tờ hóa đơn trên là 11.398.181.820 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế huyện N, tỉnh Quảng Nam xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH H3, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra

Công an huyện N, tỉnh Quảng Nam tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH H3.

a158. Công ty cổ phần X1, MST 0401559123; địa chỉ: Số H H, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 46 hóa đơn GTGT có liên quan Công ty Cổ phần X1 vào năm 2019 đến năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 46 tờ hóa đơn trên là 720.741.800 đồng..

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế quận S, thành phố Đà Nẵng xác định hành vi vi phạm của Công ty Cổ phần X1 cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận S, thành phố Đà Nẵng tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty Cổ phần X1.

a159. Công ty TNHH M24, M25; địa chỉ: Số G đường C, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ được 65 có liên quan cho Công ty TNHH M24 vào năm 2019 đến năm 2020, tiến hành thống kê tổng giá trị hàng hóa 65 tờ hóa đơn trên là 820.314.649 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra văn bản phối hợp cùng Chi cục thuế thành phố N, tỉnh Khánh Hòa xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH M24, cũng như ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N, tỉnh Khánh Hòa tiếp tục xác minh, làm việc với Công ty TNHH M24.

b. Bị cáo Bùi Trí N1:

Bị cáo Bùi Trí N1 và bị cáo Ngô Văn V là bạn bè quen biết nhau ngoài xã hội từ năm 2017. Sau khi nghe Ngô Văn V nói rằng V có bán hoá đơn GTGT thì N1 đồng ý tham gia làm chung với vai trò là tìm kiếm, trực tiếp thoả thuận tiền phí mua hoá đơn GTGT với những tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua hoá đơn GTGT. Sau đó, N1 sẽ chuyển thông tin của khách hàng cho Nguyễn Thị Quỳnh N2 để Như tổng hợp, sử dụng những Công ty do Ngô Văn V lập ra để xuất hoá đơn GTGT cho khách hàng. Tiền phí bán hoá đơn GTGT cho khách hàng thì Bùi Trí N1 sẽ tính từ 01% trên tổng giá trị hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT, sau đó, Bùi Trí N1 sẽ chia cho đôi số tiền hưởng lợi cho Ngô Văn V. Khách hàng sẽ thanh toán tiền mua hoá đơn GTGT thông qua hình thức chuyển khoản đến số tài khoản Ngân hàng của những Công ty M26 Nguyễn Thị Quỳnh N2 xuất hoá đơn GTGT.

Qua điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định: Bùi Trí N1 đã bán hoá đơn GTGT tổng cộng 397 tờ hoá đơn GTGT cho 04 Công ty trên địa bàn thành phố D, tỉnh Bình Dương thông qua một người đàn ông tên M (không rõ nhân thân, lai lịch), không bán hoá đơn GTGT trực tiếp cho Công ty. Cụ thể như sau: Năm 2017, thông qua mối quan hệ xã hội thì Bùi Trí N1 quen với một người thanh niên tên M (không rõ nhân thân, lai lịch). Do biết Bùi Trí N1 có bán hoá đơn GTGT nên tên M đã đề nghị Bùi Trí N1 bán hoá đơn GTGT cho những Công ty gồm: Công ty TNHH MTV Đ7, MST: 3701990336;

địa chỉ: số C đường L, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Công ty TNHH L1, MST: 3701922576; địa chỉ số H khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Công ty TNHH T19, MST: 3701784118; địa chỉ số G đường N, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương và Công ty TNHH G2, MST: 3702338638; địa chỉ số H khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Sau khi thoả thuận, Bùi Trí N1 đồng ý bán hoá đơn GTGT cho tên M với tiền phí là 1% trên tổng giá trị hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT.

Tiến hành xác minh tại Công an phường D, thành phố D xác định: Công ty TNHH MTV Đ7 và Công ty TNHH L1 đã không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ nêu trên từ năm 2015 cho đến nay và đã chuyển đi đâu không rõ.

Tiến hành làm việc với Công ty TNHH T19 và Công ty TNHH G2 xác định: Những Công ty này không có mua hoá đơn GTGT từ Bùi Trí N1 và cũng không biết Bùi Trí N1 là ai. Những Công ty này có thực tế mua hàng hoá là gỗ từ một người đàn ông tên T2 (không rõ nhân thân, lai lịch). Khi mua hàng thì tên T2 xuất hoá đơn GTGT kèm theo hàng hoá để giao đến Công ty.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định Bùi Trí N1 đã hưởng lợi từ việc bán hoá đơn GTGT là 2.977.722.046 đồng, trong đó hưởng lợi là 1.488.861.023 đồng và trả cho Ngô Văn V số tiền là 1.488.861.023 đồng.

Ngoài ra, sau khi, Ngô Văn V thu lợi từ việc mua bán hoá đơn GTGT của bị cáo Nguyễn Thị Thu K và Bùi Trí O thì Ngô Văn V sẽ chia đôi số tiền đó ra để Bùi Trí N1 cùng hưởng lợi. Số tiền Ngô Văn V hưởng lợi được từ việc mua bán trái phép hoá đơn GTGT của Bùi Trí O và Nguyễn Thị Thu K là 2.886.433.874 đồng. Trong đó, Ngô Văn V hưởng lợi số tiền 1.443.216.937 đồng, Bùi Trí N1 hưởng lợi số tiền 1.443.216.937 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo Bùi Trí N1 thu lợi từ việc mua bán hoá đơn GTGT là 2.932.077.954 đồng.

c. Bị cáo Bùi Trí O:

Bị cáo Bùi Trí O và bị cáo Ngô Văn V là bạn bè quen biết nhau ngoài xã hội từ năm 2017. Sau khi nghe Ngô Văn V nói rằng Ngô Văn V có bán hoá đơn GTGT thì Bùi Trí O đồng ý tham gia làm chung với vai trò là tìm kiếm, trực tiếp thoả thuận tiền phí mua hoá đơn GTGT với những tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua hoá đơn GTGT. Sau đó, Bùi Trí O sẽ chuyển thông tin của khách hàng cho Nguyễn Thị Quỳnh N2 để Nguyễn Thị Quỳnh N2 tổng hợp, sử dụng những Công ty do Ngô Văn V lập ra để xuất hoá đơn GTGT cho khách hàng. Tiền phí bán hoá đơn GTGT cho khách hàng thì Bùi Trí O sẽ tính từ 03% đến 4,5% trên tổng giá trị hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT. Sau đó, Bùi Trí O sẽ chia cho Ngô Văn V là 1,8%, còn lại Bùi Trí O hưởng lợi số phần trăm còn lại là từ 1,2% - 2,7%. Khách hàng sẽ thanh toán tiền mua hoá đơn GTGT thông qua hình thức chuyển khoản đến số tài khoản Ngân hàng của những Công ty M26 Nguyễn Thị Quỳnh N2 xuất hoá đơn GTGT, cụ thể như sau:

c1. Công ty TNHH MTV T20, MST 3702287648; địa chỉ: Số A tổ B đường L, phường P, thành phố T tỉnh Bình Dương.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định bị cáo Bùi Trí O đã bán cho Công ty TNHH MTV T20 tổng cộng 16 tờ hoá đơn GTGT với tiền phí là 3,2% trên tổng giá trị hàng hóa của mỗi tờ hoá đơn GTGT. Tuy nhiên, tiến hành làm việc với Công ty TNHH MTV T20 thì Công ty không thừa nhận mua hoá đơn GTGT của bị cáo Bùi Trí O mà Công ty trình bày rằng trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến 2020, có một thanh niên tên P (không rõ nhân thân, lai lịch) đến Công ty TNHH MTV T20 chào hàng bán hàng hóa. Do thấy giá hàng hóa hợp lý nên Công ty đồng ý mua hàng của P tất cả 16 lần, mỗi lần mua thì P gửi kèm theo hàng hóa là các hóa đơn GTGT nêu trên. Hiện Công ty TNHH MTV T20 đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D tổng cộng 16 tờ hoá đơn GTGT nêu trên. Tiến hành thống kê giá trị của 16 tờ hóa đơn GTGT trên có tổng giá trị hàng hoá là 2.683.356.259 đồng.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định Bùi Trí O đã thu lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH MTV T20 tổng cộng là 85.867.400 đồng. Trong đó, chi trả cho Ngô Văn V số tiền là 48.300.412 đồng, hưởng lợi số tiền là 37.566.987 đồng.

c2. Công ty TNHH T21, M27; địa chỉ: Số B Đại Lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định, bị cáo Bùi Trí O đã bán hoá đơn GTGT cho Công ty TNHH T21 với tiền phí là 3,0% tổng giá trị hàng hóa trên mỗi tờ hoá đơn GTGT và đã thu giữ tổng cộng 136 tờ hoá đơn GTGT liên quan đến Công ty TNHH T21.

Đại diện pháp luật Công ty TNHH T21 là ông Nguyễn Xuân T3, sinh năm 1942; thường: Số A T, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, chức danh: Giám đốc không thừa nhận mua hóa đơn giá trị gia tăng từ Bùi Trí O. Đồng thời trình bày, trong khoảng thời gian từ năm 2020, có một thanh niên tên M (không rõ nhân thân, lai lịch) đến Công ty TNHH T21 chào hàng bán hàng hóa. Do thấy giá hàng hóa hợp lý nên Công ty đồng ý mua hàng của M, trong các lần giao hàng M đã đưa cho Công ty TNHH T21 tất cả 16 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T22 xuất cho Công ty TNHH T21. Tiến hành thống kê 16 hóa đơn giá trị gia tăng nêu trên có tổng giá trị hàng hóa là 273.386.600 đồng, tổng giá trị tiền thuế GTGT (10%) là 27.338.660 đồng. Còn lại 120 hóa đơn GTGT còn lại mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D phát hiện do 05 Công ty của nhóm bị cáo thành lập ra xuất cho Công ty TNHH T21 thì Công ty không thừa nhận. Do đó, số hoá đơn còn lại không thể xác định cho bị cáo Bùi Trí O.

Căn cứ vào kết quả điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định số tiền Bùi Trí O thu lợi từ việc bán 16 hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty TNHH T21 là 8.201.598 đồng. Trong đó, chi trả cho Ngô Văn V số tiền 4.920.958 đồng, hưởng lợi số tiền là 3.280.640 đồng.

c3. Công ty TNHH D3, M28; địa chỉ: Thửa đất 1073, tờ bản đồ số 36, phường H, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Thông qua mối quan hệ xã hội, ông Trần Vũ Duy T4, sinh năm 1985; thường trú: Số F khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương đã liên hệ

trực tiếp bị cáo Bùi Trí O để mua tổng cộng 06 tờ hoá đơn GTGT với tiền phí là 4,5% trên tổng giá trị hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT nhằm mục đích hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào cho Công ty TNHH D3 do ông Trần Vũ Duy T4 làm chủ. Tiến hành thống kê giá trị của 06 tờ hoá đơn GTGT trên có tổng giá trị hàng hóa là 1.360.389.345 đồng. Hiện tại Công ty đã giao nộp lại toàn bộ số hoá đơn GTGT nêu trên.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ tổng cộng 15 tờ hoá đơn GTGT có liên quan đến Công ty TNHH D3. Tuy nhiên, làm việc với Công ty TNHH D3 xác định Công ty chỉ mua tổng cộng 06 tờ hoá đơn GTGT. Làm việc với bị cáo Bùi Trí O xác định chỉ bán tổng cộng 06 tờ hoá đơn GTGT, đối với 09 tờ hóa đơn GTGT không tìm thấy thì có thể trong quá trình mua bán hóa đơn thì các hóa đơn trên bị sai nên Công ty đã hoàn trả lại.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định Bùi Trí O đã hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH D3 là 61.217.520 đồng. Trong đó, chi trả cho bị cáo Ngô Văn V số tiền 24.487.008 đồng, hưởng lợi số tiền 36.730.511 đồng.

c4. Công ty TNHH MTV L4, MST 3701799202; địa chỉ: Số C khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Thông qua mối quan hệ xã hội, ông Võ Hoàng L, sinh năm 1978; thường trú: Số C khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương đã liên hệ trực tiếp bị cáo Bùi Trí O để mua tổng cộng 75 tờ hoá đơn GTGT với tiền phí là 4% trên tổng giá trị hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT nhằm mục đích hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào cho Công ty TNHH MTV L4 do ông Võ Hoàng L làm chủ. Tiến hành thống kê giá trị của 75 tờ hoá đơn GTGT trên có tổng giá trị hàng hóa là 11.606.091.809 đồng. Hiện tại, Công ty đã giao nộp lại toàn bộ số hoá đơn GTGT nêu trên.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ tổng cộng 77 tờ hoá đơn GTGT có liên quan đến Công ty TNHH MTV L4. Tuy nhiên, làm việc với Công ty TNHH MTV L4 xác định Công ty chỉ mua tổng cộng 75 tờ hoá đơn GTGT. Làm việc với bị cáo Bùi Trí O xác định chỉ bán tổng cộng 75 tờ hoá đơn GTGT, đối với 02 tờ hóa đơn GTGT không tìm thấy, do trong quá trình mua bán hóa đơn thì các hóa đơn trên bị sai nên Công ty đã hoàn trả lại.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Bùi Trí O đã hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH MTV L4 là 464.243.672 đồng. Trong đó, chi trả cho bị cáo Ngô Văn V số tiền 208.909.652 đồng, hưởng lợi số tiền 255.334.019 đồng.

c5. Công ty TNHH MTV M1, MST 3701580812; địa chỉ: Số B đường L, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Bùi Trí O đã bán cho Công ty TNHH MTV M1 tổng cộng 04 tờ hoá đơn GTGT với tiền phí là 03% trên tổng giá trị hàng hóa của mỗi tờ hoá

đơn GTGT. Tuy nhiên, tiến hành làm việc với Công ty TNHH MTV M1 thì Công ty không thừa nhận mua hoá đơn GTGT của bị cáo Bùi Trí O, Công ty K1 rằng trong năm 2020, có một thanh niên tên C (không rõ nhân thân, lai lịch) đến Công ty TNHH MTV M1. Do giá cả hợp lý nên Công ty TNHH MTV M1 đã mua hàng hóa của C, khi giao hàng thì C giao kèm theo 04 hóa đơn GTGT. Hiện Công ty TNHH MTV M1 đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D tổng cộng 04 tờ hoá đơn GTGT nêu trên. Tiến hành thống kê giá trị của 04 tờ hóa đơn GTGT trên có tổng giá trị hàng hoá là 727.499.600 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ tổng cộng 07 tờ hoá đơn GTGT có liên quan đến Công ty TNHH MTV M1. Tuy nhiên, bị cáo Bùi Trí O khẳng định chỉ bán 04 tờ hoá đơn GTGT, còn lại 03 tờ bị sai không sử dụng.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Bùi Trí O đã hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH MTV M1 là 21.824.988 đồng. Trong đó, chi trả cho bị cáo Ngô Văn V số tiền là 13.094.992 đồng, hưởng lợi số tiền là 8.729.995 đồng.

c6. Công ty TNHH S2, MST 3603418603; địa chỉ số D khu phố L, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Bùi Trí O đã bán tổng cộng 22 tờ hoá đơn GTGT cho Công ty TNHH S2 với tiền phí là 3,2% trên tổng giá trị hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT. Tiến hành thống kê giá trị của 22 tờ hóa đơn GTGT có tổng giá trị hàng hoá là 5.272.919.352 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã tiến hành xác minh tại địa chỉ số D khu phố L, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai xác định tại địa chỉ nêu trên không có Công ty TNHH S2 hoạt động kinh doanh sản xuất, hoặc trên biển hiệu kinh doanh.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Bùi Trí O đã hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH S2 là 168.733.419 đồng. Trong đó, chi trả cho Ngô Văn V số tiền là 94.912.548 đồng, hưởng lợi số tiền là 73.820.870 đồng.

c7. Công ty TNHH T4, M2; địa chỉ: Số C, ấp L, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Thông qua mối quan hệ xã hội, bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1977; thường trú: Số A, khu phố B, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai đã liên hệ trực tiếp bị cáo Bùi Trí O để mua tổng cộng 25 tờ hoá đơn GTGT với tiền phí là 3,5% trên tổng giá trị hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT để hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào cho Công ty TNHH T4 do bà Nguyễn Thị Thu T làm chủ. Tiến hành thống kê giá trị của 25 tờ hóa đơn nêu trên có tổng giá trị hàng hoá là 6.909.501.820 đồng.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định trong trường hợp này bị cáo Bùi Trí O đã thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH T4 là 241.832.563 đồng. Trong đó, chi trả cho bị cáo Ngô Văn V số tiền 124.371.032 đồng, hưởng lợi số tiền 117.461.530 đồng.

c8. Công ty TNHH MTV Đ3, MST 3702255318; địa chỉ: Thửa đất số 374, tờ bản đồ số 5, tổ C, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Bùi Trí O đã bán cho bị cáo Vòng Xí L1 tổng cộng 122 tờ hoá đơn GTGT với tiền phí là 3,5% trên tổng giá trị hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT để Vòng Xí Lình hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào của Công ty TNHH Đ3 do Vòng Xí Lình làm chủ. Tiến hành thống kê giá trị hàng hóa của 122 tờ hóa đơn GTGT có tổng giá trị là 9.627.661.596 đồng. Hiện tại, Công ty TNHH Đ3 đã giao nộp đủ số hoá đơn GTGT nêu trên.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ tổng cộng 129 tờ hoá đơn GTGT có liên quan đến Công ty TNHH Đ3. Tuy nhiên, làm việc với Vòng Xí Lình xác định chỉ mua tổng cộng 122 tờ hoá đơn GTGT từ Bùi Trí O. Làm việc với Bùi Trí O xác định: Bùi Trí O chỉ bán 122 tờ hoá đơn GTGT, đối với 07 tờ hóa đơn GTGT không tìm thấy là do trong quá trình mua bán hóa đơn thì các hóa đơn trên bị sai nên Công ty đã hoàn trả lại.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Bùi Trí O đã hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH Đ3 là 336.968.155 đồng. Trong đó, chi trả cho bị cáo Ngô Văn V số tiền là 173.297.908 đồng, hưởng lợi số tiền 163.670.246 đồng.

c9. Công ty TNHH MTV N3, MST 3700660002; địa chỉ: Thửa đất số 1018, tờ bản đồ số 20, tổ D, ấp H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Bùi Trí O đã bán cho V1 Xí Lình tổng cộng 71 tờ hoá đơn GTGT với tiền phí là 3,5% trên tổng giá trị hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT để bị cáo Vòng Xí L1 giúp cho Công ty TNHH N3 hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào. Tiến hành thống kê giá trị hàng hóa của 71 tờ hóa đơn GTGT có tổng giá trị là 13.784.176.219 đồng. Hiện tại, Công ty TNHH N3 đã giao nộp đủ số hoá đơn GTGT nêu trên.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Bùi Trí O đã hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH MTV Q là 482.446.167 đồng. Trong đó, chi trả cho Ngô Văn V số tiền 248.115.171 đồng, hưởng lợi số tiền 234.330.995 đồng.

c10. Công ty TNHH MTV Q, MST 3702590362 địa chỉ: Thửa đất số 1018, tờ bản đồ số 20, tổ D, ấp H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Bùi Trí O đã bán cho bị cáo Vòng Xí L1 tổng cộng 100 tờ hoá đơn GTGT với tiền phí là 3,5% trên tổng giá trị hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT để Vòng Xí Lình giúp cho Công ty TNHH MTV Q hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào. Tiến hành thống kê giá trị hàng hóa của 100 tờ hóa đơn GTGT có tổng giá trị là 17.380.324.833 đồng. Hiện tại, Công ty TNHH MTV Q đã giao nộp đủ số hoá đơn GTGT nêu trên.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Bùi Trí O đã hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH MTV Q là 608.311.369 đồng. Trong đó, chi trả cho bị cáo Ngô Văn V số tiền 312.845.846 đồng, hưởng lợi số tiền 295.465.522 đồng.

c11. Công ty TNHH MTV Đ4, MST 3701430479; địa chỉ: Số E đường B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Thông qua mối quan hệ xã hội, bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; thường trú: Số E đường B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương đã liên hệ trực tiếp bị cáo Bùi Trí O để mua tổng cộng 70 tờ hoá đơn GTGT với tiền phí là 03% trên tổng giá trị tiền hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT nhằm hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào của Công ty TNHH MTV Đ4 do bà Nguyễn Thị H làm chủ. Tiến hành thống kê giá trị của 70 tờ hóa đơn GTGT trên có tổng giá trị tiền hàng hoá là 16.524.989.359 đồng. Sau khi làm việc thì Công ty TNHH MTV Đ4 đã giao nộp lại toàn bộ số hoá đơn GTGT trên.

Căn cứ vào kết quả điều tra, Cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định số tiền mà bị cáo Bùi Trí O hưởng lợi từ việc bán hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty TNHH MTV Đ4 là 495.749.681 đồng. Trong đó chi trả cho bị cáo Ngô Văn V số tiền 297.449.808 đồng, hưởng lợi số tiền 198.299.872 đồng.

c12. Công ty TNHH X, M3; địa chỉ: Số A, đường T, tổ A, khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Thông qua mối quan hệ xã hội, ông Nguyễn Thanh S, sinh năm1978; thường trú: Số A, đường T, tổ A, khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương đã liên hệ trực tiếp bị cáo Bùi Trí O để mua tổng cộng 75 tờ hoá đơn GTGT với tiền phí là 2,8% trên tổng giá trị tiền hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT nhằm hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào của Công ty TNHH X do ông Nguyễn Thanh S làm chủ. Tiến hành thống kê giá trị của 75 tờ hóa đơn GTGT trên có tổng giá trị tiền hàng hoá là 25.324.229.431 đồng. Sau khi làm việc thì Công ty TNHH X đã giao nộp lại toàn bộ số hoá đơn GTGT trên.

Căn cứ vào kết quả điều tra, Cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định số tiền bị cáo Bùi Trí O hưởng lợi từ việc bán hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty TNHH X là 709.087.424 đồng. Trong đó, chi trả cho Ngô Văn V số tiền 455.836.130 đồng, hưởng lợi số tiền 253.242.294 đồng.

Qua công tác điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định bị cáo Bùi Trí O đã bán hoá đơn GTGT cho tổng cộng 12 Công ty, hưởng lợi từ việc bán hoá đơn GTGT là 3.684.474.960 đồng, trong đó bản thân O hưởng lợi số tiền 1.677.933.488 đồng và trả cho Ngô Văn V số tiền 2.006.541.472 đồng.

d. Bị cáo Ngô Gia C1:

Bị cáo Ngô Gia C1 và bị cáo Ngô Văn V là bạn bè quen biết nhau ngoài xã hội từ năm 2018. Sau khi nghe V nói có bán hoá đơn GTGT, Ngô Gia C1 tham gia làm chung với vai trò là tìm kiếm, trực tiếp thoả thuận tiền phí mua hoá đơn GTGT với những tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua hoá đơn GTGT. Sau đó, Ngô Gia C1 sẽ chuyển thông tin của khách hàng cho Nguyễn Thị Quỳnh N để Như tổng hợp, sử dụng những Công ty do Ngô Văn V lập ra để xuất hoá đơn GTGT cho khách hàng. Tiền phí bán hoá đơn GTGT cho khách hàng thì Ngô Gia C1 sẽ tính từ 1,6% đến 04% trên tổng giá trị hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT. Khách hàng sẽ thanh toán tiền mua hoá đơn GTGT thông qua hình thức chuyển khoản đến số tài khoản Ngân hàng của những Công ty M4 Nguyễn Thị Quỳnh N xuất hoá đơn GTGT, cụ thể như sau:

d1. Công ty TNHH T5 - Vật tư ngành gỗ Đỗ Thành Đ, MST 3702479438; địa chỉ: Số C khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Thông qua mối quan hệ xã hội, ông Đỗ Văn H1 là giám đốc Công ty TNHH T5 - Vật tư ngành gỗ Đỗ Thành Đ đã liên hệ trực tiếp bị cáo Ngô Gia C1 để mua tổng cộng 31 tờ hoá đơn GTGT với tiền phí là 1,6% trên tổng giá trị hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT nhằm mục đích hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào cho Công ty TNHH T5 - Vật tư ngành gỗ Đỗ Thành Đ. Sau đó, Ngô Gia C1 sẽ chia cho Ngô Văn V là 0,6%, còn lại Ngô Gia C1 hưởng lợi số phần trăm còn lại là 01%. Tiến hành thống kê giá trị của 31 tờ hoá đơn GTGT trên có tổng giá trị hàng hóa là 13.707.580.907 đồng. Hiện tại, Công ty TNHH T5 - Vật tư ngành gỗ Đỗ Thành Đ đã giao nộp lại toàn bộ số hoá đơn GTGT nêu trên.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Ngô Gia C1 đã hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH T5 - Vật tư ngành gỗ Đỗ Thành Đ số tiền 219.321.295 đồng, trong đó hưởng lợi số tiền 137.075.809 đồng và trả cho bị cáo Ngô Văn V số tiền 82.245.485 đồng.

d2. Công ty TNHH T5 - DV Nội thất T5, địa chỉ: số C đường ống nước thô 2400, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương

Thông qua mối quan hệ xã hội, ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1980; thường trú: Số 363A đường ống nước thô 2400, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương đã liên hệ trực tiếp bị cáo Ngô Gia C1 để mua tổng cộng 144 tờ hoá đơn GTGT với tiền phí là 1,6% trên tổng giá trị hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT nhằm mục đích hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào cho Công ty TNHH T5 do ông Nguyễn Ngọc D làm chủ. Sau đó, Ngô

Gia C1 sẽ chia cho Ngô Văn V là 0,6%, còn lại Ngô Gia C1 hưởng lợi số phần trăm còn lại là 1%. Tiến hành thống kê giá trị của 144 tờ hoá đơn GTGT trên có tổng giá trị hàng hóa là 69.046.106.789 đồng. Hiện tại, Công ty TNHH T5 đã giao nộp lại toàn bộ số hoá đơn GTGT nêu trên.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Ngô Gia C1 đã thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH T5 - DV Nội thất Hạnh Phúc số tiền 1.104.737.709 đồng. Trong đó, chi trả cho bị cáo Ngô Văn V số tiền 414.276.641 đồng, hưởng lợi số tiền 690.461.068 đồng.

d3. Công ty TNHH C3; địa chỉ: Số C Quốc lộ A, khu phố T, phường Đ, thành phố D, Bình Dương.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh sửa xe ô tô các loại, bị cáo Trần Thị Ngọc D1 quen biết với bị cáo Ngô Gia C1. Lúc này, Chính giới thiệu rằng có bán hoá đơn GTGT thì D1 đồng ý mua hoá đơn GTGT từ Chính để hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào của Công ty TNHH C3 do Trần Thị Ngọc D1 làm giám đốc, với tiền phí mua hoá đơn GTGT là 04% trên tổng giá trị tiền hàng của mỗi tờ hoá đơn GTGT. Sau đó, C1 sẽ chia cho Ngô Văn V là 0,6%, còn lại Ngô Gia C1 hưởng lợi số phần trăm còn lại là 3,4%. Từ năm 2018 cho đến hết năm 2020, Trần Thì Ngọc D2 đã mua tổng cộng 129 tờ hoá đơn GTGT từ Ngô Gia C1 để hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào của Công ty TNHH C3. Tiến hành thống kê giá trị của 129 tờ hoá đơn GTGT nêu trên có tổng giá trị là 2.041.760.000 đồng. Hiện tại, Công ty TNHH C3 đã nộp lại toàn bộ số hoá đơn nêu trên.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Ngô Gia C1 đã thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH C3 là 81.670.400 đồng. Trong đó, chi trả cho bị cáo Ngô Văn V số tiền là 12.250.560 đồng, hưởng lợi số tiền 69.419.840 đồng.

d4. Những Công ty liên quan đến Trần Thị Ngọc D1

Thông qua bị cáo Trần Thị Ngọc D1 thì bị cáo Ngô Gia C1 đã bán tổng cộng 37 tờ hoá đơn GTGT với tiền phí là 04% trên tổng giá trị tiền hàng của mỗi tờ hoá đơn GTGT. Sau đó, bị cáo Ngô Gia C1 sẽ chia cho bị cáo Ngô Văn V là 0,6%, còn lại Ngô Gia C1 hưởng lợi số phần trăm còn lại là 3,4%. Cụ thể như sau:

- Doanh nghiệp tư nhân T6; địa chỉ số A đường C, khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương tổng cộng 20 tờ hoá đơn GTGT với tổng giá trị hàng hoá là 342.150.000 đồng.

- Doanh nghiệp tư nhân S3; địa chỉ số G, quốc lộ A, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương tổng cộng là 02 tờ hoá đơn GTGT với tổng giá trị hàng hoá là 32.150.000 đồng.

- Công ty TNHH V3; địa chỉ số G, Đường S, khu phố C, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương, tổng cộng 02 tờ hoá đơn GTGT với tổng giá trị hàng hoá là 35.800.000 đồng.

- Công ty TNHH MTV D4; địa chỉ: Khu phố B, phường P, thành phố B, Bình Dương tổng cộng 13 tờ hoá đơn GTGT với tổng giá trị hàng hoá là 225.500.000 đồng.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Ngô Gia C1 đã hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT là 25.424.000 đồng. Trong đó, chi trả cho bị cáo Ngô Văn V số tiền là 3.816.600 đồng, hưởng lợi số tiền 31.610.400 đồng.

Qua công tác điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Ngô Gia C1 đã bán hoá đơn GTGT cho tổng cộng 07 Công ty. Bị cáo Ngô Gia C1 đã hưởng lợi từ việc bán hoá đơn GTGT là 1.324.059.003 đồng, trong đó hưởng lợi là 918.567.117 đồng và trả cho Ngô Văn V số tiền là 405.491.886 đồng.

Ngoài ra, sau khi bị cáo Ngô Văn V thu lợi từ việc mua bán hoá đơn GTGT của bị cáo Nguyễn Văn H2 thì bị cáo Ngô Văn V sẽ chia đôi số tiền đó ra để bị cáo Ngô Gia C1 cùng hưởng lợi. Số tiền bị cáo Ngô Văn V hưởng lợi được từ việc mua bán trái phép hoá đơn GTGT của Nguyễn Văn H2 là 1.295.931.557. Trong đó, bị cáo Ngô Văn V hưởng 647.965.778 đồng, bị cáo Ngô Gia C1 hưởng lợi 647.965.778 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo Ngô Gia C1 hưởng lợi từ việc mua bán hoá đơn GTGT là 1.566.532.895 đồng.

e. Bị cáo Trịnh Ngọc L2:

Bị cáo Trịnh Ngọc L2 và bị cáo Ngô Văn V là bạn bè quen biết nhau ngoài xã hội từ năm 2017. Sau khi nghe, V nói có bán hoá đơn GTGT thì L2 đồng ý tham gia làm chung với vai trò là tìm kiếm, trực tiếp thoả thuận tiền phí mua hoá đơn GTGT với những tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua hoá đơn GTGT. Sau đó, L2 sẽ chuyển thông tin của khách hàng cho bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N để Như tổng hợp, sử dụng những Công ty do V lập ra để xuất hoá đơn GTGT cho khách hàng. Tiền phí bán hoá đơn GTGT cho khách hàng thì L2 sẽ tính từ 2,5% - 03% trên tổng giá trị hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT. Khách hàng sẽ thanh toán tiền mua hoá đơn GTGT thông qua hình thức chuyển khoản đến số tài khoản Ngân hàng của những Công ty M4 Như xuất hoá đơn GTGT.

Về hình thức thanh toán thì L2 sẽ mang tiền giao cho những Công ty mua hoá đơn GTGT nộp vào tài khoản của Công ty, sau đó chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng của những Công ty mà Như dùng để xuất hóa đơn GTGT giống như một giao dịch bình thường. Sau đó, Ngô Văn V sẽ cho người rút tiền ra trả lại cho Trịnh Ngọc L2, còn L2 sẽ nhận tiền phí bán hóa đơn từ các Công ty theo tỷ lệ phần trăm đã thoả thuận trước đó. Đến cuối tháng thì L2 sẽ trả cho V số tiền theo tỷ lệ phần trăm mà V và L2 đã thoả thuận trước đó, cụ thể như sau:

e1. Công ty TNHH T5, M5; địa chỉ: Số A đường V, khu phố C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Thông qua mối quan hệ xã hội thì bà Sam Thị Kim N1, sinh năm 1977; thường trú: Số I, ấp E, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai đã liên hệ Trịnh Ngọc

L2 để mua tổng cộng 41 tờ hoá đơn GTGT với tiền phí là 03% trên tổng giá trị hàng hóa của mỗi tờ hóa đơn GTGT để hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào cho Công ty TNHH T5 do bà Sam Thị Kim N1 làm chủ. Tiến hành thống kê giá trị của 41 tờ hoá đơn GTGT có tổng giá trị là 17.762.243.838 và bà Sam Thị Kim N1 đã giao nộp lại toàn bộ số hoá đơn GTGT nêu trên.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ tổng cộng 58 tờ hoá đơn GTGT có liên quan đến Công ty TNHH T5. Tuy nhiên, khi tiến hành làm việc bà Sam Thị Kim N1 khẳng định chỉ mua của L2 tổng cộng là 41 tờ hóa đơn GTGT. Làm việc với L2 xác định L2 chỉ bán cho bà N1 tổng cộng 41 tờ hoá đơn GTGT, đối với 17 tờ hóa đơn GTGT không tìm thấy là do trong quá trình mua bán hóa đơn thì các hóa đơn trên bị sai nên Công ty đã hoàn trả lại.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định Trịnh Ngọc L2 đã hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH T5 là 532.867.314 đồng. Trong đó, chi trả cho bị cáo Ngô Văn V số tiền là 177.622.438 đồng, hưởng lợi số tiền là 355.244.876 đồng.

e2. Công ty TNHH G, MST 3702288828; địa chỉ: Số A khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Xác minh tại Công an phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, xác định Công ty TNHH G, MST: 3702288828 không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ số A khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương mà đã chuyển trụ sở về địa chỉ tại thửa đất 205, tờ bản đồ 12, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương để hoạt động kinh doanh.

Thông qua mối quan hệ xã hội, ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1982; thường trú: Thôn D, xã E, huyện E, tỉnh Đăk Lăk đã liên hệ với Trịnh Ngọc L2 để mua tổng cộng 36 tờ hóa đơn GTGT với tiền phí là giá 03% trên tổng giá trị hàng hóa của mỗi tờ hóa đơn GTGT để hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào cho Công ty TNHH G do ông Nguyễn Văn T1 làm chủ. Tiến hành thống kê giá trị của 36 tờ hóa đơn GTGT có tổng giá trị hàng hoá là 10.971.842.380 đồng và ông Nguyễn Văn T1 đã giao nộp lại toàn bộ số hoá đơn GTGT nêu trên.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ tổng cộng 11 tờ hoá đơn GTGT có liên quan đến Công ty TNHH G nhưng không trùng khớp với số hoá đơn mà ông Nguyễn Văn T1 giao nộp. Tiến hành làm việc với ông Nguyễn Văn T1 xác định ông Nguyễn Văn T1 mua lại Công ty TNHH G từ ngày 05/8/2019 cho đến nay, khi ông T1 mua lại Công ty thì chủ sở hữu cũ không bàn giao hồ sơ, tài liệu có liên quan đến hoạt động Công ty và không biết 11 tờ hoá đơn GTGT nêu trên ở đâu. Làm việc với L2 xác định L2 chỉ bán cho ông Nguyễn Văn T1 tổng cộng 36 tờ hóa đơn GTGT, số hoá đơn còn lại không tìm thấy là do trong quá trình mua bán hóa đơn thì các hóa đơn trên bị sai nên Công ty đã hoàn trả lại.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Trịnh Ngọc L2 đã hưởng lợi từ việc bán hóa

đơn GTGT cho Công ty TNHH G là 329.155.271 đồng. Trong đó, chi trả cho bị cáo Ngô Văn V số tiền là 109.718.423 đồng, hưởng lợi số tiền là 219.436.848 đồng.

e3. Công ty TNHH C4, M6; địa chỉ: Số H, tổ G, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ tổng cộng 20 tờ hoá đơn GTGT có liên quan đến Công ty TNHH C5 Tuy nhiên, tiến hành xác minh tại Công an phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương xác định trên địa bàn không có địa chỉ số H, tổ G, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương và không có Công ty TNHH C4 hoạt động kinh doanh.

Qua làm việc, Trịnh Ngọc L2 khai nhận đã bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH C4 với tiền phí là 2,5% tổng giá trị hàng hóa trên mỗi tờ hóa đơn GTGT trong khoảng thời gian từ 2017-2020. Tiến hành thống kê giá trị của 20 tờ hóa đơn GTGT trên thì có tổng giá trị hàng hoá là 4.783.652.100 đồng.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Trịnh Ngọc L2 đã hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH C4 là 119.591.303 đồng. Trong đó, chi trả cho bị cáo Ngô Văn V số tiền là 47.836.521 đồng, hưởng lợi số tiền là 71.754.782 đồng.

e4. Công ty TNHH MTV P1, MST 3702044740; địa chỉ: Số A khu phố F, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Thông qua mối quan hệ xã hội thì ông Mai Lương P, sinh năm 1966; thường trú: Số A Đại lộ B, tổ E, khu phố G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; chổ ở: Số A tổ E, khu phố F, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương đã liên hệ Trịnh Ngọc L2 để mua 03 tờ hóa đơn GTGT nhằm mục đích hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào cho Công ty TNHH T7 do ông P làm giám đốc với tiền phí là 2,5% trên tổng giá trị hàng hóa của mỗi tờ hóa đơn GTGT. Tiến hành thống kê giá trị của 03 tờ hóa đơn nêu trên có tổng giá trị hàng hóa là 330.529.000 đồng.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Trịnh Ngọc L2 đã thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH MTV P2 8.263.225 đồng. Trong đó, chi trả cho bị cáo Ngô Văn V số tiền là 3.305.290 đồng, hưởng lợi số tiền là 4.957.935 đồng.

e5. Công ty TNHH S4, M7; địa chỉ: Ấp H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Thông qua mối quan hệ xã hội, ông Nguyễn Vũ S1, sinh năm 1977; thường trú: Số H khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương đã liên hệ với Trịnh Ngọc L2 để mua tổng cộng 07 tờ hoá đơn GTGT với tiền phí là 2,6% trên tổng giá trị hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT để hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào cho Công ty TNHH S4 do ông S1 làm chủ. Tiến hành thống kê giá trị của 07 tờ hoá đơn GTGT nêu trên có tổng giá trị

là hàng hóa là 2.326.766.000 đồng và ông Nguyễn Vũ S1 đã giao nộp lại toàn bộ số hoá đơn GTGT nêu trên.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ tổng cộng 13 tờ hoá đơn GTGT có liên quan đến Công ty TNHH S4. Tiến hành làm việc với ông Nguyễn Vũ S1 xác định ông S1 chỉ mua tổng cộng của L2 là 07 tờ hoá đơn GTGT. Làm việc với bị cáo Trịnh Ngọc L2, xác định L2 chỉ bán cho ông Nguyễn Vũ S1 tổng cộng 07 tờ hoá đơn GTGT, đối với 06 tờ hóa đơn GTGT không tìm thấy là do trong quá trình mua bán hóa đơn thì các hóa đơn trên bị sai nên Công ty đã hoàn trả lại.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Trịnh Ngọc L2 đã hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH S4 là 60.495.916 đồng. Trong đó, chi trả cho bị cáo Ngô Văn V số tiền là 23.267.660 đồng, hưởng lợi số tiền là 37.228.256 đồng.

e6. Công ty TNHH T5, M8; địa chỉ: Số A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Từ năm 2017 đến năm 2020, thông qua mối quan hệ xã hội thì bà Phạm Thị N2, sinh năm 1986; thường trú: Số A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương đã liên hệ với Trịnh Ngọc L2 để mua tổng cộng 55 tờ hoá đơn GTGT nhằm mục đích hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào cho Công ty TNHH T5 do bà N2 làm chủ với tiền phí là 2,5% trên tổng giá trị hàng hóa của mỗi tờ hóa đơn GTGT. Tiến hành thống kê giá trị của 55 tờ hoá đơn GTGT nêu trên có tổng giá trị là hàng hoá là 16.898.973.186 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ tổng cộng 62 tờ hóa đơn GTGT có liên quan đến Công ty TNHH D5 với tổng giá trị hàng hoá là 22.267.683.302 đồng. Tiến hành làm việc với bà Phạm Thị N2, xác định bà N2 chỉ mua của Trịnh Quốc L3 tổng cộng là 55 tờ hoá đơn GTGT. Làm việc với L3, xác định L3 chỉ bán cho bà N2 tổng cộng 55 tờ hoá đơn GTGT, đối với 07 tờ hóa đơn GTGT không tìm thấy thì có thể trong quá trình mua bán hóa đơn thì các hóa đơn trên bị sai nên Công ty đã hoàn trả lại.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Trịnh Ngọc L2 đã hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH T5 số tiền là 422.474.329 đồng. Trong đó, chi trả cho bị cáo Ngô Văn V số tiền là 168.989.731 đồng, hưởng lợi số tiền là 253.484.598 đồng.

e7. Công ty TNHH MTV P3, MST 3700850907; địa chỉ: Số D khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Thông qua mối quan hệ xã hội, ông Huỳnh Anh T2, sinh năm 1976; thường trú: Số D khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương đã liên hệ với Trịnh Ngọc L2 để mua 12 tờ hoá đơn GTGT với tiền phí là 3,5% trên tổng giá trị hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT để hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào cho Công ty TNHH MTV P3 của ông T2 làm chủ. Tiến hành thống kê giá trị của 12 tờ hóa đơn GTGT có tổng giá trị hàng hoá là

6.361.015.000 đồng và ông Huỳnh Anh T2 đã giao nộp lại toàn bộ số hoá đơn GTGT nêu trên.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ tổng cộng 21 tờ hoá đơn GTGT có liên quan đến Công ty TNHH MTV P3. Tiến hành làm việc với ông Huỳnh Anh T2 xác định ông T2 chỉ mua của L2 tổng cộng 12 tờ hoá đơn GTGT. Làm việc với L2, xác định Trịnh Ngọc L2 chỉ bán cho ông Huỳnh Anh T2 tổng cộng 12 tờ hoá đơn GTGT, đối với 09 tờ hóa đơn GTGT không tìm thấy là do trong quá trình mua bán hóa đơn thì các hóa đơn trên bị sai nên Công ty đã hoàn trả lại.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Trịnh Ngọc L2 đã hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH MTV P3 với số tiền 222.635.525 đồng. Trong đó, chi trả cho bị cáo Ngô Văn V số tiền 63.610.150 đồng, hưởng lợi số tiền là 159.025.375 đồng.

e8. Công ty TNHH MTV G1, M9; địa chỉ: Số A khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Thông qua mối quan hệ xã hội, ông Nguyễn Trọng T3, sinh năm 1982; thường trú: Số A khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương đã liên hệ với Trịnh Ngọc L2 để mua tổng cộng 25 tờ hoá đơn GTGT với tiền phí là 03% trên tổng giá trị hàng hóa của mỗi tờ hóa đơn GTGT để hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào của Công ty TNHH MTV G1 do ông T3 làm chủ. Tiến hành thống kê giá trị của 25 tờ hoá đơn GTGT trên có tổng giá trị là 3.737.409.100 đồng và ông Nguyễn Trọng T3 đã giao nộp lại toàn bộ số hoá đơn GTGT nêu trên.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ tổng cộng 54 tờ hoá đơn GTGT có liên quan đến Công ty TNHH MTV G1. Tiến hành làm việc với ông T3, xác định ông T3 chỉ mua của L2 tổng cộng 25 tờ hoá đơn GTGT. Làm việc với L2 xác định, L2 chỉ bán cho ông T3 tổng cộng 25 tờ hoá đơn GTGT, đối với 29 tờ hóa đơn GTGT không tìm thấy, do trong quá trình mua bán hóa đơn thì các hóa đơn trên bị sai nên Công ty đã hoàn trả lại.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Trịnh Ngọc L2 đã hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH MTV G1, số tiền 112.122.273 đồng. Trong đó, chi trả cho bị cáo Ngô Văn V, số tiền 37.374.091 đồng, hưởng lợi số tiền 74.748.182 đồng.

Qua quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định: Từ năm 2017 đến 2020, bị cáo Trịnh Ngọc L2 đã bán hóa đơn GTGT cho tổng cộng 08 Công ty. Trịnh Ngọc L2 đã hưởng lợi từ việc bán hoá đơn GTGT là 1.807.605.158 đồng, trong đó, bản thân Trịnh Ngọc L2 hưởng lợi là 1.175.880.852 và trả cho Ngô Văn V số tiền 631.724.306 đồng.

f. Bị cáo Nguyễn Văn H2:

Bị cáo Nguyễn Văn H2 và bị cáo Ngô Văn V là bạn bè quen biết nhau ngoài xã hội từ năm 2016. Sau khi nghe, V nói rằng có bán hoá đơn GTGT

thì bị cáo H2 đồng ý tham gia làm chung với vai trò là tìm kiếm, trực tiếp thoả thuận tiền phí mua hoá đơn GTGT với những tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua hoá đơn GTGT. Sau đó, H2 sẽ chuyển thông tin của khách hàng cho bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N để Như tổng hợp, sử dụng những Công ty do V lập ra để xuất hoá đơn GTGT cho khách hàng. Tiền phí bán hoá đơn GTGT cho khách hàng thì H2 sẽ tính từ 3% đến 6,5% trên tổng giá trị hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT. Khách hàng sẽ thanh toán tiền mua hoá đơn GTGT thông qua hình thức chuyển khoản đến số tài khoản Ngân hàng của những Công ty M4 Như xuất hoá đơn GTGT, cụ thể như sau:

f1. Công ty TNHH MTV T5, M10; địa chỉ: Số A, tổ I, khu phố P, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định Nguyễn Văn H2 đã bán cho Công ty TNHH MTV T5 tổng cộng 19 tờ hoá đơn GTGT với tiền phí là 4% trên tổng giá trị hàng hóa của mỗi tờ hoá đơn GTGT. Tuy nhiên, tiến hành làm việc với Công ty TNHH MTV T5 thì Công ty không thừa nhận mua hoá đơn GTGT của bị cáo Nguyễn Văn H2. Tiến hành thống kê giá trị của 19 tờ hoá đơn GTGT trên có tổng giá trị hàng hoá là 22.073.355.180 đồng. Hiện Công ty đã giao nộp lại toàn bộ số hoá đơn GTGT nêu trên.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ tổng cộng 26 tờ hoá đơn GTGT có liên quan đến Công ty TNHH MTV T5. Tuy nhiên, làm việc với Công ty TNHH MTV T5 thì Công ty K2 chỉ có 19 tờ hoá đơn GTGT. Làm việc với Nguyễn Văn H2, xác định hoá đơn GTGT, đối với 07 tờ hóa đơn GTGT không tìm thấy thì có thể trong quá trình mua bán hóa đơn thì các hóa đơn trên bị sai nên Công ty đã hoàn trả lại.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Nguyễn Văn H2 đã hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH MTV T5 là 882.934.207 đồng, trong đó, chi trả cho bị cáo Ngô Văn V số tiền 397.320.393 đồng, hưởng lợi số tiền là 485.613.814 đồng.

f2. Công ty TNHH MTV D6, MST 3702444354; địa chỉ: Thửa đất 432, tờ bản đồ số 13, ấp H, xã T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Thông qua mối quan hệ xã hội, bà Dương Sy M, sinh năm 1985; thường trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai đã liên hệ Nguyễn Văn H2 để mua tổng cộng 20 tờ hoá đơn GTGT với tiền phí là 06% trên tổng giá trị tiền hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT nhằm mục đích hợp thức giá trị hàng hoá đầu vào cho Công ty TNHH MTV D6 do bà Dương Sy M làm kế toán. Tiến hành thống kê giá trị của 20 tờ hoá đơn GTGT nêu trên có tổng giá trị hàng hoá là 11.349.223.008 đồng. Hiện Công ty TNHH MTV D6 đã giao nộp lại toàn bộ số hoá đơn GTGT nêu trên.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Nguyễn Văn H2 đã hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH MTV D6 là 680.953.380 đồng, trong đó, chi

trả cho bị cáo Ngô Văn V số tiền là 204.286.014 đồng, hưởng lợi số tiền là 476.667.366 đồng.

f3. Công ty TNHH Đ5, M11; địa chỉ: Số A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Thông qua mối quan hệ xã hội, ông Lê Văn Đ1, sinh năm 1977; thường trú: Số D tổ E khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương đã liên hệ với Nguyễn Văn H2 để mua tổng cộng 05 tờ hoá đơn GTGT với tiền phí là 03% trên tổng giá trị tiền hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT nhằm mục đích hợp thức giá trị hàng hoá đầu vào cho Công ty TNHH Đ5 do ông Lê Văn Đ1 làm chủ. Tiến hành thống kê giá trị của 05 tờ hoá đơn GTGT nêu trên có tổng giá trị hàng hoá là 3.172.936.460 đồng. Hiện tại, Công ty TNHH Đ5 đã giao nộp lại toàn bộ số hoá đơn GTGT nêu trên.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ tổng cộng 07 tờ hoá đơn GTGT có liên quan đến Công ty TNHH Đ5. Tuy nhiên, làm việc với Công ty TNHH Đ5 thì Công ty K2 chỉ có mua của Nguyễn Văn H2 là 05 tờ hoá đơn GTGT. Làm việc với Nguyễn Văn H2, xác định H2 chỉ bán cho Công ty TNHH Đ5 tờ hoá đơn GTGT, đối với 02 tờ hóa đơn GTGT không tìm thấy là do trong quá trình mua bán hóa đơn thì các hóa đơn trên bị sai nên Công ty đã hoàn trả lại.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Nguyễn Văn H2 đã hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH Đ5 là 95.188.093 đồng, trong đó, chi trả cho bị cáo Ngô Văn V số tiền là 57.112.856 đồng, hưởng lợi số tiền 38.075.238 đồng.

f4. Công ty TNHH X1, MST 0305197657; địa chỉ: Số B đường S, khu đô thị A, phường A, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Nguyễn Văn H2 đã bán cho bị cáo Phạm Thị H3 tổng cộng 33 tờ hoá đơn GTGT với tiền phí là 3,8% trên tổng giá trị hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT để H3 bán cho một người phụ nữ tên Đ2, sau đó người phụ tên Đ2 cung cấp cho Công ty TNHH X1. Tiến hành thống kê giá trị của các hóa đơn GTGT nêu trên có tổng giá trị hàng hoá là 467.300.587 đồng. Công ty TNHH X1 đã giao nộp lại toàn bộ số hoá đơn GTGT nêu trên.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Nguyễn Văn H2 đã hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho bị cáo Phạm Thị H3 để H3 bán cho Công ty TNHH X1 là 17.757.422 đồng, trong đó, trả cho bị cáo Ngô Văn V số tiền 8.411.411 đồng, hưởng lợi số tiền 9.346.012 đồng.

f5. Công ty TNHH D7, MST: 0312058608; địa chỉ: Số D đường số F, khu phố E, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn H2 khai nhận có bán 02 tờ hoá đơn GTGT cho Công ty TNHH D7 với tiền phí là 03% trên tổng giá trị hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT. Nhưng do thời gian đã lâu nên Nguyễn Văn H2 không nhớ đã giao dịch mua bán hoá đơn GTGT với ai. Tiến hành thống kê

giá trị hàng hóa của 02 tờ hóa đơn GTGT nêu trên có tổng giá trị là 1.455.500.000 đồng.

Làm việc với ông Lường Văn K, sinh năm 1980; thường trú: Số A TA13 phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là giám đốc Công ty TNHH D7, xác định: Vào năm 2020 trong quá trình sản xuất, ông K có nhờ một số người môi giới tìm mua máy móc và nguyên liệu phục vụ sản xuất cho Công ty, thời điểm này ông được môi giới giới thiệu mua máy móc và nguyên liệu, sau đó người bán đã giao cho ông 02 hóa đơn GTGT nêu trên. Hiện ông K không nhớ ai đã môi giới mua cho ông K số hàng hóa nêu trên. Riêng 02 hóa đơn GTGT thì ông Lường Văn K đã nộp cho C2 quam Cảnh sát điều tra Công an thành phố D.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định Nguyễn Văn H2 đã hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT là 43.665.000 đồng, trong đó, chi trả cho bị cáo Ngô Văn V số tiền 26.199.000 đồng, hưởng lợi số tiền 17.466.000 đồng.

f6. Công ty TNHH K3, M12; địa chỉ: Khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Nguyễn Văn H2 đã bán cho bị cáo Phạm Thị H3 tổng cộng 11 tờ hoá đơn GTGT với tiền phí là 3,8% trên tổng giá trị hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT để H3 hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào cho Công ty TNHH K3. Tiến hành thống kê giá trị của các hóa đơn GTGT nêu trên có tổng giá trị hàng hoá là 3.125.375.194 đồng. Công ty TNHH K3 đã giao nộp lại toàn bộ số hoá đơn GTGT nêu trên.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ tổng cộng 13 tờ hoá đơn GTGT có liên quan đến Công ty TNHH K3. Tuy nhiên, làm việc với Phạm Thị H3 thì H3 xác nhận chỉ mua của H2 tổng cộng 11 tờ hoá đơn GTGT. Làm việc với Nguyễn Văn H2 xác định H2 chỉ bán cho bị can Phạm Thị H3 tổng cộng 11 tờ hoá đơn GTGT, đối với 02 tờ hóa đơn GTGT không tìm thấy là do trong quá trình mua bán hóa đơn thì các hóa đơn trên bị sai nên Công ty đã hoàn trả lại.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Nguyễn Văn H2 đã thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn GTGT số tiền là 118.764.257 đồng, trong đó, chi trả cho bị cáo Ngô Văn V số tiền 56.256.753 đồng, hưởng lợi số tiền là 62.507.504 đồng.

f7. Công ty TNHH T5 - DV - XNK Lợi Hiệp, MST 3700945644; địa chỉ: Số H tổ C, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định Nguyễn Văn H2 đã bán cho Công ty TNHH T5 - DV - X2 tổng cộng 22 tờ hoá đơn GTGT với tiền phí là 3,2% trên tổng giá trị hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT. Tiến hành thống kê giá trị hàng hoá của 22 tờ hóa đơn GTGT nêu trên có tổng giá trị là 4.779.826.300 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã tiến hành xác minh tại địa chỉ số S tổ C, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương

xác định không có Công ty TNHH T5 - DV - XNK Lợi Hiệp hoạt động kinh doanh sản xuất, hoặc treo biển hiệu tại địa chỉ trên.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Nguyễn Văn H2 đã hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH T5 - DV - X2 là 152.954.442 đồng, trong đó chi trả cho bị cáo Ngô Văn V số tiền 86.036.873 đồng, hưởng lợi số tiền 66.917.568 đồng.

f8. Công ty TNHH MTV S5, M13; địa chỉ: Số H tổ C, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định Nguyễn Văn H2 đã bán cho Công ty TNHH T5 - DV Thiên Vũ tổng cộng 09 tờ hoá đơn GTGT với tiền phí là 3% trên tổng giá trị hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT. Tiến hành thống kê giá trị hàng hoá của 09 tờ hóa đơn GTGT nêu trên có tổng giá trị là 1.617.181.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã tiến hành xác minh tại địa chỉ số S tổ C, khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, xác định không có Công ty TNHH T5 - DV Thiên Vũ hoạt động kinh doanh sản xuất, hoặc treo biển hiệu tại địa chỉ trên.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định bị cáo Nguyễn Văn H2 đã hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH MTV T5 - DV Thiên Vũ là 48.515.430 đồng, trong đó, chi trả cho bị cáo Ngô Văn V số tiền 29.109.258 đồng, hưởng lợi số tiền là 19.406.172 đồng.

f9. Công ty TNHH I, M14; địa chỉ: Số C tổ F khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định bị cáo Nguyễn Văn H2 đã bán cho Công ty TNHH I tổng cộng 13 tờ hoá đơn GTGT. Tuy nhiên, sau khi đặt mua hoá đơn GTGT từ Hiệu thì Công ty không nhận hoá đơn GTGT và đã huỷ. Tiến hành làm việc với Nguyễn Văn H2 thì H2 thừa nhận nội dung này. Trong trường hợp này không thể chứng minh số tiền thu lợi bất chính của Nguyễn Văn H2.

f10. Công ty TNHH MTV N4, M15; địa chỉ: Số C đường N, khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Thông qua mối quan hệ xã hội, bà Phó Thín V2, sinh năm 1989; thường trú: Số C đường N, khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương đã liên hệ với Nguyễn Văn H2 để mua tổng cộng 52 tờ hoá đơn GTGT với tiền phí là 6,5% trên tổng giá trị tiền hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT nhằm mục đích hợp thức giá trị hàng hoá đầu vào cho Công ty TNHH MTV N4 do bà V2 làm chủ. Tiến hành thống kê giá trị của 52 tờ hoá đơn GTGT nêu trên có tổng giá trị hàng hoá là 13.741.826.609 đồng. Hiện Công ty đã giao nộp lại toàn bộ số hoá đơn GTGT nêu trên.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ tổng cộng 55 tờ hoá đơn GTGT có liên quan đến Công ty TNHH MTV N4. Tuy nhiên, làm việc với Công ty TNHH MTV N4 thì Công ty

khẳng định chỉ có mua của Nguyễn Văn H2 là 52 tờ hoá đơn GTGT. Làm việc với Nguyễn Văn H2 xác định H2 chỉ bán cho Công ty TNHH MTV N4 tổng cộng 52 tờ hoá đơn GTGT, đối với 03 tờ hóa đơn GTGT không tìm thấy là do trong quá trình mua bán hóa đơn thì các hóa đơn trên bị sai nên Công ty đã hoàn trả lại.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Nguyễn Văn H2 đã hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH MTV N4 là 893.218.729 đồng, trong đó, chi trả cho bị cáo Ngô Văn V số tiền là 247.352.879 đồng, hưởng lợi số tiền 645.865.851 đồng.

f11. Công ty TNHH N5, MST 3702668837; địa chỉ: Số F đường T, tổ E, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Nguyễn Văn H2 đã bán cho bị cáo Nguyễn Thị H4 tổng cộng 14 tờ hoá đơn GTGT với tiền phí là 3,8% trên tổng giá trị hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT để bị cáo H4 bán cho Công ty TNHH N5. Tiến hành thống kê giá trị của các hóa đơn GTGT nêu trên có tổng giá trị hàng hoá là 1.076.916.500 đồng. Công ty đã giao nộp lại toàn bộ số hoá đơn GTGT nêu trên.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Nguyễn Văn H2 đã hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho bị cáo Nguyễn Thị H4 để H4 bán cho Công ty TNHH N5 là 40.922.827 đồng, trong đó, chi trả cho bị cáo Ngô Văn V số tiền 19.384.497 đồng, hưởng lợi số tiền 21.538.330 đồng.

f12. Công ty TNHH I1, MST 3702711514; địa chỉ: Thửa đất số 585, tờ bản đồ số 12 (số nhà I) khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định Nguyễn Văn H2 đã bán cho Công ty TNHH I1 tổng cộng 10 tờ hoá đơn GTGT với tiền phí là 3% trên tổng giá trị hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT. Tiến hành thống kê giá trị hàng hoá của 10 tờ hóa đơn GTGT nêu trên có tổng giá trị là 7.063.519.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã tiến hành xác minh tại địa chỉ thửa đất số 585, tờ bản đồ số 12 (số nhà I) khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định không có Công ty TNHH I1 hoạt động kinh doanh sản xuất, hoặc treo biển hiệu tại địa chỉ trên.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Nguyễn Văn H2 đã hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH I1 số tiền 211.905.570 đồng, trong đó, chi trả cho bị cáo Ngô Văn V số tiền 127.143.342 đồng, hưởng lợi số tiền 84.762.228 đồng.

f13. Công ty TNHH T5, MST 3702760631; địa chỉ: Thửa đất 983 tờ bản đồ 38, khu phố L, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Nguyễn Văn H2 đã bán cho bị cáo Phạm Thị H3 tổng cộng 05 tờ hoá đơn

GTGT với tiền phí là 3,8% trên tổng giá trị hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT để bị cáo Nguyễn Thị H4 hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào cho Công ty TNHH T5. Tiến hành thống kê giá trị của các hóa đơn GTGT nêu trên có tổng giá trị hàng hoá là 2.073.237.760 đồng. Công ty TNHH T5 đã giao nộp lại toàn bộ số hoá đơn GTGT nêu trên.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thu giữ tổng cộng 13 tờ hoá đơn GTGT có liên quan đến Công ty TNHH T5. Tiến hành làm việc với bị cáo Nguyễn Thị H4 xác định H4 có đặt mua của Nguyễn Vn H5 tổng cộng là 13 tờ hoá đơn GTGT cho Công ty TNHH T5, tuy nhiên, bị cáo H4 chỉ sử dụng có 05 tờ hoá đơn GTGT, còn lại 08 hoá đơn GTGT không sử dụng và đã huỷ bỏ. Làm việc với Nguyễn Văn H2 thì H2 thừa nhận sự việc nêu trên là đúng.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định bị cáo Nguyễn Văn H2 đã hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH T5 số tiền 78.783.035 đồng. trong đó, trả cho bị cáo Ngô Văn V số tiền 37.318.280 đồng, hưởng lợi số tiền 41.464.755 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định: Từ năm 2017 đến 2020, bị cáo Nguyễn Văn H đã bán hóa đơn giá trị gia tăng cho tổng cộng 13 công ty. Nguyễn Văn H đã hưởng lợi từ việc bán hoá đơn GTGT là 3.265.562.394 đồng, trong đó bản thân H hưởng lợi số tiền 1.969.630.837 và trả cho bị cáo Ngô Văn V số tiền 1.295.931.557 đồng.

g. Bị cáo Nguyễn Thị Thu K:

Bản thân bị cáo Nguyễn Thị Thu K làm nghề kế toán lâu năm nên có nhiều mối quan hệ quen biết với kế toán của nhiều Công ty, doanh nghiệp trên địa bàn. Đồng thời, K cũng nhận làm kế toán cho nhiều công ty, doanh nghiệp cùng một lúc.

Thông qua mối quan hệ xã hội, bị cáo Nguyễn Thị Thu K và bị cáo Ngô Văn V là bạn bè quen biết nhau. Sau khi nghe, V nói rằng có bán hoá đơn GTGT thì K đồng ý tham gia làm chung với vai trò là tìm kiếm những tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua hoá đơn GTGT. Sau đó, K sẽ chuyển thông tin của khách hàng cho bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N để Như tổng hợp, sử dụng những Công ty do V lập ra để xuất hoá đơn GTGT cho khách hàng. Tiền phí bán hoá đơn GTGT cho khách hàng thì V sẽ tính từ 1% trên tổng giá trị hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT. Khách hàng sẽ thanh toán tiền mua hoá đơn GTGT thông qua hình thức chuyển khoản đến số tài khoản Ngân hàng của những công ty mà bị cáo N xuất hoá đơn GTGT.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định: Thông qua Nguyễn Thị Thu K thì Ngô Văn V đã bán hoá đơn cho tổng cộng 16 Công ty. Trong đó, K mua cho 05 Công ty mà bị cáo trực tiếp làm kế toán và mua dùm cho 11 Công ty mà Kiều quen với nhân viên kế toán, cụ thể như sau:

g1. Công ty cổ phần B1, MST 3700687979; địa chỉ: Số B khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định bà Đinh Thị S, sinh năm 1985; thường trú: Số B khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương là kế toán của Công ty cổ phần B1 đã nhờ bị cáo Nguyễn Thị Thu K đã mua tổng cộng 158 tờ hóa đơn GTGT cho Công ty để hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào. Tiến hành thống kê giá trị hàng hóa trên các hóa đơn là 3.681.853.090 đồng.

Căn cứ vào kết quả điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định số tiền bị cáo Ngô Văn V hưởng lợi từ việc bán hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty cổ phần B1 thông qua bị cáo Nguyễn Thị Thu K là 36.818.531 đồng, trong đó bị cáo Kiều hưởng lợi số tiền 3.681.853 đồng, V hưởng lợi số tiền 33.136.677 đồng.

g2. Công ty TNHH V4, MST: 0306021543; địa chỉ: Số B T, khu phố A, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định ông Võ Thanh N1, sinh năm 1978; thường trú: Số B khu phố B, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh là giám đốc của Công ty TNHH V4 đã nhờ bị cáo Nguyễn Thị Thu K đã mua tổng cộng 157 tờ hóa đơn GTGT cho Công ty để hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào. Tiến hành thống kê giá trị hàng hóa trên các hóa đơn là 11.805.018.788 đồng.

Căn cứ vào kết quả điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định số tiền bị cáo Ngô Văn V hưởng lợi từ việc bán hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty TNHH V4 thông qua bị cáo Nguyễn Thị Thu K là 118.050.188 đồng, trong đó bị cáo Kiều hưởng lợi số tiền 11.805.018 đồng, bị cáo V hưởng lợi số tiền 106.245.170 đồng.

g3. Công ty TNHH T6, MST 0314868781; địa chỉ: Số F đường Q, khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định bị cáo Nguyễn Thị Thu K là kế toán của Công ty TNHH T6 và K đã mua tổng cộng 161 tờ hoá đơn GTGT để hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào cho Công ty. Tiến hành thống kê giá trị của các hóa đơn GTGT trên có tổng giá trị hàng hoá là 3.102.280.560 đồng.

Làm việc với bà Dư Lệ B, sinh năm 1976; thường trú: Số B M, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh là giám đốc Công ty TNHH T6 xác định Nguyễn Thị Thu K là kế toán của Công ty và xác nhận sự việc trên là đúng.

Căn cứ vào kết quả điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định số tiền bị cáo Ngô Văn V hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH T6 thông qua bị cáo Nguyễn Thị Thu K là 31.022.806 đồng, tró đó bị cáo Kiều hưởng lợi số tiền 3.102.280 đồng, bị cáo V hưởng lợi số tiền 27.920.526 đồng.

g4. Công ty TNHH MTV D4, MST 0313977227; địa chỉ: Số H đường số F, khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Nguyễn Thị Thu K là kế toán của Công ty TNHH MTV

D4 và K đã mua tổng cộng 24 tờ hoá đơn GTGT để hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào cho Công ty. Tiến hành thống kê giá trị của các hóa đơn GTGT trên có tổng giá trị hàng hoá là 403.777.500 đồng.

Làm việc với bà Dư Lệ B, sinh năm 1976; thường trú: Số B M, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh là giám đốc Công ty TNHH MTV D4 xác định Nguyễn Thị Thu K là kế toán của công ty và xác nhận sự việc trên là đúng.

Căn cứ vào kết quả điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định số tiền bị cáo Ngô Văn V hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH MTV D4 thông qua Nguyễn Thị Thu K là 4.037.775 đồng, trong đó bị cáo Kiều hưởng lợi số tiền 403.777 đồng, V hưởng lợi số tiền 3.633.997 đồng.

g5. Công ty TNHH D5, MST 0314213520; địa chỉ: Số C đường số H, khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định bị cáo Nguyễn Thị Thu K là kế toán của Công ty TNHH D5 và K đã mua tổng cộng 220 tờ hoá đơn GTGT để hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào cho Công ty. Tiến hành thống kê giá trị của các hóa đơn GTGT trên có tổng giá trị hàng hoá là 3.907.121.500 đồng.

Làm việc với ông Nguyễn Đình H1, sinh năm 1967; thường trú: Số B khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương là giám đốc Công ty TNHH D5 xác định bị cáo K là kế toán của Công ty và xác nhận sự việc trên là đúng.

Căn cứ vào kết quả điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định số tiền bị cáo Ngô Văn V hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH D5 thông qua bị cáo Nguyễn Thị Thu K là 39.071.215 đồng, trong đó bị cáo Kiều hưởng lợi số tiền 3.907.121 đồng, bị cáo V hưởng lợi số tiền 35.164.094 đồng.

g6. Công ty TNHH D6, MST 0314038212; địa chỉ: Số C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định ông Cao Văn C, sinh năm 1977; thường trú: Số 309/70/9 TMT2A Phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là giám đốc của Công ty TNHH D6 đã nhờ bị cáo Nguyễn Thị Thu K đã mua tổng cộng 134 tờ hóa đơn GTGT cho Công ty để hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào. Tiến hành thống kê giá trị hàng hóa trên các hóa đơn là 7.136.671.385 đồng.

Căn cứ vào kết quả điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định số tiền bị cáo Ngô Văn V hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH D6 thông qua bị cáo Nguyễn Thị Thu K là 71.366.714 đồng, trong đó bị cáo Kiều hưởng lợi số tiền 7.136.671 đồng, bị cáo V hưởng lợi số tiền 64.230.043 đồng.

g7. Công ty Cổ phần T7, MST: 0312844898; địa chỉ: Số E B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định bà Nguyễn Thủy T, sinh năm 1976; thường trú: Số E B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là kế toán của Công ty Cổ phần T7 đã nhờ bị cáo Nguyễn Thị Thu K đã mua tổng cộng 29 tờ hóa đơn GTGT cho Công ty để hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào. Tiến hành thống kê giá trị hàng hóa trên các hóa đơn là 344.100.910 đồng.

Căn cứ vào kết quả điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định số tiền bị cáo Ngô Văn V hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty Cổ phần T7 thông qua bị cáo Nguyễn Thị Thu K là 3.441.009 đồng, trong đó bị cáo Kiều hưởng lợi số tiền 344.100 đồng, bị cáo V hưởng lợi số tiền 3.096.909 đồng.

g8. Công ty cổ phần T8, MST 0401322822; địa chỉ: Số A, T, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định bị cáo Nguyễn Thị Thu K đã mua tổng cộng 65 tờ hóa đơn GTGT cho Công ty cổ phần T8 để hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào. Tiến hành thống kê giá trị hàng hóa trên các hóa đơn là 601.442.594 đồng đồng.

Căn cứ vào kết quả điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định số tiền bị cáo Ngô Văn V hưởng lợi từ việc bán hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty cổ phần T8 thông qua bị cáo Nguyễn Thị Thu K số tiền 6.014.426 đồng, trong đó bị cáo Kiều hưởng lợi số tiền 601.442 đồng, bị cáo V hưởng lợi số tiền 5.412.984 đồng.

g9. Công ty TNHH MTV V5, M2; địa chỉ: Số H, đường Đ, tổ I, khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định bị cáo Nguyễn Thị Thu K đã mua tổng cộng 22 tờ hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH MTV V5 để hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào. Tiến hành thống kê giá trị hàng hóa trên các hóa đơn là 9.805.840.000 đồng.

Căn cứ vào kết quả điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định số tiền bị cáo Ngô Văn V hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH MTV V5 thông qua bị cáo Nguyễn Thị Thu K là 98.058.400 đồng, trong đó bị cáo Kiều hưởng lợi số tiền 9.805.840 đồng, bị cáo V hưởng lợi số tiền 88.252.560 đồng.

g10. Công ty TNHH V6, M3; địa chỉ: Số G Quốc lộ A, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định bị cáo Nguyễn Thị Thu K là kế toán của Công ty TNHH V6 và K đã mua tổng cộng 94 tờ hoá đơn GTGT để hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào cho Công ty. Tiến hành thống kê giá trị của các hóa đơn GTGT trên có tổng giá trị hàng hoá là 30.145.411.206 đồng.

Làm việc với ông ông Nguyễn Đình H1, sinh năm 1967; thường trú: Số B khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương là giám đốc Công ty TNHH V6 xác định bị cáo Nguyễn Thị Thu K là kế toán của công ty và xác nhận sự việc trên là đúng.

Căn cứ vào kết quả điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định số tiền bị cáo Ngô Văn V hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH V6 thông qua bị cáo Nguyễn Thị Thu K là 301.454.112 đồng, trong đó bị cáo Kiều hưởng lợi số tiền 30.145.411 đồng, bị cáo V hưởng lợi số tiền 271.308.701 đồng.

g11. Công ty TNHH X1, M4; địa chỉ: Số A đường N, Khu dân cư H, khu phố D, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định ông Trần Văn H2, sinh năm 1973; thường trú: Căn hộ A chung cư V, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là Giám đốc Công ty TNHH X1 đã nhờ K đã mua tổng cộng 14 tờ hóa đơn GTGT cho Công ty để hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào. Tiến hành thống kê giá trị hàng hóa trên các hóa đơn là 14.947.942.040 đồng.

Căn cứ vào kết quả điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định số tiền bị cáo Ngô Văn V hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH X1 thông qua bị cáo Nguyễn Thị Thu K là 149.479.420 đồng, trong đó bị cáo Kiều hưởng lợi số tiền 14.947.942 đồng, bị cáo V hưởng lợi số tiền 134.531.478 đồng.

g12. Công ty TNHH T9, MST 3702530275; địa chỉ: Số nhà F, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định ông Phạm Hoàng K1, sinh năm: 1983; thường trú: Số F khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương là Giám đốc Công ty TNHH T9 đã nhờ bị cáo Nguyễn Thị Thu K đã mua tổng cộng 59 tờ hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH T9 để hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào. Tiến hành thống kê giá trị hàng hóa trên các hóa đơn là 4.810.754.152 đồng.

Căn cứ vào kết quả điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định số tiền bị cáo Ngô Văn V hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH T9 thông qua bị cáo Nguyễn Thị Thu K là 48.107.542 đồng, trong đó bị cáo Kiều hưởng lợi số tiền 4.810.754 đồng, bị cáo V hưởng lợi số tiền 43.926.788 đồng.

g13. Công ty TNHH T10, M5; địa chỉ: Khu D, đường N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định bị cáo Nguyễn Thị Thu K đã mua tổng cộng 141 tờ hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH T10. Tiến hành thống kê giá trị hàng hóa trên các hóa đơn là 1.958.736.100 đồng.

Căn cứ vào kết quả điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định số tiền bị cáo Ngô Văn V hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH T10 thông qua bị cáo Nguyễn Thị Thu K là 19.587.361 đồng, trong đó bị cáo Kiều hưởng lợi số tiền 1.958.736 đồng, bị cáo V hưởng lợi số tiền 17.629.225 đồng.

g14. Công ty TNHH T11, MST:0312385531; địa chỉ: Số A, tổ A, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định bị cáo Nguyễn Thị Thu K đã mua tổng cộng 10 tờ hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH T11. Tiến hành thống kê giá trị hàng hóa trên các hóa đơn là 1.018.036.358 đồng. Tuy nhiên, tiến hành xác minh tại địa chỉ A, tổ A, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, hiện không có Công ty TNHH T11 hoạt động kinh doanh.

Căn cứ vào kết quả điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định số tiền bị cáo Ngô Văn V hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH T11 thông qua bị cáo Nguyễn Thị Thu K là 10.180.364 đồng, trong đó bị cáo Kiều hưởng lợi số tiền 1.018.036 đồng, bị cáo V hưởng lợi số tiền 9.162.328 đồng.

g15. Công ty TNHH Đ3, M6; địa chỉ: Số B B, Phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định bị cáo Nguyễn Thị Thu K đã mua tổng cộng 24 tờ hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH Đ3. Tiến hành thống kê giá trị hàng hóa trên các hóa đơn là 315.275.000 đồng.

Căn cứ vào kết quả điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định số tiền bị cáo Ngô Văn V hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH Đ3 thông qua bị cáo Nguyễn Thị Thu K là 3.125.750 đồng, trong đó bị cáo Kiều hưởng lợi số tiền 312.575 đồng, bị cáo V hưởng lợi số tiền 2.813.175 đồng.

g16. Công ty TNHH V7, M7; địa chỉ: Số E P, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định bị cáo Nguyễn Thị Thu K đã mua tổng cộng 05 tờ hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH V7. Tổng giá trị hàng hóa của 05 tờ hoá đơn GTGT trên là 193.172.490 đồng. Tuy nhiên, tiến hành xác minh tại địa chỉ số E P, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh hiện không có Công ty TNHH V7 hoạt động kinh doanh.

Căn cứ vào kết quả điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định số tiền bị cáo Ngô Văn V hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH V7 thông qua bị cáo Nguyễn Thị Thu K là 1.931.725 đồng, trong đó bị cáo K thu lợi là 193.172 đồng, bị cáo V hưởng lợi số tiền 1.738.553 đồng.

Tổng số tiền hưởng lợi từ việc bán hoá đơn GTGT thông qua bị cáo Nguyễn Thị Thu K là 941.774.337 đồng, trong đó, bị cáo Ngô Văn V hưởng lợi số tiền 879.892.402 đồng, bị cáo Kiều hưởng lợi số tiền 94.177.434 đồng.

h. Bị cáo Vòng Xí L:

bị cáo Vòng Xí L là Chủ tịch kiêm giám đốc Công ty TNHH MTV Đ4, MST 3702255318, địa chỉ tại Thửa đất số 374, tờ bản đồ số 5, tổ C, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Trong quá trình hoạt động kinh doanh từ năm 2018 đến 2020, Công ty TNHH MTV Đ4 có thu mua một số hàng hóa là ngũ kim (đồng, sắt, nhôm, inok, titan) nhưng bên cung cấp

không xuất được hóa đơn giá trị gia tăng nên thông qua mối quan hệ xã hội thì bị cáo Vòng Xí L đã liên hệ trực tiếp với bị cáo Bùi Trí O để mua 129 tờ hóa đơn giá trị giá tăng (trong đó có 26 hóa đơn điện tử) có tổng giá trị hàng hóa là 10.500.333.674 đồng, tổng giá trị tiền thuế GTGT (10%) là 1.050.033.367 đồng để hợp thức hóa nguồn hàng hóa đầu vào cho Công ty TNHH MTV Đ4. Hiện tại, Vòng Xí L đã giao nộp 122 tờ hóa đơn GTGT, còn lại 07 tờ hóa đơn GTGT thì Vòng Xí Lình xác định không tìm thấy do đã bị thất lạc.

Mặc dù biết việc "Mua bán trái phép hoá đơn GTGT" là sai quy định của pháp luật nhưng bị cáo Vòng Xí L ngoài việc mua hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH Đ5 còn trực tiếp thoả thuận, giao dịch với bị cáo Bùi Trí O để mua hóa đơn GTGT cho 02 công ty khác, cụ thể như sau:

- Đối với Công ty TNHH G, MST 3702590362; địa chỉ tại Thửa đất số 1018, tờ bản đồ số 20, tổ D, ấp H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương do em ruột của V1 Xí Lình là bà Vòng Xí M, sinh năm 1995; thường trú: Phố F, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai làm giám đốc: Trong giai đoạn thời gian từ năm 2018 đến 2020, bị cáo L đã trực tiếp thoả thuận, giao dịch với bị cáo O để mua 100 hóa đơn GTGT (trong đó có 21 hóa đơn điện tử) có tổng giá trị hàng hóa là 17.380.324.833 đồng, tổng giá trị tiền thuế GTGT (10%) là 1.738.032.483 đồng để hợp thức hóa nguồn hàng hóa đầu vào cho Công ty TNHH G. Làm việc với bà Vòng Xí M, xác định có nội dung nêu trên và bà M đã giao nộp 100 tờ hóa đơn GTGT mà bị cáo L mua từ bị cáo O để phục vụ công tác điều tra.

- Đối với Công ty TNHH N3, MST 3702660002; địa chỉ tại Thửa đất số 1018, tờ bản đồ số 20, tổ D, ấp H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương do bạn của bị cáo Vòng Xí L là ông Trần Thành V2, sinh năm 1988; thường trú: Số B xóm G, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai làm giám đốc: Trong giai đoạn thời gian từ năm 2018 đến 2020, bị cáo L đã trực tiếp thoả thuận, giao dịch với bị cáo O để mua 71 tờ hóa đơn GTGT (trong đó có 07 hóa đơn điện tử) có giá trị hàng hóa là là 13.784.176.219 đồng, tổng giá trị tiền thuế GTGT (10%) là 1.378.417.621 đồng để hợp thức hóa nguồn hàng hóa đầu vào cho Công ty TNHH N3. Làm việc với ông Trần Thành V2 xác định có nội dung nêu trên và ông V2 đã giao nộp 71 tờ hóa đơn GTGT mà bị cáo L mua từ bị cáo O để phục vụ công tác điều tra.

- Mục đích bị cáo Vòng Xí L mua hoá đơn GTGT cho Công ty TNHH G và Công ty TNHH N3 là để hợp thức hóa giá trị hàng hoá đầu vào cho 02 Công ty trên bởi vì L khai nhận có góp vốn cổ phần. Tuy nhiên, trong suốt quá trình điều tra, L không cung cấp giấy tờ, tài liệu thể hiện có góp vốn. Tiến hành xác minh hồ sơ pháp nhân của 02 thành lập cho đến nay không có văn bản nào thể hiện Lình có góp vốn cổ phần đối với 02 Công ty nêu trên.

Trong trường hợp này, bị cáo Vòng Xí L biết việc mua hoá đơn GTGT là sai quy định của pháp luật nhưng vẫn mua giúp 171 hoá đơn GTGT từ bị cáo Bùi Trí O cho 02 Công ty. Mặc dù, bị cáo L không trực tiếp bán hoá đơn GTGT cho 02 Công ty nêu trên và không hưởng lợi nhưng việc bị cáo L mua

hoá đơn GTGT từ bị cáo Bùi Trí O cho 02 Công ty nêu trên là giúp sức cho bị cáo Bùi Trí O bán hoá đơn GTGT.

i. Bị cáo Phạm Thị H3 và L1 Sau Chắn:

Bản thân bị cáo Phạm Thị H3 và bị cáo L1 Sau Chắn là kế toán và thủ quỹ của Công ty TNHH K3 có địa chỉ trụ sở tại khu phố B, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2020, do Công ty TNHH K3 thiếu hoá đơn giá trị gia tăng hàng hoá đầu vào nên Công ty đã đồng ý cho bị cáo H3 tìm mua hoá đơn GTGT để hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào và bị cáo C3 có nhiệm vụ thanh toán tiền phí mua hoá đơn của bị cáo H3.

Thông qua mối quan hệ xã hội, bị cáo H3 đã liên hệ, thoả thuận với bị cáo Nguyễn Văn H để mua hoá đơn GTGT. Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2020, bị cáo H3 đã mua của bị cáo H tổng cộng là 11 tờ hoá đơn GTGT với tiền phí là 3,8% trên tổng giá trị tiền hàng hoá (chưa bao gồm thuế VAT 10%). Tuy nhiên, do muốn thu lợi bất chính từ việc mua hoá đơn GTGT cho Công ty nên bị cáo H3 và bị cáo C3 đã cùng nhau bàn bạc, thống nhất sẽ báo cáo cho Công ty tiền phí mua hoá đơn GTGT là 08% để hưởng chênh lệch 4,2% (mỗi người hưởng 2,1%). Làm việc với bị cáo Nguyễn Văn H thì H thừa nhận bán hoá đơn GTGT cho bị cáo H3 với tiền phí là 3,8%. Theo thống kê, tổng giá trị hàng hóa của 11 tờ hóa đơn GTGT mà bị cáo Phạm Thị H3 đã mua từ bị cáo H là 3.125.375.000 đồng. Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định số tiền mà bị cáo Phạm Thị H3 và bị cáo L1 Sau C3 hưởng lợi từ việc nâng giá trị tiền mua hóa đơn GTGT là 131.265.750 đồng, tương đương mỗi bị cáo hưởng lợi bất chính với số tiền là 65.632.875 đồng.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Phạm Thị H3 còn mua hóa đơn GTGT từ bị cáo Nguyễn Văn H và bán cho các Công ty, cá nhân khác, cụ thể như sau:

i1. Công ty TNHH X2, MST: 0305197657; địa chỉ: Số B đường S, khu đô thị A, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Hưởng lợi số tiền là 7.944.110 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Trong khoảng thời gian năm từ năm 2019 đến 2020, ông Ngô Bá X, sinh năm 1980; thường trú: Thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nhận thi công công trình xây dựng cho Công ty TNHH X2. Tuy nhiên, ông Ngô Bá X không có chức năng xuất hóa đơn GTGT để làm thủ tục thanh toán tiền từ Công ty TNHH X2 nên ông Ngô Bá X và vợ là bà Lê Thị H4, sinh năm 1987; thường trú: Thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa đã liên hệ với một phụ nữ tên Đ (không rõ nhân thân lai lịch). Sau đó Đ đã liên hệ bị cáo Phạm Thị H3 để mua các hóa đơn GTGT với tiền phí là 05% trên tổng giá trị hàng hoá trên hóa đơn GTGT. Lúc này, bị cáo H3 tiếp tục liên hệ bị cáo Nguyễn Văn H để mua hoá đơn GTGT với tiền phí là 3,8% trên tổng giá trị hàng hoá trên hóa đơn GTGT. Tổng số hoá đơn GTGT mà bị cáo H3 đã mua từ bị cáo H để cung cấp cho người phụ nữ tên Đ là 33 tờ hoá đơn GTGT có tổng giá trị hàng hoá là 467.300.587 đồng.

Làm việc với bị cáo Nguyễn Văn H thì H thừa nhận nội dung trên là đúng. Công ty TNHH X2 đã giao nộp 33 tờ hoá đơn GTGT nêu trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D để phục vụ công tác điều tra.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Phạm Thị H3 hưởng chênh lệch là 1,2% và số tiền mà bị cáo H3 hưởng lợi từ việc mua bán hóa đơn GTGT là 7.944.110 đồng.

i2. Công ty TNHH N4, MST 3702668837; địa chỉ: Số F đường T, tổ E, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Hưởng lợi số tiền là 12.922.998 đồng.

Quá trình điều tra xác định, thông qua mối quan hệ xã hội thì ông Nguyễn Đức H5, sinh năm 1980; thường trú: Số C KDC H, Hồ N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là giám đốc Công ty TNHH N4, MST: 3702668837; địa chỉ: Số F đường T, tổ E, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương quen biết với bị cáo Phạm Thị H3. Do thiếu giá trị hàng hoá đầu vào nên ông Nguyễn Đức H5 đã nhờ bị cáo H3 mua dùm hoá đơn GTGT cho Công ty của mình. Sau khi thoả thuận, bị cáo H3 đồng ý mua dùm hoá đơn GTGT cho ông Nguyễn Đức H5 với tiền phí là 5,5% trên tổng giá trị hàng hoá trên hóa đơn GTGT. Lúc này, bị cáo H3 tiếp tục liên hệ bị cáo Nguyễn Văn H để mua hoá đơn GTGT với tiền phí là 3,8% trên tổng giá trị hàng hoá trên hóa đơn GTGT. Bị cáo H3 đã mua từ bị cáo H để đưa cho ông Nguyễn Đức H5 tổng cộng là 14 tờ hoá đơn GTGT với tổng giá trị hàng hoá là 1.076.916.500 đồng. Làm việc với bị cáo Nguyễn Văn H thì H thừa nhận nội dung trên là đúng. Công ty TNHH N4 đã giao nộp 14 tờ hoá đơn GTGT nêu trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D để phục vụ công tác điều tra.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Phạm Thị H3 hưởng chênh lệch là 1,7% và số tiền mà bị cáo Phạm Thị H3 hưởng lợi từ việc mua bán hóa đơn GTGT với số tiền là 12.922.998 đồng.

i3. Công ty TNHH T12, MST 3702760631; địa chỉ: Thửa đất số 983, tờ bản đồ số 38, khu phố L, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Hưởng lợi số tiền là 24.878.853 đồng.

Quá trình điều tra xác định, bị cáo Phạm Thị H3 là kế toán dịch vụ của Công ty TNHH T12. Trong quá trình hoạt động kinh doanh thì Công ty TNHH T12 thiếu giá trị hàng hoá đầu vào nên Công ty đã nhờ bị cáo H3 mua hoá đơn GTGT để hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào thì bị cáo H3 đồng ý mua dùm hoá đơn GTGT cho Công ty với tiền phí là 05% trên tổng giá trị hàng hoá trên hóa đơn GTGT. Lúc này, bị cáo H3 tiếp tục liên hệ bị cáo Nguyễn Văn H để mua hoá đơn GTGT với tiền phí là 3,8% trên tổng giá trị hàng hoá trên hóa đơn GTGT. Bị cáo đã mua từ bị cáo H tổng cộng là 13 tờ hoá đơn GTGT với tổng giá trị hàng hoá là 6.253.902.260 đồng. Tuy nhiên, bị cáo H3 chỉ sử dụng tổng cộng là 05 tờ hoá đơn GTGT và thanh toán tiền phí mua số hoá đơn này, còn lại 08 tờ hoá đơn GTGT do sai nên bị cáo H3 không sử dụng, đã huỷ bỏ và không thanh toán tiền phí số hoá đơn

này. Làm việc với bị cáo Nguyễn Văn H thì H thừa nhận nội dung trên là đúng.

Công ty TNHH T12 đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D 05 tờ hoá đơn GTGT có tổng giá trị hàng hoá là 2.073.237.760 đồng. Còn lại 08 hóa đơn GTGT có tổng giá trị hàng hoá là 4.180.664.500 đồng thì Công ty xác định không có.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định bị cáo Phạm Thị H3 hưởng chênh lệch là 1,2% và số tiền mà Phạm Thị H3 hưởng lợi từ việc mua bán hóa đơn GTGT là 24.878.853 đồng.

j. Bị cáo Trần Thị Ngọc D:

Bị cáo Trần Thị Ngọc D là Giám đốc của Công ty TNHH C4 (gọi tắt là Gara Hồng K2). Trong quá trình hoạt động kinh doanh sửa xe ô tô các loại thì bị cáo D quen biết với bị cáo Ngô Gia C1. Lúc này bị cáo Chính giới T1 có bán hoá đơn GTGT thì bị cáo D đồng ý mua hoá đơn GTGT từ bị cáo C1 để hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào của Công ty TNHH C4, tiền phí mua hoá đơn GTGT là 04% trên tổng giá trị tiền hàng của mỗi tờ hoá đơn GTGT. Từ năm 2018 cho đến hết năm 2020, bị có D đã mua tổng cộng 129 tờ hoá đơn GTGT từ bị cáo C1 để hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào của Công ty TNHH C4. Mặc dù biết việc "Mua bán trái phép hoá đơn GTGT" là vi phạm quy định của pháp luật nhưng bị cáo D còn mua dùm hoá đơn GTGT từ bị cáo Ngô Gia C1 cho một số người quen nhưng không thu lợi bất chính (tiền phí mua hoá đơn GTGT là 04% trên tổng giá trị tiền hàng của mỗi tờ hoá đơn GTGT, cụ thể sau:

- Mua tổng cộng 20 tờ hoá đơn GTGT dùm cho Doanh nghiệp tư nhân T13 - D7 để Doanh nghiệp tư nhân TM - D7 hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào. Số hoá đơn trên Doanh nghiệp tư nhân T13 - DV Khắc Phú Đ1 đã giao nộp lại.

- Mua tổng cộng 02 tờ hoá đơn GTGT dùm cho Doanh nghiệp tư nhân S1 - T14 để Doanh nghiệp tư nhân SX - T14 hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào. Số hoá đơn trên Doanh nghiệp tư nhân S1 - T14 đã giao nộp lại.

- Mua tổng cộng 02 tờ hoá đơn GTGT dùm cho Công ty TNHH V8 của bị cáo Trang Trung H6 để bị cáo Hòa hợp thức H7 giá trị hàng hoá đầu vào.

Ngoài ra, khoảng tháng 5/2019 đến tháng 9/2019, thông qua bị cáo Trang Trung H6 thì bị cáo Trần Thị Ngọc D còn mua dùm cho Công ty TNHH MTV D8, địa chỉ: Khu phố B, phường P, thành phố B, Bình Dương tổng cộng 13 tờ hoá đơn GTGT để Công ty TNHH MTV D8 hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào. Trong trường hợp này, bị cáo Trần Thị Ngọc D đã bán hoá đơn GTGT cho Công ty TNHH MTV D8 với giá là 5% trên tổng giá trị tiền hàng của mỗi tờ hoá đơn GTGT, hưởng chệnh lệch 1%. Tiến hành thống kê giá trị của 13 tờ hoá đơn GTGT trên có tổng giá trị là 225.500.000 đồng.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, xác định bị cáo Trần Thị Ngọc D hưởng lợi từ việc mua bán

hóa đơn GTGT với số tiền là 11.275.000 đồng. Trong đó, chi trả cho bị cáo Ngô Gia C1 số tiền là 9.020.000 đồng, hưởng lợi số tiền 2.255.000 đồng.

k. Bị cáo Trang Trung H6:

Bị cáo Trang Trung H6 là Giám đốc Công ty TNHH V8, địa chỉ trụ sở: Số G, đường S, khu phố C, phường M, thành phố B, Bình Dương và là khách hàng sửa chữa xe ô tô tại gara Hồng Kim do bị cáo Trần Thị Ngọc D làm chủ. Tháng 8/2019, do Công ty thiếu giá trị hàng hoá đầu vào nên bị cáo H6 đã liên hệ nhờ bị cáo D để mua 02 tờ hoá đơn GTGT để hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào với tiền phí là 04% trên tổng giá trị hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT.

Thông qua hoạt động kinh doanh, bị cáo H6 quen biết với bà Nguyễn Thị Thanh T2 là Giám đốc của Công ty TNHH MTV D8, địa chỉ: Khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Từ tháng 5/2019 đến tháng 9/2019, do Công ty của bà Nguyễn Thị Thanh T2 thiếu giá trị hàng hoá đầu vào nên bà T2 đã nhờ bị cáo H6 kiếm chỗ mua dùm hoá đơn GTGT để hợp thức hoá giá trị hàng hoá đầu vào. Lúc này, biết bị cáo Trần Thị Ngọc D có thể mua hoá đơn GTGT nên bị cáo H6 đã liên hệ bị cáo D để mua tổng cộng 13 tờ hoá đơn GTGT cho Công ty TNHH MTV D8 của bà Nguyễn Thị Thanh T2. Tiền phí mua hoá đơn GTGT mà bị cáo H6 trả cho bị cáo D là 05% trên tổng giá trị tiền hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT. Bà Nguyễn Thị Thanh T2 cũng trả cho ông T3 Trung Hoà tiền phí mua hoá đơn GTGT là 05% trên tổng giá trị tiền hàng hoá của mỗi tờ hoá đơn GTGT. Khi xuất hoá đơn GTGT sẽ thanh toán bằng tiền mặt. Làm việc với bà Nguyễn Thị Thanh T2 thì bà T2 cũng thừa nhận sự việc như trên.

* Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã có văn bản gửi Chi cục thuế thành phố D về việc phối hợp xử lý hành vi vi phạm về thuế đối với những Công ty, doanh nghiệp "Mua bán trái phép hoá đơn GTGT" hoạt động kinh doanh trên địa bàn thành phố D. Tất cả các trường hợp đều được Chi cục thuế thành phố D tiến hành xử phạt vi phạm hành chính.

* Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ban hành văn bản gửi đến cơ quan thuế các địa phương đề nghị phối hợp xác minh, xử lý các Công ty, Doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến việc mua, sử dụng những hoá đơn GTGT mà bị cáo Ngô Văn V cùng đồng phạm đã bán. Trong trường hợp phát hiện các Công ty, Doanh nghiệp, cá nhân này có hành vi "Trốn thuế" thì cơ quan thuế sẽ đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra xử lý về hành vi "Trốn thuế". Đến nay, đã nhận kết quả phản hồi từ Cơ quan thuế các địa phương xác định hành vi mua, sử dụng những hoá đơn GTGT mà bị cáo Ngô Văn V cùng đồng bọn đã bán của các Công ty, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính và hầu hết các Công ty, doanh nghiệp, cá nhân đã tự điều chỉnh, kê khai bổ sung, loại bỏ các hóa đơn bất hợp pháp và khắc phục nộp tiền thuế phát sinh vào Ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:

- Cục thuế tỉnh B thông báo về việc Công ty Cổ phần D9 đã tự kê khai điều chỉnh, bổ sung thuế GTGT và thuế TNDN, loại bỏ các hóa đơn bất hợp

pháp, đồng thời nộp bổ sung vào ngân sách Nhà nước số tiền thuế phát sinh tăng thêm là 67.000.000 đồng ngày 19/03/2021, tiền phạt chậm nộp 562.800 đồng ngày 19/03/2021.

- Cục thuế tỉnh B đã thông báo về việc Công ty TNHH A đã tự kê khai điều chỉnh, bổ sung thuế GTGT và thuế TNDN, loại bỏ các hóa đơn bất hợp pháp, đồng thời nộp bổ sung số thuế phát sinh và tiến phạt chậm nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Cục thuế tỉnh B thông báo về việc lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế, hóa đơn và ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH Y theo Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế, hóa đơn.

- Cục thuế tỉnh B thông báo về việc ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH K3 số tiền là 419.524.510 đồng về hành vi sử dụng không hợp pháp hoá đơn để hạch toán chi phí và kê khai khấu trừ, hoàn thuế GTGT các hoá đơn HHDV mua vào.

- Cục thuế tỉnh B thông báo về việc ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH I số tiền là 36.512.661 đồng về hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp.

- Chi cục thuế thành phố D, tỉnh Bình Dương thông báo về việc ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH S2 số tiền là 6.767.453.065 đồng và phạt 01 lần thuế số tiền là 6.767.453.065 đồng.

- Chi cục thuế thành phố D, tỉnh Bình Dương thông báo về việc ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH G1 số tiền là 30.705.593 đồng về hành vi khai sai làm giảm số tiền thuế phải nộp.

- Chi cục thuế thành phố D, tỉnh Bình Dương thông báo về việc ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH T15 số tiền là 10.496.970 đồng về hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp.

- Chi cục thuế thành phố D, tỉnh Bình Dương thông báo về việc ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với D10 số tiền là 72.847.998 đồng về hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp.

- Chi cục thuế thành phố D, tỉnh Bình Dương thông báo về việc Công ty TNHH S2-DV9 đã tự điều chỉnh giảm thuế GTGT khấu trừ, giảm chi phí trên tờ khai quyết toán thuế TNDN, loại bỏ các hoá đơn không hợp pháp.

- Chi cục thuế thành phố D, tỉnh Bình Dương thông báo về việc ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH V10 số tiền là 29.252.734 đồng về hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp.

- Chi cục thuế thành phố D, tỉnh Bình Dương thông báo về việc ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH T15 số

tiền là 10.496.970 đồng về hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp.

- Chi cục thuế thành phố D, tỉnh Bình Dương thông báo về việc Công ty TNHH Đ6 đã tự giác nộp đủ số tiền là 317.293.646 đồng về hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp.

- Chi cục thuế huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh thông báo về việc Công ty TNHH Đ7 đã tự kê khai điều chỉnh, bổ sung thuế GTGT và thuế TNDN, loại bỏ các hóa đơn bất hợp pháp, đồng thời nộp bổ sung tiền thuế phát sinh vào ngân sách nhà nước và tiền phạt nộp chậm vào ngày 25/06/2021 với tổng giá trị là 65.368.400 đồng.

- Chi cục thuế huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh thông báo về việc Công ty TNHH T16 đã tự kê khai điều chỉnh, bổ sung thuế GTGT và thuế TNDN, loại bỏ các hóa đơn bất hợp pháp, đồng thời nộp bổ sung thuế phát sinh vào ngân sách nhà nước là 1.350.000 đồng.

- Chi cục thuế quận T, Thành Phố H về việc Công ty TNHH K4 đã tự kê khai điều chỉnh, bổ sung thuế GTGT và thuế TNDN, loại bỏ các hóa đơn bất hợp pháp, đồng thời nộp đầy đủ thuế phát sinh, tiền phạt nộp chậm vào ngân sách nhà nước ngày 20/05/2021 với tổng số tiền là 1.065.712.868 đồng.

- Chi cục thuế thành phố B, tỉnh Bình Dương thông báo về việc lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế, hóa đơn và ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH M8 theo Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế, hóa đơn.

- Chi cục thuế thành phố B, tỉnh Bình Dương xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH T17, hiện Chi cục thuế thành phố B, tỉnh Bình Dương đã thông báo về việc đã lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế, hóa đơn và ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH T17 theo Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế, hóa đơn.

- Cục thuế tỉnh B thông báo về việc Công ty TNHH K5 đã tự kê khai điều chỉnh, bổ sung thuế GTGT và thuế TNDN, loại bỏ các hóa đơn bất hợp pháp, đồng thời nộp bổ sung tiền thuế phát sinh vào ngân sách nhà nước là 45.078.478 đồng ngày 20/05/2021, tiền phạt chậm nộp là 15.186.939 đồng vào ngày 20/05/2021.

- Chi cục thuế huyện B, tỉnh Bình Dương thông báo về việc lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế, hóa đơn và ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH S3 theo Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế, hóa đơn.

- Chi cục thuế quận G, Thành phố Hồ Chí Minh thông báo về việc lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế, hóa đơn và ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với công ty Cổ Phần T18 theo Nghị

định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế, hóa đơn.

- Chi cục thuế quận G, Thành phố Hồ Chí Minh thông báo về việc Công ty TNHH T19 đã tự kê khai điều chỉnh, bổ sung thuế GTGT và thuế TNDN, loại bỏ các hóa đơn bất hợp pháp.

- Chi cục thuế thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh thông báo về việc lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế, hóa đơn và ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH T20 theo Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế, hóa đơn.

- Chi cục thuế Q1, Thành phố Hồ Chí Minh thông báo về việc Công ty TNHH M9 đã tự kê khai điều chỉnh, bổ sung thuế GTGT và thuế TNDN, loại bỏ các hóa đơn bất hợp pháp, đồng thời nộp bổ sung tiền thuế phát sinh vào ngân sách nhà nước ngày 10/11/2021 với tổng số tiền là 81.080.012 đồng.

- Chi cục thuế huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thông báo về việc Công ty TNHH W đã tự kê khai điều chỉnh, bổ sung thuế GTGT và thuế TNDN, loại bỏ các hóa đơn bất hợp pháp, đồng thời nộp bổ sung thuế phát sinh vào ngân sách nhà nước ngày 18/03/2021 và ngày 04/10/2021 với tổng số tiền là 6.521.400 đồng, tiền phạt chậm nộp là 1.867.931 đồng ngày 03/11/2021.

- Chi cục thuế quận G, Thành phố H về việc Công ty TNHH Q2 đã tự kê khai điều chỉnh, bổ sung thuế GTGT và thuế TNDN, loại bỏ các hóa đơn bất hợp pháp, đồng thời nộp bổ sung số tiền thuế phát sinh và tiền phạt chậm nộp vào ngân sách nhà nước ngày 30/09/2021 và ngày 18/10/2021 với tổng số tiền là 145.431.602 đồng.

- Chi cục thuế khu vực Quận A - H, Thành phố Hồ Chí Minh thông báo về việc Công ty TNHH T21 đã tự kê khai điều chỉnh, bổ sung thuế GTGT và thuế TNDN, loại bỏ các hóa đơn bất hợp pháp.

- Chi cục thuế quận H, Thành phố Hà Nội thông báo về việc Công ty TNHH C5 đã tự kê khai điều chỉnh, bổ sung thuế GTGT và thuế TNDN, loại bỏ hóa đơn bất hợp pháp, đồng thời nộp bổ sung tiền thuế phát sinh vào ngân sách nhà nước và tiền phạt nộp chậm vào ngày 10/11/2021 với tổng giá trị là 2.350.000 đồng.

- Chi cục thuế quận N, thành phố Cần Thơ xác định hành vi vi phạm của Công ty TNHH MTV S4 về việc lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế, hóa đơn và ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế, hóa đơn đối với Công ty TNHH MTV S4 Kĩ thuật Ngô Gia theo Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế, hóa đơn.

- Chi cục thuế huyện H, tỉnh Kiên Giang đã thông báo về việc lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế, hóa đơn và ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty cổ phần S5 theo Nghị định số

125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế, hóa đơn.

- Chi cục thuế quận C, Thành phố Hà Nội thông báo về việc lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế, hóa đơn và ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH P theo Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế, hóa đơn.

- Chi cục thuế quận T, Thành phố Hà Nội thông báo về việc Công ty cổ phần C6 đã tự kê khai điều chỉnh, bổ sung thuế GTGT và thuế TNDN, loại bỏ các hóa đơn bất hợp pháp, đồng thời nộp bổ sung tiền thuế phát sinh vào ngân sách nhà nước, tiền phạt nộp chậm vào ngày 24/12/2019 với tổng giá trị là 11.000.000 đồng

- Chi cục thuế quận B, Thành phố Hà Nội thông báo về việc lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế, hóa đơn và ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH C7 theo Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế, hóa đơn.

- Cục thuế Thành phố H xác thông báo về việc Xí nghiệp A1 – Chi nhánh Tổng công ty C8 đã tự kê khai điều chỉnh, bổ sung thuế GTGT và thuế TNDN, loại bỏ hóa đơn bất hợp pháp.

- Chi cục thuế quận T, thành phố Đà Nẵng thông báo về việc Công ty TNHH X3 đã tự kê khai điều chỉnh, bổ sung thuế GTGT và thuế TNDN, loại bỏ các hóa đơn bất hợp pháp.

- Cục thuế thành phố Đ thông báo về việc lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế, hóa đơn và ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty cổ phần T22 theo Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế, hóa đơn.

- Cục thuế thành phố Đ thông báo về việc Công ty Cổ phần T23 đã tự kê khai điều chỉnh, bổ sung thuế GTGT và thuế TNDN, loại bỏ các hóa đơn bất hợp pháp.

- Chi cục thuế quận Đ, Thành phố Hà Nội thông báo về việc Công ty cổ phần E đã tự kê khai điều chỉnh, bổ sung thuế GTGT và thuế TNDN, loại bỏ hóa đơn bất hợp pháp.

- Cục thuế tỉnh Q thông báo Bưu điện tỉnh Q đã tự loại bỏ 02 hóa đơn GTGT được xuất từ Công ty TNHH T24, đồng thời kê khai bổ sung, điều chỉnh hồ sơ khai thuế GTGT và thuế TNDN.

- Chi cục thuế huyện T, tỉnh Hải Hải Dương thông báo về việc Công ty TNHH MTV S6 đã tự kê khai điều chỉnh, bổ sung thuế GTGT và thuế TNDN, loại bỏ các hoá đơn bất hợp pháp.

- Chi cục thuế quận T, Thành phố Hà Nội thông báo về việc Công ty cổ phần Đ8 đã tự kê khai điều chỉnh, bổ sung thuế GTGT và thuế TNDN, loại bỏ hóa đơn bất hợp pháp.

- Chi cục thuế quận N, thành phố Đà Nẵng thông báo về việc lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế, hóa đơn và ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty cổ phần D11 – Chi nhánh Đ9 theo Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế, hóa đơn.

- Chi cục thuế thành phố N, tỉnh Khánh Hoà thông báo về việc lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế, hóa đơn và ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH M10 theo Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế, hóa đơn.

- Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình thông báo về việc lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế, hóa đơn và ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty cổ phần B1 theo Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế, hóa đơn.

- Chi cục thuế thành phố T, tỉnh Bình Dương thông báo về việc lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế, hóa đơn và ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH MTV Đ10 theo Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế, hóa đơn.

- Chi cục thuế quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thông báo về việc Công ty TNHH D12 tự kê khai điều chỉnh, bổ sung thuế GTGT và thuế TNDN, loại bỏ các hóa đơn bất hợp pháp vào ngày 04/11/2021.

* Cơ quan Cảnh sát điều tra trưng cầu Phòng K6 Công an tỉnh B giám định chữ ký, chữ viết của Kế toán trưởng "Nguyễn Thị Quỳnh N"; chữ ký Chủ tài khoản Thạch Văn V3; chữ ký, chữ viết Người lĩnh tiền "Đỗ Thành D1" và hình dấu tròn đỏ của "CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÂM TRƯỜNG PHÁT VINH" trên Giấy lĩnh tiền mặt ngày 24/02/2021 tại ngân hàng H13, Tên đơn vị: C9 xác định:

- Chữ ký, chữ viết của "Nguyễn Thị Quỳnh N", chữ ký của "Thạch Văn V3" do Ngô Văn V ký; chữ ký, chữ viết của "Đỗ Thành D1" trên GIẤY LĨNH TIỀN MẶT so với mẫu Chữ ký, chữ viết của "Nguyễn Thị Quỳnh N", chữ ký của "Thạch Văn V3" do Ngô Văn V ký; chữ ký, chữ viết của "Đỗ Thành D1" là do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn đỏ của "CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÂM TRƯỜNG PHÁT VINH" trên GIẤY LĨNH TIỀN MẶT so với mẫu mà Nguyễn Thị Quỳnh N cung cấp là do cùng một con dấu đóng ra.

* Căn cứ Kết luận giám định số: 201/KL-KTHS(TL) ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Phòng K6 Công an tỉnh B, kết luận:

Chữ ký mang tên "Phạm Văn D2", "Nguyễn Văn T4", "Lê Tế H8", "Hoàng Hải Đ2", "Nguyễn Văn H9", "Trần Phương T5", "Võ Thúc D3", "Huỳnh Văn Q", "Trần Thanh H10" và "Thạch Văn V3" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1-A1413) so với chữ ký thực nghiệm của Nguyễn

Thị Quỳnh N trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1-M10) do cùng một người ký ra.

* Ngày 20/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương, có công văn số 3683 yêu cầu Cục thuế Thành phố H rà soát phối hợp xử lý vi phạm trong lĩnh vực thuế và xác định thiệt hại: Ngày 12/01/2023, Cục thuế Thành phố H, có Công văn số 412, trả lời như sau:

Danh sách theo Công văn số 3683 có 25 Công ty, tuy nhiên, có 02 Công ty trùng mã số thuế 0314397726 là Công ty TNHH D11, địa chỉ: Số A đường C, phường B, Quận B (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH D11, địa chỉ: Số F đường P, phường T, Quận B (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh đây là 01 Công ty do đổi tên, người đại diện và địa chỉ kinh doanh, do đó, Công ty thực tế chỉ còn 24 Công ty. Việc chấp hành nghĩa vụ thuế của 24 Công ty như sau:

- 03/24 Công ty không phát sinh doanh thu và thuế trong quá trình hoạt động.

- 01 Công ty có không phát sinh doanh thu nhưng có phát sinh thuế giá trị gia tăng mua vào.

- 20/24 Công ty có phát sinh doanh thu, trong đó có 16/24 C2 phát sinh tiền thuế nợ 49.963.388 đồng.

Đến thời điểm hiện tại (12/01/2023), 24 Công ty đã không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế đã phát hành thông báo người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký và thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng đối với 24 Công ty này (đính kèm nghĩa vụ thuế và việc chấp hành nghĩa vụ thuế của 24 Công ty.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về các kết luận giám định nêu trên.

* Đối với số tiền thu lợi bất chính: Các bị cáo gồm Ngô Văn V, Bùi Trí O, Bùi Trí N2, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Thu K, Trịnh Ngọc L2, Trần Thị Ngọc D, L1 Sau C3 đã nộp lại tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán hoá đơn GTGT như sau:

- Bị cáo Ngô Văn V đã nộp tổng cộng số tiền là 3.010.000.000 đồng.
- Bị cáo Bùi Trí O đã nộp tổng cộng số tiền là 320.000.000 đồng.
- Bị cáo Bùi Trí N2 đã nộp tổng cộng số tiền là 845.000.000 đồng.
- Bị cáo Nguyễn Văn H đã nộp tổng cộng số tiền là 105.000.000 đồng.
- Bị cáo Nguyễn Thị Thu K đã nộp tổng cộng số tiền là 55.000.000 đồng.
- Bị cáo Trịnh Ngọc L2 đã nộp tổng cộng số tiền là 250.000.000 đồng.
- Bị cáo Trần Thị Ngọc D đã nộp tổng cộng số tiền là 2.255.000 đồng.
- Bị cáo L1 Sau C3 đã nộp tổng cộng số tiền là 65.632.875 đồng.
- Bị cáo Phạm Thị H3 đã nộp tổng cộng số tiền là 111.379.000 đồng.
- Bị cáo Ngô Gia C1 đã nộp tổng cộng số tiền là 30.000.000 đồng.

* Đối với số tiền làm phương tiện phạm tội: Không thể xác định được, vì số tiền dùng để chuyển khoản, thanh toán một tờ hoá đơn GTGT theo quy định của pháp luật là phải được thanh toán thông qua Ngân hàng (hoá đơn GTGT trên 20.000.000 đồng), không giao dịch trực tiếp nên không đề cập xử lý.

* Các hoá đơn bị sai do các Công ty mua trả lại bởi vì những hoá đơn này không có lưu trữ, không có giá trị không đề cập xử lý.

* Quá trình điều tra, không xác định được nhân thân, lai lịch đối tượng tên H11, H12, M1, Đ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương đang tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

* Ông Nguyễn Hữu Á, sinh năm 1996, thường trú: Thôn Q, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa thuê nhà số A đường N, khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương ở cùng Nguyễn Thị Quỳnh N, không biết Như giúp V và đồng phạm "Mua bán trái phép hóa đơn GTGT" nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tra Công an thành phố D không đủ căn cứ xử lý.

Tại cáo trạng số: 358/CT - VKS - DA ngày 05 tháng 10 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Ngô Văn Viết, Nguyễn Thị Quỳnh Như về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo quy định tại điểm a, b, d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố các bị cáo Bùi Trí N2, Ngô Gia C1 về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo quy định tại điểm a, d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố các bị cáo Bùi Trí O, Trịnh Ngọc L2, Nguyễn Văn H về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Thu K, Trần Thị Ngọc D, Vòng Xí L về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố các bị cáo Phạm Thị H3, Lày Sau C3 về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và truy tố bị cáo T3 Trung Hòa tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a, b, d, đ khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, để xử phạt bị cáo Ngô Văn V với mức hình phạt từ 01 năm 10 tháng đến 02 năm 02 tháng tù.

- Áp dụng điểm a, b, d, đ khoản 2 Điều 203; điểm s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, để xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N với mức hình phạt từ 01 năm 08 tháng đến 02 năm tù.

- Áp dụng điểm a, d, đ khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, để xử phạt các bị cáo Bùi Trí N2, Ngô Gia C1, mỗi bị cáo với mức hình phạt từ

01 năm 06 tháng đến 01 năm 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 03 năm 08 tháng.

- Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, để xử phạt bị cáo Bùi Trí O, Trịnh Ngọc L2, Nguyễn Văn H, mỗi bị cáo với mức hình phạt từ 01 năm 04 tháng đến 01 năm 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm 08 tháng đến 03 năm 04 tháng.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, để xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu K, Trần Thị Ngọc D, Vòng Xí L, mỗi bị cáo với mức hình phạt từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm 04 tháng đến 03 năm.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 203; điểm s, n, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, để xử phạt bị cáo Phạm Thị H3 với mức hình phạt từ 01 năm đến 01 năm 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 08 tháng.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, để xử phạt bị cáo L1 Sau Chắn với mức hình phạt từ 01 năm đến 01 năm 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 08 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, để xử phạt bị cáo T3 Trung Hòa với mức hình phạt từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

* Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Buộc bị cáo Ngô Văn V nộp lại số tiền 5.310.109.761 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo V đã nộp 3.010.000.000 đồng, bị cáo Ngô Văn V còn phải tiếp tục nộp 2.300.109.761 đồng.

- Buộc bị cáo Bùi Trí O nộp lại số tiền 1.677.933.488 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo V đã nộp 320.000.000 đồng, bị cáo Bùi Trí O còn phải tiếp tục nộp 1.347. 933.488 đồng.

- Buộc bị cáo Bùi Trí N2 nộp lại số tiền 2.932.077.954 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo N2 đã nộp 845.000.000 đồng, bị cáo Bùi Trí N2 còn phải tiếp tục nộp 2.087.077.954 đồng.

- Buộc bị cáo Ngô Gia C1 nộp lại số tiền 1.566.532.895 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo C1 đã nộp 30.000.000 đồng, bị cáo Ngô Gia C1 còn phải tiếp tục nộp 1.536.532.895 đồng đồng.

- Buộc bị cáo Trịnh Ngọc L2 nộp lại số tiền 1.175.880.852 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung vào Ngân

sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo L đã nộp 250.000.000 đồng, bị cáo Trịnh Ngọc L còn phải tiếp tục nộp 925.880.852 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn H nộp lại số tiền 1.969.630.837 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo H đã nộp 105.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn H còn phải tiếp tục nộp 1.864, 630.837 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu K nộp lại số tiền 94.177.434 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo K đã nộp 55.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thị Thu K còn phải tiếp tục nộp 39.177.434 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu K nộp lại số tiền 94.177.434 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo K đã nộp 55.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thị Thu K còn phải tiếp tục nộp 39.177.434 đồng.

- Buộc bị cáo Phạm Thị H1 nộp lại số tiền 111.379.000 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo H1 đã nộp 111.379.000 đồng.

- Buộc bị cáo L1 Sau C1 nộp lại số tiền 65.632.875 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo C1 đã nộp 65.632.875 đồng.

- Buộc bị cáo Trần Thị Ngọc D nộp lại số tiền 2.255.000 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo D đã nộp 2.255.000 đồng.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (một) con chuột máy vi tính màu đen, không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng; 01 (một) bàn phím máy vi tính màu đen, hiệu F, đã qua sử dụng; 01 (một) CPU máy vi tính màu đen, hiệu Acer, đã qua sử dụng; 01 (một) màn hình máy vi tính màu đen, hiệu S, đã qua sử dụng; 01 (một) máy in màu xám, hiệu Epson LQ310, đã qua sử dụng và 01 (một) máy in màu xám, hiệu Canon LBPb030w, đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy: 21 (hai mươi mốt) chứng minh dân nhân, 25 (hai mươi lăm) giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, 26 (hai mươi sáu) dấu tròn đỏ, 24 (hai mươi bốn) dấu tên, 28 (hai mươi tám) chữ ký số, 34 (ba mươi bốn) cuốn Séc lãnh tiền của ngân hàng H6, 26 (hai mươi sáu) cuốn Séc lãnh tiền của ngân hàng V3, 02 (hai) Lệnh chi Ngân hàng E.

- Tịch thu tiêu hủy các sim số: 0986589357, 0937667945, 0913134970, 0933899308, 0379464264.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng đồng thời các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo để có điều kiện lao động, khắc phục tiền thu lợi bất chính cũng như nuôi sống gia đình, làm người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra An ninh Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã có lời khai tại cơ quan điều tra, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo: Từ năm 2016 đến ngày 28/02/2021, bị cáo Ngô Văn V mở 25 Công ty tại địa bàn thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh và thuê nhà số A đường N, khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương để hoạt động mua bán hóa đơn và thuê bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N là kế toán và xuất nhiều hóa đơn để bán cho các doanh nghiệp, công ty đề hợp thức hóa, cân đối hóa đơn thu lợi bất chính; kết nối với các bị cáo Bùi Trí N1, Bùi Trí O, Ngô Gia C, Nguyễn Thị Thu K, Nguyễn Văn H, Trịnh Ngọc L bán hóa đơn giúp bị cáo V (2728 hóa đơn) và bị cáo V trực tiếp bán tổng cộng 2276 hóa đơn GTGT cho 159 doanh nghiệp, công ty để hưởng lợi tổng cộng số tiền 5.310.109.761 đồng.

- Trong thời gian giúp sức cho bị cáo Ngô Văn V thì bị cáo Bùi Trí N1 đã bán tổng cộng 397 tờ hóa đơn GTGT, hưởng lợi số tiền 2.977.722.046 đồng, trong đó bản thân bị cáo Ngọc H2 lợi là 1.488.861.023 đồng và trả cho bị cáo V số tiền là 1.488.861.023 đồng; ngoài ra, bị cáo Bùi Trí N1 còn hưởng 1.443.216.937 đồng (½ số tiền 2.886.433.874 đồng hưởng lợi từ bị cáo Bùi Trí O và bị cáo Nguyễn Thị Thu K). Tổng số tiền bị cáo Bùi Trí N1 hưởng lợi từ việc mua bán hoá đơn GTGT là 2.932.077.954 đồng.

- Trong thời gian giúp sức cho bị cáo Ngô Văn V thì bị cáo Bùi Trí O đã bán tổng cộng 731 hoá đơn GTGT, hưởng lợi được số tiền 3.684.474.960 đồng, trong đó, bản thân bị cáo O hưởng lợi 1.677.933.488 đồng và trả cho bị cáo V số tiền 2.006.541.472 đồng.

- Trong thời gian giúp sức cho bị cáo Ngô Văn V thì bị cáo Ngô Gia C đã bán tổng cộng 341 hoá đơn GTGT, hưởng lợi được số tiền 1.324.059.003 đồng, trong đó, bản thân C hưởng lợi 918.567.117 đồng và trả cho bị cáo V số tiền 405.491.886 đồng; ngoài ra, bị cáo Ngô Gia C còn hưởng 647.965.778 đồng (½ số tiền 1.295.931.557 đồng thu lợi từ bị cáo Nguyễn Văn H). Tổng số tiền mà bị cáo Ngô Gia C hưởng lợi từ việc mua bán hoá đơn GTGT là 1.566.532.895 đồng.

- Trong thời gian giúp sức cho bị cáo Ngô Văn V thì bị cáo Trịnh Ngọc L đã bán tổng cộng 205 hoá đơn GTGT, hưởng lợi số tiền 1.807.605.158

đồng, trong đó, bản thân bị cáo L hưởng lợi 1.175.880.852 đồng và trả cho bị cáo V số tiền 631.724.306 đồng.

- Trong thời gian giúp sức cho bị cáo Ngô Văn V thì bị cáo Nguyễn Văn H đã bán tổng cộng 215 hóa đơn GTGT, hưởng lợi số tiền 3.265.562.394 đồng, trong đó, bản thân bị cáo L hưởng lợi 1.969.630.837 đồng và trả cho bị cáo V số tiền 1.295.931.557 đồng.

- Trong thời gian giúp sức cho bị cáo Ngô Văn V thì bị cáo Nguyễn Thị Thu K đã bán tổng cộng 597 hoá đơn GTGT, hưởng lợi số tiền 941.774.337 đồng, trong đó, bản thân bị cáo Kiều hưởng lợi được số tiền 94.177.434 đồng và trả cho bị cáo V số tiền 879.892.402 đồng.

- Bị cáo Vòng Xí L2 mua giúp tổng cộng 171 tờ hoá đơn GTGT từ bị cáo Bùi Trí O cho hai Công ty (không hưởng lợi) là giúp sức cho bị cáo O bán 171 hoá đơn GTGT.

- Bị cáo Phạm Thị H1 và bị cáo L1 Sau Chắn mua tổng cộng 11 hóa đơn GTGT của bị cáo Nguyễn Văn H hưởng lợi từ việc nâng giá trị tiền mua hóa đơn giá trị gia tăng 131.265.750 đồng, tương đương mỗi bị cáo hưởng số tiền là 65.632.875 đồng. Riêng bị cáo H1 có mua giúp 60 hóa đơn GTGT cho 03 doanh nghiệp hưởng lợi 45.745.961 đồng.

- Bị cáo Trần Thị Ngọc D hưởng lợi từ việc mua bán tổng cộng 37 hóa đơn GTGT số tiền là 11.275.000 đồng. Trong đó, chi trả cho bị cáo Ngô Gia C số tiền là 9.020.000 đồng, bản thân D hưởng lợi là 2.255.000 đồng.

- T mua giúp tổng cộng 13 tờ hoá đơn GTGT từ bị cáo Trần Thị Ngọc D cho Công ty TNHH P (không hưởng lợi) là giúp sức cho bị cáo Trần Thị Ngọc D bán 13 hoá đơn GTGT.

[3] Như vậy, hành vi trên đây của các bị cáo Ngô Văn V, Nguyễn Thị Quỳnh N đã đủ yếu tố cấu thành về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo quy định tại điểm a, b, d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; hành vi của các bị cáo Bùi Trí N1, Ngô Gia C đã đủ yếu tố cấu thành về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo quy định tại điểm a, d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; hành vi của các các bị cáo Bùi Trí O, Trịnh Ngọc L, Nguyễn Văn H đã đủ yếu tố cấu thành về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; hành vi các bị cáo Nguyễn Thị Thu K, Trần Thị Ngọc D, Vòng Xí L2 đã đủ yếu tố cấu thành về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; hành vi các bị cáo Phạm Thị H1, Lày Sau C1 đã đủ yếu tố cấu thành về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và hành vi của bị cáo Trang Trung H3 đã đủ yếu tố cấu thành về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số: 358/CT-VKS-DA ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố các bị cáo về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" với các định khung được theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều

203 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; các bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng và nghiêm trọng, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với các loại hóa đơn, chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Đây là vụ án có tính chất đồng phạm, có sự cấu kết chặt chẽ, có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội nên xem là phạm tội có tổ chức. Vai trò của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo Ngô Văn V là người khởi xướng, cầm đầu; các bị cáo còn lại với vai trò là người giúp sức.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo V, O, N1, H, K, L, D, C1, H1 và C đã lại nộp một phần tiền thu lợi bất chính; các bị cáo N, H1 phạm tội khi mang thai; các bị cáo D, Như, L2, C1, C, H, K, L, V có hoàn cảnh gia đình khó khăn hoặc là người lao động duy nhất trong gia đình được chính quyền địa phương xác nhận; bị cáo V có cha là Ngô Minh V1 là thương binh và có thành tích xuất sắc trong phong trào chống Mỹ cứu nước; bị cáo V có thành tích xuất sắc tham gia phong trào hiến máu tình nguyện 20 lần trong nhiều năm góp phần tích cực trong phong trào thi đua của thành phố được UBND Thành phố H tặng Bằng khen; các bị cáo N1, O có cha là ông Bùi Ngọc K1 được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo H3 có cha mẹ là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, Huân chương quyết thắng và bản thân bị cáo H3 đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống dịch Covid 19; bị cáo H1 có thành tích xuất sắc trong hoạt động Công đoàn được Công đoàn tỉnh Bình Dương tặng Bằng khen và có mẹ là bà Trịnh Thị V2 là người có công cách mạng được Nhà nước Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì; bị cáo N đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, n, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[8] Về nhân thân: Các bị cáo Ngô Văn V, Nguyễn Thị Quỳnh N, Bùi Trí N1, Bùi Trí O, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Thu K, Trần Thị Ngọc D, Vòng Xí L2, Phạm Thị H1, L1 Sau Chắn, Trang Trung H3 là nhưng người có chưa có tiền án tiền sự. Bị cáo Ngô Gia C và Nguyễn Văn H có tiền án nhưng đã được xóa. Ngoài ra, hiện nay các bị cáo là người lao động và là lao động chính trong gia đình, đang nuôi con nhỏ và đang mang thai nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[9] Về hình phạt:

- Hình phạt chính:

+ Xét các bị cáo Ngô Văn V và Nguyễn Thị Quỳnh N phạm tội nghiêm trọng, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với các loại hóa đơn, chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước, trong vụ án này bị cáo V là người cầm đầu, các bị cáo phạm tội với tình chất chuyên nghiệp, hành vi phạm tội của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành những công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung. Để đảm bảo cho việc thi hành án nên cần áp dụng Quyết định bảo lĩnh số: 45, 46/2024/HSST-QĐBL ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đối với các bị cáo Ngô Văn V, Nguyễn Thạnh Quỳnh N2.

+ Xét các bị cáo Bùi Trí N1, Ngô Gia C, Nguyễn Văn Hiệu Bùi Trí O, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Thu K, Trần Thị Ngọc D, Vòng Xí L2, Phạm Thị H1, L1 Sau Chắn, Trang Trung H3 phạm tội ít nghiêm trọng và nghiêm trọng nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nghề nghiệp ổn định, có nơi cư trú rõ ràng, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện đang là lao động chính trong gia đình, có thành tích xuất sắc trong trong hoạt động sản xuất và công tác, vai trò của các bị cáo trong vụ án là người giúp sức, một số bị cáo không hưởng lợi, đồng thời trong thời gian tại ngoại các bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương. Vì vậy, việc không cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian cũng không ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm tại địa phương, nên quyết định áp dụng loại hình phạt tù có điều kiện đối với các bị cáo, tạo điều kiện cho các bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú. Do áp dụng hình phạt tù có điều kiện đối với các bị cáo nên cần hủy bỏ Quyết định bảo lĩnh số: 47, 48, 49, 50, 51, 52/2024/HSST-QĐBL ngày 07 tháng 8 năm 2024 và Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 109, 10, 111, 112, 113/2024/HSST-LCĐKNCT ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đối với các bị cáo.

- Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 304 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm".* Tuy nhiên, áp dụng hình phạt tù và áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Buộc bị cáo Ngô Văn V nộp lại số tiền 5.310.109.761 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà

nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo V đã nộp 3.010.000.000 đồng, bị cáo Ngô Văn V còn phải tiếp tục nộp 2.000.109.761 đồng.

- Buộc bị cáo Bùi Trí O nộp lại số tiền 1.677.933.488 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo V đã nộp 320.000.000 đồng, bị cáo Bùi Trí O còn phải tiếp tục nộp 1.347. 933.488 đồng.

- Buộc bị cáo Bùi Trí N1 nộp lại số tiền 2.932.077.954 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo N1 đã nộp 845.000.000 đồng, bị cáo Bùi Trí N1 còn phải tiếp tục nộp 2.087.077.954 đồng.

- Buộc bị cáo Ngô Gia C nộp lại số tiền 1.566.532.895 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo C đã nộp 30.000.000 đồng, bị cáo Ngô Gia C còn phải tiếp tục nộp 1.536.532.895 đồng đồng.

- Buộc bị cáo Trịnh Ngọc L nộp lại số tiền 1.175.880.852 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo L đã nộp 250.000.000 đồng, bị cáo Trịnh Ngọc L còn phải tiếp tục nộp 925.880.852 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn H nộp lại số tiền 1.969.630.837 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo H đã nộp 105.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn H còn phải tiếp tục nộp 1.864, 630.837 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu K nộp lại số tiền 94.177.434 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo K đã nộp 55.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thị Thu K còn phải tiếp tục nộp 39.177.434 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu K nộp lại số tiền 94.177.434 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo K đã nộp 55.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thị Thu K còn phải tiếp tục nộp 39.177.434 đồng.

- Buộc bị cáo Phạm Thị H1 nộp lại số tiền 111.379.000 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo H1 đã nộp 111.379.000 đồng.

- Buộc bị cáo L1 Sau C1 nộp lại số tiền 65.632.875 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo C1 đã nộp 65.632.875 đồng.

- Buộc bị cáo Trần Thị Ngọc D nộp lại số tiền 2.255.000 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo D đã nộp 2.255.000 đồng.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (một) con chuột máy vi tính màu đen, không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng; 01 (một) bàn phím máy vi tính màu đen, hiệu F, đã qua sử dụng; 01 (một) CPU máy vi tính màu đen, hiệu Acer, đã qua sử dụng; 01 (một) màn hình máy vi tính màu đen, hiệu S, đã qua sử

dụng; 01 (một) máy in màu xám, hiệu Epson LQ310, đã qua sử dụng và 01 (một) máy in màu xám, hiệu Canon LBPb030w, đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy: 21 (hai mươi mốt) chứng minh dân nhân, 25 (hai mươi lăm) giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, 26 (hai mươi sáu) dấu tròn đỏ, 24 (hai mươi bốn) dấu tên, 28 (hai mươi tám) chữ ký số, 34 (ba mươi bốn) cuốn Séc lãnh tiền của ngân hàng H6, 26 (hai mươi sáu) cuốn Séc lãnh tiền của ngân hàng V3, 02 (hai) Lệnh chi Ngân hàng E.

- Tịch thu tiêu hủy các sim số: 0986589357, 0937667945, 0913134970, 0933899308, 0379464264.

[12] Đối với số tiền làm phương tiện phạm tội: Không thể xác định được, vì số tiền dùng để chuyển khoản, thanh toán một tờ hoá đơn GTGT theo quy định của pháp luật là phải được thanh toán thông qua Ngân hàng (hoá đơn GTGT trên 20.000.000 đồng), không giao dịch trực tiếp nên không đề cập xử lý; đối với các hoá đơn bị sai do các Công ty mua trả lại bởi vì những hoá đơn này không có lưu trữ, không có giá trị không đề cập xử lý; đối tượng tên H4, H5, M, Đào hiện không rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đang tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau và đối ông Nguyễn Hữu Á, sinh năm 1996, thường trú: Thôn Q, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa thuê nhà số A đường N, khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương ở cùng Nguyễn Thị Quỳnh N, không biết Như giúp V và đồng phạm "Mua bán trái phép hóa đơn GTGT" nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tra Công an thành phố D không đề cập xử lý, là đúng theo quy định của pháp luật.

[13] Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương có Văn bản đề nghị T1 - Bộ T2 chỉ đạo các đơn vị thuế ở ở các địa phương trên toàn quốc tiến hành rà soát, thống kê lại các văn bản nhận được của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương và có biện pháp xử lý đối với những các nhân, tổ chức có sử dụng hóa đơn GTGT của những Công ty do nhóm của bị cáo Ngô Văn V cùng đồng phạm lập ra nhằm mục đích mua bán trái phép hóa đơn nhưng vẫn chưa nhận được thêm văn bản trả lời của những đơn vị thuế trên toàn quốc. Ngày 06/5/2024, T1 đã ban hành Công văn số 1868/TCT-TTKT để trả lời ý kiến của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương. Việc xác định hành vi trốn thuế của những Công ty, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng hóa đơn GTGT bất hợp pháp của những Công ty do nhóm của bị cáo V cùng đồng phạm lập ra đòi hỏi thời gian, nhiều thủ tục. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương sẽ tiếp tục cung cấp thông tin, tài liệu về hành vi mua, sử dụng những hóa đơn GTGT bất hợp pháp của những Công ty, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến vụ án cho các cơ quan thuế ở các địa phương để tiếp tục tiến hành xác minh, xử lý vi phạm về thuế, là đúng theo quy định của pháp luật.

[14] Xét đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng, là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Còn mức hình phạt đối với bị cáo N, O, L, H, K, D, L2, xét tính chất mức độ

hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như nhân thân của các bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt nhẹ hơn Viện kiểm sát đề nghị.

[15] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Ngô Văn V, Nguyễn Thị Quỳnh N, Bùi Trí N1, Ngô Gia C, Nguyễn Văn H, Bùi Trí O, Trịnh Ngọc L, Nguyễn Thị Thu K, Trần Thị Ngọc D, Vòng Xí L2, Phạm Thị H1, L1 Sau Chắn, Trang Trung H3 phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn".

1.1 Áp dụng điểm a, b, d, đ khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Ngô Văn V 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/02/2021 đến ngày 02/7/2021.

1.2 Áp dụng điểm a, b, d, đ khoản 2 Điều 203; điểm s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/02/2021 đến ngày 02/7/2021.

1.3 Áp dụng điểm a, d, đ khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2022/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân Tối cao.

- Xử phạt bị cáo Bùi Trí N1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Ngô Gia C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Bùi Trí N1, Ngô Gia C thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể

quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.4 Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2022/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân Tối cao.

- Xử phạt bị cáo Bùi Trí O 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc L 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Bùi Trí O, Trịnh Ngọc L, Nguyễn Văn H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.5 Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2022/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân Tối cao.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu K 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc D 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Vòng Xí L2 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Thị Thu K, Trần Thị Ngọc D, Vòng Xí L2 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự. Trong

thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.6 Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 203; điểm s, n, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2022/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân Tối cao.

- Xử phạt bị cáo Phạm Thị H1 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Phạm Thị H1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.7 Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2022/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân Tối cao.

- Xử phạt bị cáo L1 Sau C1 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo L1 Sau Chắn thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.8 Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2022/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân Tối cao.

- Xử phạt bị cáo Trang Trung H3 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Trang Trung H3 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết

định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.9 Áp dụng Điều 123 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tiếp tục áp dụng Quyết định bảo lĩnh số: 45, 46/2024/HSST-QĐBL ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, kể từ khi tuyên án đến khi các bị cáo Ngô Văn V, Nguyễn Thị Quỳnh N đi chấp hành án phạt tù.

- Hủy các Quyết định bảo lĩnh số: 47, 48, 49, 50, 51, 52/2024/HSST-QĐBL ngày 07 tháng 8 năm 2024 và Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 109, 10, 111, 112, 113/2024/HSST-LCĐKNCT ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đối với các bị cáo.

2. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Buộc bị cáo Ngô Văn V nộp lại số tiền 5.310.109.761 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo V đã nộp 3.010.000.000 đồng theo các Lệnh thanh toán ngày 08/6/2022, 06/7/222 của Ngân hàng N3 – Chi nhánh thành phố D, tỉnh Bình Dương và Biên lai thu tiền số 0001215 ngày 26/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Bị cáo Ngô Văn V còn phải tiếp tục nộp 2.300.109.761 đồng.

- Buộc bị cáo Bùi Trí O nộp lại số tiền 1.677.933.488 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo V đã nộp 320.000.000 đồng, theo Lệnh thanh toán ngày 14/6/2022 của Ngân hàng N3 – Chi nhánh thành phố D, tỉnh Bình Dương và Biên lai thu tiền số 0001220 ngày 26/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Bị cáo Bùi Trí O còn phải tiếp tục nộp 1.357.933.488 đồng.

- Buộc bị cáo Bùi Trí N1 nộp lại số tiền 2.932.077.954 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo N1 đã nộp 845.000.000 đồng, theo Lệnh thanh toán ngày 09/6/2022 của Ngân hàng N3 – Chi nhánh thành phố D, tỉnh Bình Dương và Biên lai thu tiền số 0001216 ngày 26/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Bị cáo Bùi Trí N1 còn phải tiếp tục nộp 2.087.077.954 đồng.

- Buộc bị cáo Ngô Gia C nộp lại số tiền 1.566.532.895 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo C đã nộp 30.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0006755 ngày 03/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Bị cáo Ngô Gia C còn phải tiếp tục nộp 1.536.532.895 đồng đồng.

- Buộc bị cáo Trịnh Ngọc L nộp lại số tiền 1.175.880.852 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung vào Ngân sách

Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo L đã nộp 250.000.000 đồng, theo Lệnh thanh toán ngày 10/6/2022 của Ngân hàng N3 – Chi nhánh thành phố D, tỉnh Bình Dương và Biên lai thu tiền số 0001219 ngày 26/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Bị cáo Trịnh Ngọc L còn phải tiếp tục nộp 925.880.852 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn H nộp lại số tiền 1.969.630.837 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo H đã nộp 105.000.000 đồng, theo Lệnh thanh toán ngày 09/6/2022 của Ngân hàng N3 – Chi nhánh thành phố D, tỉnh Bình Dương và Biên lai thu tiền số 0001218 ngày 26/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Bị cáo Nguyễn Văn H còn phải tiếp tục nộp 1.864, 630.837 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu K nộp lại số tiền 94.177.434 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo K đã nộp 55.000.000 đồng, theo Lệnh thanh toán ngày 07/6/2022 của Ngân hàng N3 – Chi nhánh thành phố D, tỉnh Bình Dương và Biên lai thu tiền số 0001217 ngày 26/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Bị cáo Nguyễn Thị Thu K còn phải tiếp tục nộp 39.177.434 đồng.

- Buộc bị cáo Phạm Thị H1 nộp lại số tiền 111.379.000 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ toàn bộ vào số tiền bị cáo H1 đã nộp 111.379.000 đồng, theo Biên lai thu tiền số 0001228 ngày 29/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Buộc bị cáo L1 Sau C1 nộp lại số tiền 65.632.875 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ toàn bộ vào số tiền bị cáo C1 đã nộp 65.632.875 đồng, theo Biên lai thu tiền số 0001227 ngày 29/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Buộc bị cáo Trần Thị Ngọc D nộp lại số tiền 2.255.000 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ toàn bộ vào số tiền bị cáo D đã nộp 2.255.000 đồng, theo Lệnh thanh toán ngày 06/4/2023 của Ngân hàng N3 – Chi nhánh thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (một) con chuột máy vi tính màu đen, không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng; 01 (một) bàn phím máy vi tính màu đen, hiệu F, đã qua sử dụng; 01 (một) CPU máy vi tính màu đen, hiệu Acer, đã qua sử dụng; 01 (một) màn hình máy vi tính màu đen, hiệu S, đã qua sử dụng; 01 (một) máy in màu xám, hiệu Epson LQ310, đã qua sử dụng và 01 (một) máy in màu xám, hiệu Canon LBPb030w, đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy: 21 (hai mươi mốt) chứng minh dân nhân, 26 (hai mươi sáu) dấu tròn đỏ, 24 (hai mươi bốn) dấu tên, 28 (hai mươi tám) chữ ký số, 34 (ba mươi bốn) cuốn Séc lãnh tiền của ngân hàng H6, 26 (hai mươi sáu) cuốn Séc lãnh tiền của ngân hàng V3, 02 (hai) Lệnh chi Ngân hàng E.

- Tịch thu tiêu hủy các sim số: 0986589357, 0937667945, 0913134970, 0933899308, 0379464264.

(Theo các biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/10/2023 và ngày 06/8/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Các bị cáo Ngô Văn V, Nguyễn Thị Quỳnh N, Bùi Trí N1, Ngô Gia C, Nguyễn Văn H, Bùi Trí O, Trịnh Ngọc L, Nguyễn Thị Thu K, Trần Thị Ngọc D, Vòng Xí L2, Phạm Thị H1, L1 Sau Chắn, Trang Trung H3, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- Công an thành phố Dĩ An (03);
- Chi cục THA thành phố Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Người tham gia tố tụng (238);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- THA hình sự (04);
- UBND xã, phường bị cáo thường trú (13);
- Phòng PV 06 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PC 10 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Ngọc Công